CÔNG TY TNHH POLYCOM

------ ꕥ ------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA (KHÔNG CÓ NHỰA TÁI CHẾ PET) CÔNG SUẤT 45.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Đồng Nai, tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH POLYCOM

------ ✧ ------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA (KHÔNG CÓ NHỰA TÁI CHẾ PET) CÔNG SUẤT 45.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Địa điểm: Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH POLYCOM TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH GIÁM ĐỐC
KIM DONG SUK	NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Đồng Nai, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iii
DANH MỤC CÁC BẢNG v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ v
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 6
1. Tên chủ cơ sở: 6
2. Tên cơ sở: 6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 8
3.1. Công suất 8
3.2 Quy trình sản xuất 9
3.2 Sản phẩm của cơ sở 13
4. 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 14
4.1. Nguyên vật liệu, hóa chất của quá trình sản xuất 14
4.2. Máy móc phục vụ cơ sở 15
4.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 19
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 22
5.1. Các cơ sở pháp lý liên quan đến cơ sở 22
5.2. Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực Cơ sở 23
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 26
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 26
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 28
2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng tiếp nhận nước thải của KCN 28
2.2.2. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí 36
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 37
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 37
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 48
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường 52
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 56
6. Phương án phòng ngừa và ứng phó các sự cố môi trường 57
Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường. 73
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 74
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 76
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 76
1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải: 76
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải: 77
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải. 79
2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 79
2.2. Dòng khí thải, Vị trí xả khí thải 79
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có): 82
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung 82
3.2.Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 82

3.3.Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN
3.4. Độ rung: 83
4.1.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:83
4.1.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 84
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: 84
4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: 84
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 90
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở 90
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 90
1.2. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 90
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 91
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 94

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: **Ông KIM DONG SUK.**

- Sinh ngày 02/02/1965 - Quốc tịch: Hàn Quốc

- Chức vụ: Tổng Giám Đốc

- Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

- Số giấy tờ pháp lý cá nhân: M442J8615 cấp ngày 17/10/2024 tại Hàn Quốc.

- Địa chỉ thường trú: Room 506-1705, Heliocity APT, Songpa Daero 354, Garak-Dong, Songpa-gu, Seoul, Hàn Quốc.

- Chỗ ở hiện tại: 1056A Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Mã số doanh nghiệp: 3600857264

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600857264 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số cơ sở 8707947650 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/02/2021.

2. Tên cơ sở:

- **Tên cơ sở**: **"**Nhà máy sản xuất hạt nhựa (không có nhựa tái chế PET) công suất 45.000 tấn sản phẩm/năm"

- **Địa điểm thực hiện cơ sở**: Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai

- Các văn bản liên quan đến môi trường:

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 1640/UBND-KT ngày 18/07/2007 do UBND huyện Long Thành cấp cho cơ sở Xây dựng nhà Xưởng Công ty Polycom.

+ Quyết định số 64/QĐ-KCNĐN do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 04/09/2009 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cơ sở "Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất hạt nhựa ABS và hạt nhựa tái sinh PET công suất 6.200 tấn sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Polycom tại KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 25 Nghị định này:

+ Tổng mức đầu tư: Dự án "Nhà máy sản xuất hạt nhựa (không có nhựa tái chế PET) công suất 45.000 tấn sản phẩm/năm" được Công ty TNHH Polycom đầu tư với tổng vốn đầu tư là 114.045.600.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Như vậy, theo khoản 2 Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 thì Dự án đầu tư thuộc tiêu chí phân loại Dự án đầu tư nhóm C.

+ Sản phẩm của nhà máy là hạt nhựa. Do đó dự án thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ khác **không** thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 05/2025 NĐ-CP ngày 06/01/2025 .

+ Dự án **không** có yếu tố nhạy cảm.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cơ sở thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ khác không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phân loại nhóm dự án đầu tư: Dự án đầu tư thuộc số thứ tự STT 2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 05/2025 NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022 NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Luật bảo vệ môi trường là Dự án Nhóm III.

- Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì Dự án đầu tư cần phải lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư đầu tư nhóm III gửi Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai thẩm định và phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất hiện tại	Công suất khi hoạt động hết công suất
1	Hạt nhựa XLPE	Sản phẩm/năm	24.000	25.000
2	Hạt nhựa ABS	Sản phẩm/năm	0	5.000
3	Hạt nhựa màu mastersbatch	Sản phẩm/năm	1.000	5.000
4	Hạt nhựa PPS, PS, PC, PP	Sản phẩm/năm	0	6.000
5	Các chất xúc tác (catalyst)	Sản phẩm/năm	1.600	4.000
Tổng cộng			**26.600**	**45.000**

Điều chỉnh dự án khi xin cấp giấy phép môi trường:

Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình và đã đi vào hoạt động từ năm 2007.

Do nhu cầu của thi trường, Công ty thay đổi mục tiêu hoạt động: bỏ mục tiêu sản xuất nhựa tái sinh PET, giữ nguyên mục tiêu sản xuất nhựa ABS và bổ sung thêm mục tiêu sản xuất nhựa XPLE, Sản xuất các loại hạt nhựa màu (masterbatch), sản xuất hạt nhựa PPS, PS, PC, PP, Sản xuất các chất xúc tác (catalyst) sử dụng liên kết các loại nhựa dùng cho ngành dây cáp điện và ngành công nghiệp khác. Ngoài ra yêu cầu của khách hàng ngày càng quan tâm đến môi trường và sự bền vững thông qua việc cung cấp các sản phẩm có tác động ít đến môi trường nên Công ty có kế hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 50m^3/ngày.đêm.

Công ty thay đổi công nghệ, công suất sản xuất, so với quy mô theo ĐTM đã được cấp. Tuy nhiên cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020. Vì vậy, Công ty tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường.

Những nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp năm 2009, cụ thể như sau:

STT	Công nghệ sản xuất, công trình môi trường	Theo ĐTM đã được duyệt	Cơ sở	Lý do điều chỉnh
1	Công nghệ , công suất sản xuất	Hạt nhựa PET tái sinh công suất 5.000 tấn sản phẩm/ năm Hạt nhựa ABS: 1.200 tấn sản phẩm/ năm	**Bỏ** sản xuất hạt nhựa PET. Sản xuất nhựa ABS: 5.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất nhựa XPLE: 25.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất hạt nhựa màu: 5.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất hạt nhựa PPS, PS, PC, PP: 6.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất các chất xúc tác (catalyst):4.000 tấn sản phẩm/ năm.	Do nhu cầu của khách hàng không cần sử dụng hạt nhựa PET nữa mà chuyển sang sử dụng các dòng hạt nhựa khác.
2	Hệ thống xử lý nước thải	Không xây dựng	01 hệ thống xử lý nước thải công suất 50m^3/ngày.đêm.	Do yêu cầu của khách hàng ngày càng quan tâm đến môi trường và sự bền vững
3	Hệ thống xử lý khí thải	Không xây dựng	Xây dựng hệ thống lọc bụi túi vải cho công đoạn sản xuất hạt nhựa màu.	Hệ thống đi kèm dây chuyền sản xuất

3.2 Quy trình sản xuất

Công ty sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ khép kín với mức độ tự động hóa cáo. Quy trình sản xuất của Công ty được trình bày như sau:

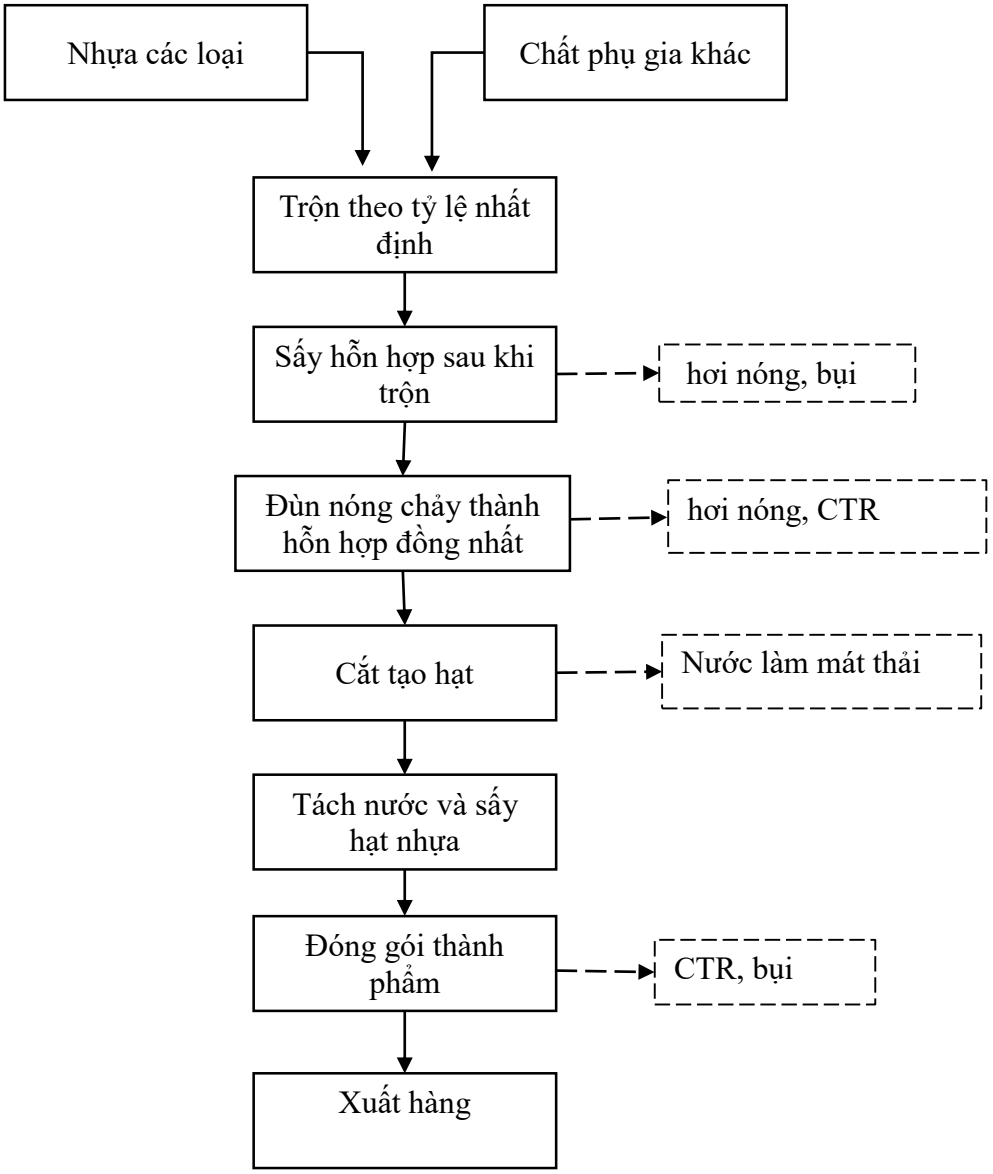

Hình 1.1. Quy trình sản xuất tại cơ sở

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ**:

Nguyên liệu:

- Hạt nhựa XLPE: nguyên liệu là hạt nhựa nguyên sinh và các chất phụ gia khác.
- Hạt nhựa ABS: nguyên liệu là nhựa ABS và các chất phụ gia khác
- Hạt nhựa màu Mastersbatch: nguyên liệu là nhựa polyethylene, bột màu và các chất phụ gia khác
- Hạt nhựa PPS, PS, PC, PP: nguyên liệu là hạt nhựa PP và các chất phụ gia khác

- Các chất xúc tác (catalyst): nguyện liệu là nhựa PE và các chất phụ gia khác

Quy trình sản xuất

Cân tỷ lệ: Tại mỗi dây chuyền sản xuất sẽ có khu vực cân đo tỷ lệ các loại hạt nhựa, (bột nhựa) và chất xúc tác để đưa ra tỷ lệ phối trộn đúng cho mỗi mẫu sản phẩm trước khi đi vào dây chuyền sản xuất gồm các bước sau:

Bước 1: Nguyên liệu và chất xúc tác sau khi cân sẽ được đưa vào máy trộn đảm bảo các nguyên liệu được trộn đều với nhau.

Bước 2: Hỗn hợp nhựa sau khi trộn sẽ được tích hợp sấy khô bằng gió, hơi nóng rồi cho vào máy đùn , hoặc cho trực tiếp vào máy đùn sau khi đã trộn xong mà không cần qua sấy khô.

Bước 3: Hỗn hợp nhựa trong quá trình đi vào máy đùn sẽ được nóng chảy sẽ được tạo hạt trực tiếp dưới nước sau khi qua đầu khuôn hoặc nhựa sau khi đi ra khỏi đầu khuôn sẽ được cho đi qua nước lạnh để định hình và đi vào máy cắt để tạo hạt.

Bước 4: Nhựa sau khi được tạo hạt xong sẽ được sấy khô hoàn toàn.

Bước 5: Cuối cùng hạt nhựa thành phẩm sẽ được đóng gói nhập kho xuất hàng cho khách.

Hình ảnh sản xuất tại cơ sở.

Dây chuyền sản xuất hạt nhựa XPLE
Sản xuất hạt nhựa màu

Sản xuất nhựa PP	
Kho lưu chứa hàng hóa	
Hình 1.2.Một số hình ảnh sản xuất tại nhà máy	

(Nguồn: Công ty Công ty TNHH Polycom)

3.2 Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1.2. Sản phẩm của cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất hiện tại	Công suất xin cấp GPMT
1	Hạt nhựa XLPE	Sản phẩm/năm	24.000	25.000
2	Hạt nhựa ABS	Sản phẩm/năm	0	5.000
3	Hạt nhựa màu mastersbatch	Sản phẩm/năm	1.000	5.000
4	Hạt nhựa PPS, PS, PC, PP	Sản phẩm/năm	0	6.000
5	Các chất xúc tác (catalyst)	Sản phẩm/năm	1.600	4.000
Tổng cộng			**26.600**	**45.000**

Sản phẩm	Hình ảnh minh họa

Hạt nhựa	

4. 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên vật liệu, hóa chất của quá trình sản xuất

Bảng 1.3. Danh mục Nguyên vật liệu, hóa chất của quá trình sản xuất

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng		Ghi chú
			Hiện tại	Khi hoạt động hết công suất	
Nguyên, nhiên, vật liệu cho sản xuất					
1	Polyethylene	Tấn/ năm	13.036	23.025	Nhựa nền
2	Polypropylene	Tấn/ năm	88	155	Nhựa nền
3	Bột nhựa ABS	Tấn/ năm		4.000	
4	Bột Nhựa PPS, PS,PC,PP	Tấn/ năm		4.500	
5	Hạt nhựa màu àu Master batch	Tấn/ năm	1.000	5.000	

6	Chất xúc tác	Tấn/ năm	1.600	4.000	
7	Bột đá	Tấn/ năm		2.000	
Hóa chất sử dụng					
1	Phụ gia chống oxi hóa	Tấn/ năm	22	38	Chống lão hóa cho sản phẩm
2	Phụ gia biến tính Silane	Tấn/ năm	200	353	Biến tính nhựa nguyên sinh
3	Phụ gia trợ gia công	Tấn/ năm	42	74	Hỗ trợ gia công
4	Hạt màu	Tấn/ năm	200	353	Tạo màu cho sản phẩm
Nguyên phụ kiện, vật liệu đóng gói					
1	Bao nhôm 500kg	cái	5000	8000	Đóng gói thành phẩm
2	Bao nhôm 25kg	cái	500.000	800.000	
3	Bao nhôm 2kg	cái	350.000	500.000	
4	Bao giấy	cái	500.000	800.000	
5	Màng PE	Cuộn	3500	5000	
6	Thùng CARTON	cái	5000	8000	
Nhiên liệu sử dụng					
	Dầu DO	Lít	700	800	Chạy xe nâng
Hóa chất cho HTXL nước thải 50 m^3/ ngày.đêm					
1	PAC	Kg/năm	0	1.800	Kẹo tụ tạo bông
2	Polymer	Kg/năm	0	0.036	
3	NaOH	Kg/năm	0	720	Cân bằng pH

(Nguồn: Công ty Công ty TNHH Polycom)

4.2. Máy móc phục vụ cơ sở

Bảng 1.4. Danh sách máy móc thiết bị

STT	Máy móc thiết bị		Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Công suất máy	Tình trạng (mới hay cũ, bao nhiêu %)
1	Dây chuyền 1 bước	Máy hút hạt nhựa	Bộ	1	2007	Hàn quốc	750 kg/h	Cũ , 70%

		Máy trộn Máy hàn bao Cân trọng lượng Máy may bao						
2	Dây chuyền 1 bước	Máy hút hạt nhựa Máy trộn Máy hàn bao Cân trọng lượng Máy may bao	Bộ	1	2019	Việt nam	750 kg/h	Cũ , 80%
3	Dây chuyền 2 bước	Máy trộn Máy hút hạt nhựa Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy tách nước Sàn rung Máy tách ẩm Máy sấy Cân trọng lượng Máy hàn bao Máy may bao	Bộ	1	2013	China	270 kg/h	Cũ , 80%
4	Dây chuyền 2 bước	Máy trộn Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy tách nước Máy sấy tầng sôi	Bộ	1	2015	China	450 kg/h	Cũ , 70 %

		Máy tách bụi Sàn rung Máy tách ẩm Máy sấy Cân trọng lượng Máy hàn bao Máy may bao						
5	Dây chuyền 2 bước	Máy trộn Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy tách nước Máy sấy tầng sôi Máy tách bụi Sàn rung Máy tách ẩm Máy sấy Cân trọng lượng Máy hàn bao Máy may bao	Bộ	1	2018	China	650 kg/h	Cũ , 70%
6	Dây chuyền 2 bước	Máy trộn Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy tách nước Máy sấy tầng sôi	Bộ	1	2021	China	650 kg/h	Cũ , 80%

		Máy tách bụi Sàn rung Máy tách ẩm Máy sấy Cân trọng lượng Máy hàn bao Máy may bao						
7	Dây chuyền hạt màu	Máy trộn Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy sấy Cân trọng lượng Máy hàn bao	Bộ	1	2018	China	150 kg/h	Cũ , 80 %
8	Dây chuyền hạt màu	Máy trộn Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy sấy Cân trọng lượng Máy hàn bao	Bộ	1	2014	Hàn quốc	150 kg/h	Cũ , 70%
9	Dây chuyền hạt màu	Máy trộn Máy ép đùn Máy cắt hạt Máy thổi Sàn rung Cân trọng lượng	Bộ	1	2000	Hàn quốc	200 kg/h	Cũ , 80%

		Máy hàn bao						
		Máy may bao						

4.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a) Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

***Nguồn cung cấp điện:** Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở được lấy từ lưới điện lực Quốc gia. Việc cung cấp điện do Công ty TNHH Điện lực Đồng Nai.

*** Nhu cầu tiêu thụ điện:** Lượng điện năng Công ty tiêu thụ trung bình khoảng 402.333 KWh/tháng *(Căn cứ theo hóa đơn điện tháng 10,11,12 năm 2024).*

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng điện

Thời gian	Điện năng tiêu thụ (kWh)
Tháng 10/2024	459.300
Tháng 11/2024	384.300
Tháng 12/2024	363.400
Trung bình	**154.455,3**

(Nguồn: Hóa đơn tiền điện tháng 10,11,12 năm 2024, Công ty TNHH Polycom)

***Mục đích sử dụng điện:** Dùng để vận hành dây chuyền sản xuất, hoạt động văn phòng và sinh hoạt, thắp sáng và bảo vệ, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

b) Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

*** Nguồn nước cấp cho cơ sở:** Nguồn nước cấp cho cơ sở từ Công ty Cổ phần đô Sonadezi Long Thành.

***Mục đích sử dụng nước:** Nước dùng cho các mục đích như hoạt động sinh hoạt, nhà ăn, tưới cây, hoạt động làm mát nhựa trong sản xuất và cấp cho hệ thống PCCC.

*** Nhu cầu sử dụng nước:** Lượng nước sử dụng cho Cơ sở trung bình khoảng 55,7 m^3/ngày.đêm (H*óa đơn tiền nước 03 tháng 10,11,12 năm 2024 của Cơ sở).*

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước

Thời gian	Lượng nước sử dụng (m^3/tháng)

Tháng 10/2024	1.575
Tháng 11/2024	1.423
Tháng 12/2024	1.347
Trung bình tháng	**1.448,3**
Trung bình m^3/ngày	**55,7**

(Nguồn: Hóa đơn tiền nước tháng 10,11,12 năm 2024, Công ty TNHH Polycom)

Số lao động hiện nay là 100 người. Khi thực hiện cơ sở, Công ty không tuyển thêm công nhân.

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Mục đích	Đơn vị	Lượng nước sử dụng		Lượng nước thải phát sinh		
			Theo DTM	Cơ sở	Theo DTM	Cơ sở	
1	Nước cấp cho sinh hoạt	(m^3/ngày)	2	8	2	8	Nước thải phát sinh đưa về HTXLNT 50m^3/ngày.đêm; Nước thải sản suất chỉ xả lần từng bể không xả đồng thời các bể
3	Hoạt động nấu ăn, rửa rau	(m^3/ngày)	-	2,5	-	2,5	
4	Nước cấp cho sản xuất:	(m^3/ngày)	117,6	10	-	10	
–	Rửa phế liệu (đã bỏ ngành nghề này)		100	-	100	0	
–	Làm mát quá trình vận chuyển hạt nhựa		10,5	10	10,5	10	
–	Vệ sinh nhà xưởng		2,1	0	2,1	0	
–	Nước làm mát giải nhiệt thiết bị		0	50	0	50	Cấp 1 lần tuần hoàn 1 năm xả thay nước 1 lần
5	Tưới cây, rửa đường	(m^3/ngày)	5	16	0	0	
Tổng cộng			**124,6**	**86,5**		**70,5**	

(Nguồn: Công ty TNHH Polycom)

Nhu cầu sử dụng nước hiện hữu của nhà máy: Nhu cầu sử dụng nước của phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của công nhân viên với tổng

lượng nước sử dụng trung bình khoảng 55 m^3/tháng, tương đương 29,7m^3/ngày. Trong đó:

(1) Nước cấp cho sinh hoạt: Nước cấp cho mục đích sinh hoạt gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Nhà máy hiện hữu sử dụng 100 lao động làm việc:

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày x } 100 \text{ người} \approx 8m^3/\text{ngày};$$

(2) Nước cấp cho hoạt động nấu ăn: Nước dùng cho nhu cầu chuẩn bị bữa ăn của công nhân (Theo tiêu chuẩn TCVN 4474-87), lượng nước sử dụng cho nhà ăn tập thể tính cho 1 công nhân là 25 lít/ngày.

$$Q_{na} = 100 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người} \approx 2,5 \text{ } m^3/\text{ngày}.$$

(3) Nước cấp cho hoạt động sản xuất (làm mát hạt nhựa): được cấp 1 lần đầu 10m^3/lần, lượng nước này được sử dụng tuần hoàn. Lượng nước này được thải bỏ định kỳ khi nhiệt độ quá cao hoặc bị cặn, có 3 bể chứa nước làm mát thể tích 3-4 m^3/ bể. Mỗi lần thải bỏ chỉ thải 1 bể khoảng 3-4m^3/lần;

(4) Nước làm mát giải nhiệt máy: công ty có 1 bể chứa nước làm mát thể tích 50m^3. Lượng nước làm mát này được tuần hoàn tái sử dụng và châm bổ sung định kỳ. Xả thải 1 năm 1 lần khoảng 50m^3.

(5) Nước dùng cho tưới cây, rửa đường: 16 m^3/ngày

(6) Nước PCCC: Chỉ tiêu cấp nước cho phòng cháy, chữa cháy của cơ sở là 10l/s/3 đám cháy trong vòng 2 giờ. Lượng nước phục vụ cho hoạt động chữa cháy (mỗi lần sử dụng khoảng 120m^3 chứa trong 01 bể với diện tích mỗi bể 126 m^3 của Cơ sở nằm kề bên nhà xưởng, không sử dụng thường xuyên).

Nhu cầu lao động phục vụ dự án:

Nhà máy sử dụng công nghệ tự động với các thiết bị máy móc hiện đại nên số lượng lao động của nhà máy không nhiều, chủ yếu là nhân viên văn phòng, kỹ sư và công nhân kỹ thuật vận hành máy.

Bảng 1.1: *Nhu cầu lao động phục vụ dự án*

	Hiện nay	**Nhà máy mở rộng hoạt động ổn định**
Số lao động	100	100
Số ca làm việc	2 ca/ngày (ca 8giờ)	2 ca/ngày (ca 8giờ)
Số ngày làm việc	6 ngày/tuần	6 ngày/tuần

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các cơ sở pháp lý liên quan đến cơ sở

Nhà máy sản xuất hạt nhựa (không có nhựa tái chế PET) công suất 45.000 tấn sản phẩm/năm.

Căn cứ pháp lý khác của cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600857264 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số cơ sở 8707947650 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/02/2021.

- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 1640/UBND-KT ngày 18/07/2007 do UBND huyện Long Thành cấp cho cơ sở Xây dựng nhà Xưởng Công ty Polycom.

- Hợp đồng thuê lại đất số 51/HĐTĐ/SLC/KD-TT ngày 29/12/2006 giữa Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 012493 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/08/2012.

- Giấy phép xây dựng số 53/GPXD do sở Xây Dựng tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/04/2008.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 11/TD – PCCC do Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/12/2009.

- Biên bản nghiệm thu PCCC số 19/NT – PCCC – PC do Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/01/2008.

- Hợp đồng xử lý nước thải số 43/HĐNT/SZL/KD-TT ngày 01/03/2011 giữa Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom.

- Hợp đồng chất thải nguy hại số 23/HĐ/SV-2025 ngày 01/01/2025 giữa Công ty TNHH Polycom và Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng.

- Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 333/2025/HĐ-RT ngày 02/01/2025 giữa Công ty TNHH Polycom và Công ty Cổ Phần Môi Trường Sonadezi.

5.2. Hiện trạng sử dụng đất trên khu vực Cơ sở

Cơ sở thuê lại khu đất của Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành theo hợp đồng thuê lại đất ngày 29/12/2006 tại lô C.II.I.-1 với tổng diện tích là 20.366,4 m^2 tại Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở:

Bảng 1.7. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ (%)
		Cơ sở	
I	Diện tích xây dựng	5.293,55	25,99
II	Sân đường nội bộ, đất trống	10.853,5	53,29
III	Cây xanh	4.219,4	20,72
TỔNG CỘNG		**20.366,4**	**100,00**

(Nguồn: Công ty TNHH Polycom)

Các hạng mục công trình hiện hữu của Cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 1.8. Diện tích các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m^2)	Tỷ lệ %)	Ghi chú
I	**Diện tích xây dựng**		25,99	
1	Xưởng 1	1625		-
2	Xưởng 2	600		-
3	Kho nguyên liệu	950		-
4	Kho thành phẩm	1150		-
5	Phòng bảo vệ	16		-
6	Toilet 1	6		-
7	Pccc	48		-
8	Nhà ăn	70		-
9	Toilet 2	12		-
10	Phòng họp	12		-
11	Phòng sản xuất	24		-

12	Phòng QA	24		
13	Phòng mẫu	36		
14	Trạm điện 1000KVA	49		
15	Trạm điện 1250KVA	35		-
16	Bể nước giải nhiệt	45,5		-
17	Toilet 3	45,5		-
18	Khu hóa chất	29		
19	Nhà rác thải nguy hại	29		
20	Nhà rác thải sinh hoạt	16,24		
21	Nhà rác thải thông thường	32,86		
22	Khu bãi container	288		
23	Cân điện từ 60 tấn	47,25		
24	Bãi đỗ xe	48		
25	HTXLNT	55,2		
II	**Sân đường nội bộ**	10.853,5	53,29	-
III	**Cây xanh**	4.219,4	20,72	-
Tổng cộng		**20.366,4**	**100,00**	-

(Nguồn: Công ty TNHH Polycom)

❖ Vị trí tiếp giáp của cơ sở

Cơ sở tại Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Tây Bắc giáp: đường số 5, bên đường là đất trống

- Phía Đông Bắc: giáp đường số 9, bên đường là công ty Phú Thái Cat

- Phía Đông Nam: giáp đường, bên đường là Công Ty TNHH Ryder Industries Việt Nam.

- Phía Tây Nam: giáp Công ty TNHH Lê Ban - Kho hàng và Công Ty TNHH Dae Duk Band Việt Nam.

Hình 1.3.Vị trí cơ sở

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở được triển khai tại KCN Long Thành hoàn toàn phù hợp với ngành nghề đầu tư của KCN Long Thành đã được cấp Giấy phép Môi trường số 140/GPMT-BTNMT ngày 11/05/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Long Thành:

- Sản xuất chế biến thực phẩm
- Sản xuất đồ uống
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá
- Dệt
- Sản xuất trang phục
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất các sản phẩm từ rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
- In sao chép bản ghi các loại
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất
- Sản xuất thuốc, hoả dược và dược liệu
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác
- Sản xuất kim loại
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học
- Sản xuất thiết bị điện
- Sản xuất máy móc, thiết bị
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ
- Sản xuất phương tiện vận tải
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác

- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác

- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị

- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí

- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu

- Xây dựng nhà các loại

- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải

- Bưu chính và chuyển phát

- Dịch vụ lưu trú

- Dịch vụ ăn uống

- Hoạt động xuất bản

- Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc

- Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)

- Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)

- Hoạt động tài chính khác

- Hoạt động kinh doanh bất động sản

- Hạot động pháp luật kế toán, kiểm toán

- Hoạt động của trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn quản lý.

- Hoạt động kiến trúc kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển.

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác

– Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính

- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm

- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bả và tổ chức tua du lịch

- Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan

- Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác

- Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí

Như vậy, ngành nghề của Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các ngành nghề được đầu

tư trong khu công nghiệp ngành "*Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic*".

- Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Long Thành, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu.

- Theo báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại KCN Long Thành trong 3 năm gần nhất, báo cáo tổng hợp quan trắc môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chất lượng không khí tại khu vực đạt quy chuẩn quy định, chất lượng không khí tại khu vực tốt.

- Vì vậy, vị trí thực hiện cơ sở tại KCN Long Thành phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/04/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022.

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng tiếp nhận nước thải của KCN

a) Hệ thống hạ tầng của KCN Long Thành

❖ ***Hệ thống cấp nước***

Nguồn cấp nước cho KCN lấy từ nguồn nước do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai cung cấp với công suất là 35.000m^3/ngày.đêm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước (*nhu cầu sinh hoạt, nhu cầu sản xuất*) của tất cả các nhà máy trong KCN Long Thành. Hiện tại 100% các doanh nghiệp trong KCN sử dụng nước cấp.

❖ ***Hệ thống thu gom và thoát nước mưa***

Hệ thống thoát nước mưa chung của KCNđược xây dựng hoàn toàn bằng cống tròn BTCT, cống hộp BTCT Ø600-3.000 mm, tách riêng với nước thải. Hướng thoát nước cho toàn KCN phù hợp với địa hình tự nhiên và quy hoạch san nền. Hệ thống đường cống được lắp đặt song song với đường giao thông nội bộ, độ dốc cống được xây dựng phù hợp và tự chảy, đảm bảo tiêu thoát tốt lượng nước mưa phát sinh tại cơ sở thứ cấp trong KCN.

❖ ***Hệ thống thu gom nước thải***

Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt so với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước được bố trí dọc theo các đường, nằm bên trong vỉa hè. Toàn bộ nước thải được thu gom bằng mạng lưới thoát nước riêng và đưa đến trạm xử lý nước thải tập trung của KCN. Nguồn nước thải từ cơ sở thứ cấp trong KCN sẽ được xử lý cục bộ tại từng Công ty đạt tiêu

chuẩn nước thải đầu vào của KCN. Sau đó sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành.

Các tuyến thoát nước được bố trí dọc theo các trục đường. Cống sử dụng kết hợp giữa cống tròn, cống hộp bằng bê tông cốt thép, đường kính cống từ 800 - 2.500 mm, tổng chiều dài đường ống khoảng 37.000m.

Hệ thống thu gom nước thải sử dụng cống bê tông ly tâm, đường kính cống từ 300 - 600 mm, tổng chiều dài đường ống khoảng 25.251,9m, Công suất của tuyến ống thu gom nước thải theo tính toán thiết kế là 20.000m^3/ngày.

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải:***

Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Long Thành: Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành đã đầu xây dựng Nhà máy XLNTTT của KCN với 04 hệ thống xử lý nước thải hoạt động độc lập nhưng có liên kết với nhau và có quy trình công nghệ xử lý tương tự nhau. Tổng công suất thiết kế 25 .000m^3/ngày.đêm. Trong đó:

– NMXLNTTT giai đoạn 1 là 5.000 m^3/ngày.đêm (vận hành thử năm 2005 và đưa vào vận hành chính thức tháng 2/2006; Cải tạo, bổ sung cụm xử lý hóa lý bậc 2 vào năm 2011).

– NMXLNTTT giai đoạn 2 là 5.000m^3/ngày.đêm (vận hành từ tháng 9/2009). Giai đoạn 1 và giai đoạn 2 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở số 414/TCMT-TĐ ngày 10/4/2012.

– NMXLNTTT giai đoạn 3 là 5.000m^3/ngày.đêm (vận hành từ tháng 11/2014). Đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở số 85/GXN- TCMT ngày 03/11/2014;

– NMXLNTTT giai đoạn 4 là 10.000m^3/ngày.đêm. Ngày 19/11/2020, Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành đã khởi công xây dựng giai đoạn 4 nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN

HTXL nước thải tập trung của KCN Long Thành đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3231/GP-BTNMT ngày 14/12/2015 với lưu lượng xả thải 15.000 m^3/ngày đêm.

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 204/GP-BTNMT ngày 03/12/2021 với lưu lượng xả thải 25.000 m^3/ngày đêm.

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Cơ sở "Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Long Thành" số 46/GXN-TCMT ngày 09/3/2018 (*thay thế Giấy xác nhận số: 414/TCMT-TĐ ngày 10/4/2012 và số 85/GXN- TCMT ngày 03/11/2014*).

– Công ty đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 140/GPMT-BTNMT ngày 11/05/2023.

Trạm quan trắc tự động nước thải: Trạm quan trắc nước thải tự động nước thải sau xử lý của KCN Long Thành do UBND tỉnh Đồng Nai đầu tư theo Quyết định 2975/QĐ-UBND ngày 11/11/2011, lắp đặt tháng 9/2013. Ngày 31/03/2016, Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai đã chuyển giao trạm quan trắc nước thải tự động cho Công

ty Cổ phần Sonadezi Long Thành để phối hợp quản lý và thay thế trạm quan trắc do Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thanh đầu tư trước đây. Hiện tại, trạm quan trắc thực hiện quan trắc tự động nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận các số thông số: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ màu, TSS, DO, COD và Amoni.

Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp trong KCN: 162 doanh nghiệp đăng ký hoạt động.

Tổng lượng nước thải phát sinh của đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN và các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN Long Thành bình quân năm khoảng 14.012 m^3/ngày (chiếm khoảng 78,2% lượng nước cấp).

Quy trình xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành như sau:

+ Mô đun 01: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bể sinh học → Bồn trung gian → Bể xử lý hóa lý - khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 02: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bồn trung gian → Bể sinh học → Bể lắng sinh học
→ Bể xử lý hóa lý - khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 03: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bể sinh học → Bể lắng sinh học → Bể xử lý hóa lý- khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 04: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 1 → Bể SBR (A/B, C/D) → Bể trung gian → Bể phản ứng 1
→ Bể phản ứng 2/3/4 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Nguồn tiếp nhận.

– Hóa chất sử dụng: Polymer, javen, phèn nhôm, khử màu DWB, than

– Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

+ Số lượng: 01 trạm.

+ Vị trí lắp đặt: Sau hồ hoàn thiện, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

+ Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

+ Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

+ Kết nối, truyền dữ liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai để quản lý, giám sát.

➢ *Điều kiện tiếp nhận nước thải của KCN Long Thành*

Bảng 2.1. Giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn tiếp nhận	
			Doanh nghiệp dệt nhuộm	Doanh nghiệp khác
1	Nhiệt độ	°c	40	35
2	pH	-	10-May	10-May

3	Độ màu (pH = 7)	Pt/Co	175	100
4	BOD_5	mg /1	100	100
5	COD	mg /1	300	300
6	TSS	mg/1	100	100
7	As	mg/1	0,041	0,041
8	Hg	mg/1	0,004	0,004
9	Pb	mg/1	0,081	0,081
10	Cd	mg/1	0,041	0,041
11	Cr^{6+}	mg/1	0,041	0,041
12	Cr^{3+}	mg/1	0,162	0,162
13	Cu	mg/1	1,62	1,62
14	Zn	mg/1	1,00	1,00
15	Ni	mg/1	0,162	0,162
16	Mn	mg/1	0,405	0,405
17	Fe	mg/1	0,81	0,81
18	CN^- (Xianua)	mg/1	0,057	0,057
19	Phenol	mg/1	0,081	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/1	20	20
21	Cl_2	mg/1	0,81	0,81
22	Tổng PCBs	mg/1	0,00243	0,00243
23	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/1	0,243	0,243
24	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/1	0,0405	0,0405
25	S^2-	mg/1	2	2
26	F-	mg/1	4,05	4,05
27	Cr	mg/1	405	405
28	$N\text{-}NH_3$	mg/1	10	20
29	N tổng	mg/1	30	40
30	P tổng	mg/1	10	10
31	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	-	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ a	Bq/1	0,10	0,10
33	Tổng hoạt độ phóng xạ |3	Bq/1	1,0	1,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, 2024)

Tham khảo kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau HTXLNTTT của KCN Long Thành năm 2023 như sau:

Bảng 2.2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau HTXLNTTT của KCN Long Thành

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A ($C_{max} = C \times K_q \times K_f$)
1	Nhiệt độ (đo tại phòng thí nghiệm)	°C	29,6	40

2	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	26	50
3	pH (đo tại phòng thí nghiệm)	-	7,35	9-Jun
4	TSS	mg/L	7	40,5
5	COD	$mg0_2/L$	29	60,75
6	BODs	mgOỉ/L	*8*	24,3
7	$N\text{-}NH_4^+$	mg/L	KPH (MDL = 0,5)	4,05
8	Tổng Nitơ	mg/L	8,1	16,2
9	Tồng Phospho	mg/L	0,09	3,24
10	Sunfua	mg/L	KPH (MDL = 0,03)	0,162
11	Cl-	mg/L	363	405
12	Clo dư	mg/L	0,29	0,81
13	F-	mg/L	1,31	4,05
14	As	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	0,041
15	Cd	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	0,041
16	Cr^3*	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	0,162
17	Cr^{6+}	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	0,041
18	Cu	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	1,62
19	Fe	mg/L	0,069	0,81
20	Hg	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	0,004
21	Mn	mg/L	0,022	0,405
22	Ni	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	0,162
23	Pb	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	0,081
24	Zn	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	2,43
25	Tổng Phenol	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,081
26	CN-	mg/L	KPH (MDL = 0,002)	0,057
27	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL = 0,5)	4,05
28	Dầu động thực vật	mg/L	KPH (MDL = 0,5)	-

29	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	4,05 <a>
30	Coliform	MPN/ 100mL	KPH (MDL = 2)	3000
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L		0,041
	a-Lindane	mg/L	KPH (MDL- 0,01×10-3)	-
	b-Lindane	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	Ô-Linđane	mg/L	KPH (MDL= 0,01×10-3)	-
	g-Lindane	mg/L	KPH (MDL=0,01×10-3)	-
	Heptachlor	mg/L	KPH (MDL= 0,01×10-3)	-
	Aldrin	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	Heptachlor epoxide	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	a-Chlordane	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	g-Chlordane	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	Endosulfan	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	4,4-DDE	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	Dieldrine	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	Endrine	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	4,4-DDD	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10-3)	-
	Endosulfan II	mg/L	KPH (MDL= $0,01\times10^{-3}$)	-
	Endrine aldehyde	mg/L	KPH (MDL= $0,01\times10^{-3}$)	-
	4,4-DDT	mg/L	KPH (MDL= $0,01\ x\times10^{-3}$)	-
	Endosulfan Sulfate	mg/L	KPH (MDL=$0,01\times10^{-3}$)	-

	Methoxychlor	mg/L	KPH (MDL= 0,01 ×10^{-3})	-
	Endrine ketone	mg/L	KPH (MDL= 0,01×10^{-3})	-
32	Tổng hỏa chất bảo vệ thực vật phospho hữu cơ	mg/L		0,243
	Thionazin	mg/L	KPH (MDL= 0,1 ×10^{-3})	-
	Suifotep	mg/L	KPH (MDL=0,l×10^{-3})	-
	Phorate	mg/L	KPH (MDL= 0,1 ×10^{-3})	-
	Dimethoate	mg/L	KPH (MDL= 0,1×10^{-3})	-
	Disulfoton	mg/L	KPH (MDL= 0,1×10^{-3})	-
	Methyl parathion	mg/L	KPH (MDL= 0,1×10^{-3})	-
	Parathion	mg/L	KPH (MDL= 0,1×10^{-3})	-
	Famphur	mg/L	KPH (MDL= 0,1×10^{-3})	-
	Malathion	mg/L	KPH (MDL= 0,1×10^{-3})	-
33	PCBs			0,002
	PCB - 18	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10^{-3})	-
	PCB - 28	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10^{-3})	-
	PCB - 31	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10^{-3})	-
	PCB - 44	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10^{-3})	-
	PCB - 52	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB-101	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB - 118	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB - 138	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB- 149	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-

	PCB-153	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB -170	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB- 180	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB-194	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
	PCB - 209	mg/L	KPH (MDL = 0,2 ×10-3)	-
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH (MDL = 0,02)	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	0,97	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, 2024)

Ghi chú:

– QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Nhận xét:

Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của KCN, các chỉ tiêu đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Hệ thống xử lý vẫn hoạt động tốt, đủ khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ cơ sở.

➢ *Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường*

- Đã xây dựng 01 bể điều hòa chung cho 4 mô đun có thể tích khoảng 7.000 m^3 để hỗ trợ chứa nước khi nước thải đầu vào biến động lưu lượng, nồng độ.

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích khoảng 35.225 m^3.

- Đã xây dựng 01 hồ hoàn thiện thể tích khoảng 8.520 m^3 để hỗ trợ khi hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố.

- Quá trình hoạt động, Công ty lấy mẫu phân tích nước thải đầu ra sau mỗi mô đun và trước khi thải ra môi trường nhằm kiểm soát quá trình hoạt động của hệ thống. Trường hợp phát hiện mô đun nào có sự cố sẽ dừng hoạt động ngay và điều tiết nước thải sang các mô đun khác, sau khi khắc phục sẽ cấp nước thải để hệ thống hoạt động xử lý bình thường.

Ngoài ra, nước thải sau xử lý từ hồ hoàn thiện xả thải ra môi trường tiếp tục được giám sát quan trắc tự động, liên tục. Trường hợp phát hiện nước thải không đáp ứng quy định sẽ dừng xả thải ra môi trường và toàn bộ nước thải được đưa quay về bể tiếp nhận sau đó chảy vào bể điều hòa chung, hồ sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

Với công suất HTXLNTTT của KCN Long Thành hiện nay là 25.000m^3/ngày đủ khả năng tiếp nhận, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty TNHH Polycom đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường.

Ngoài ra, cơ sở nằm trong KCN đã được quy hoạch cách xa khu dân cư. KCN có mảng cây xanh cách ly nên hoạt động của cơ sở sẽ không ảnh hưởng đến các khu dân cư.

Công ty đảm bảo thực hiện được các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tối đa các chất thải gây tác động tiêu cực đến môi trường, đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy theo yêu cầu của cơ quan ban ngành liên quan.

Công ty TNHH Polycom cam kết chịu trách nhiệm việc quản lý xả thải nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy đảm bảo tuân thủ theo quy định, tuân thủ Hợp đồng xử lý nước thải số 43/HĐNT/SZL-TT ngày 01/03/2011 với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

2.2.2. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Cơ sở thực hiện tại KCN Long Thành. Khí thải phát sinh từ nhà máy phải được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải gây ô nhiễm môi trường.

Đối với chất thải: Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại, chất thải nguy hại: Công ty TNHH Polycom đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa.

Hiện tại hệ thống thu gom nước mưa tại cơ sở đã được xây dựng hoàn chỉnh tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước thải công nghiệp. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa đảm bảo tiêu thoát toàn bộ lượng nước mưa trong khuôn viên Nhà máy ngay cả trong những ngày mưa lớn.

Nước mưa tại nhà máy được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa cụ thể như sau:

- Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng đường ống PCVØ90 mm.

- Nước mưa chảy tràn tại nhà máy được thu gom về 21 hố ga được xây dựng bằng BTCT có kích thước 1 x1 m, dọc hệ thống thu gom nước mưa đều có hố ga đặt song chắn rác để tách rác. Nước mưa từ các hố ga được dẫn bằng đường ống PVC Ø400 mm, được thiết kế với độ dốc 0,5 % chảy về vị trí đấu nối với KCN.

- Kết cấu: Bê tông cốt thép.

- Đường kính: Ø200, Ø300.

- Chiều dài khoảng: 403,8m.

- 01 Hố ga thu gom trên đường số 03: Ø1.000mm có lớp bê tông bảo vệ dày 15mm.

Toạ độ điểm đấu nối nước mưa:

- Vị trí: 01 Hố ga HG3 đấu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN Long Thành (hố ga trên đường số 03 của KCN Long Thành).

- Tọa độ vị trí (X = 408822.52, Y = 1196727.38 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107045, múi chiếu 30).

Công ty thường xuyên kiểm tra các mương thoát nước mưa, vị trí đấu nối để kịp thời phát hiện các yếu tố gây ảnh hưởng đến công trình thoát nước như do ứ động rác, lá cành cây, đất đá để có biện pháp khắc phục, cải thiện. Đồng thời định kỳ vệ

sinh các song chắn rác, các ống thoát nước mưa tránh tắc nghẽn dòng chảy và ứ đọng rác.

Sơ đồ thoát nước mưa của Công ty:

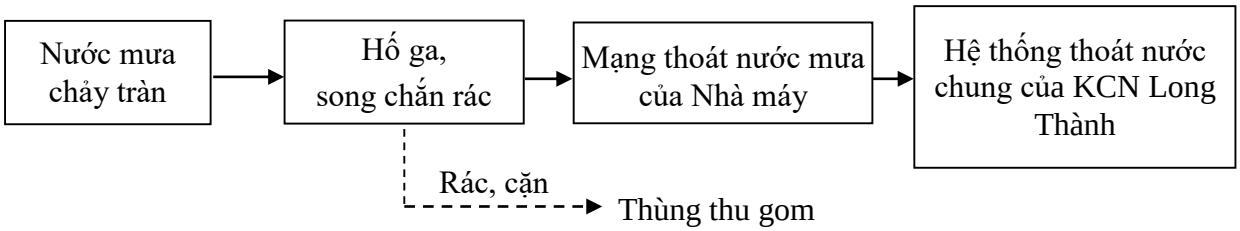

Hình 4.6. Sơ đồ thoát nước mưa của Công ty

1.2. Thu gom, thoát nước thải.

Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 43/HĐNT/SZL/KD-TT ngày 01/03/2011 giữa Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom để xử lý nước thải.

Công trình thu gom nước thải: Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải của nhà máy:

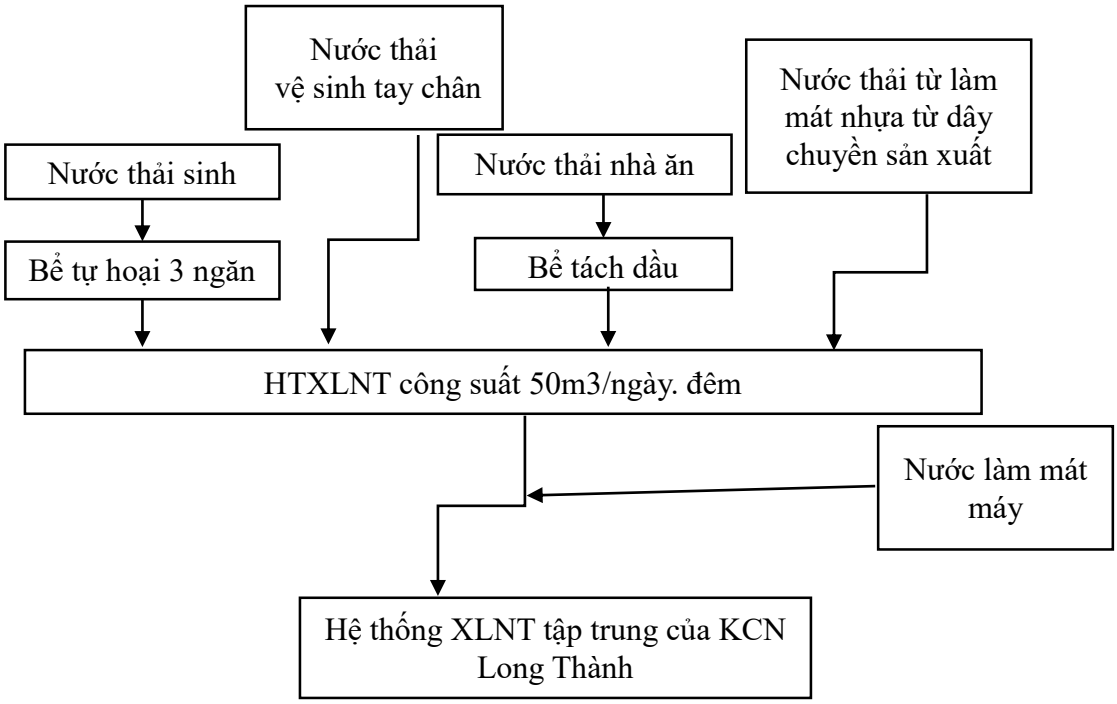

Hình 4.3. Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải của nhà máy

Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thu gom, thoát nước thải của công ty gồm:

+ Kết cấu: ống nhựa PVC và cống BTCT.

+ Đường kính: Ø40-90mm.

+ Chiều dài khoảng: 109 m.

- *Công trình thoát nước thải:*

Nước thải từ nhà vệ sinh tại nhà xưởng, từ nhà vệ sinh của nhà văn phòng và cổng bảo vệ thu gom và xử lý bằng bể tự hoại và nước làm mát hạt nhựa xả thải định kỳ sau đó theo đường ống PVC Ø40-90mm tới hố ga nước và chảy về HTXLNT công suất 50 m^3/ngày.đêm xử lý lại lần nữa đạt giới hạn tiếp nhận của KCN. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy được dẫn qua hệ thống thoát nước thải có thông số kỹ thuật như sau:

+ Kết cấu: ống PVC.

+ Đường kính: Ø114 mm

+ Chiều dài khoảng: 73 m

+ 01 Hố ga thu gom kích thước BTCT có kích thước 1 x1m đấu nối với KCN: có lớp bê tông bảo vệ dày 15mm trên đường số 3.

- *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày.đêm của Công ty được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN tại 01 vị trí trên đường số 03, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 trước khi ra nguồn tiếp nhận.

Toạ độ điểm xả thải:

- Vị trí: 01 Hố ga B8b đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Long Thành (hố ga trên đường số 03 của KCN Long Thành).

- Tọa độ vị trí (X = 408909.63, Y = 1196791.97 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0$45, múi chiếu 3^0).

(Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải – Đính kèm phụ lục).

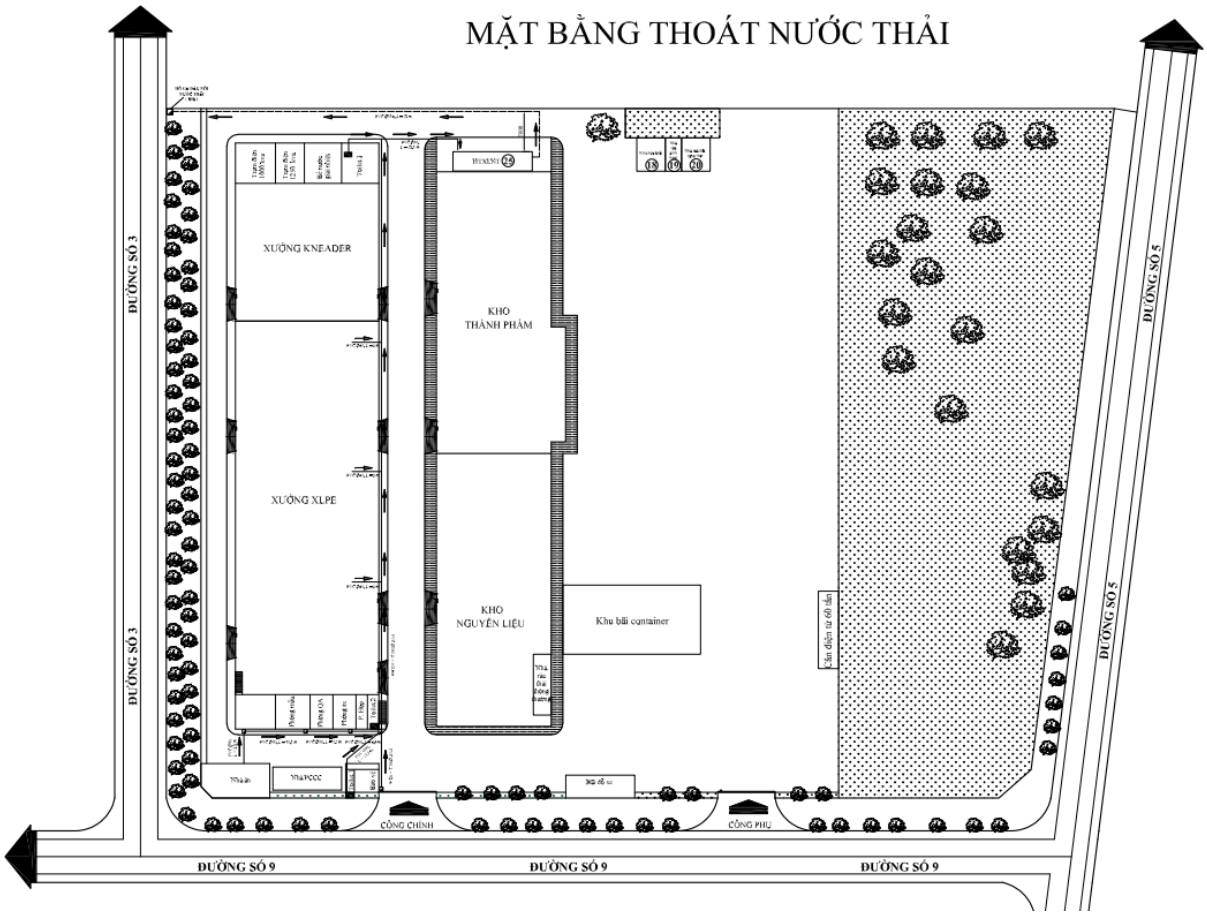

Hình 4.4. Sơ đồ mặt bằng tổng thể thu gom thoát nước thải

1.3. Công trình xử lý nước thải

a) Công trình xử lý nước thải đã xây dựng

❖ **Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn:**

• *Nước thải từ các nhà vệ sinh*

Nước thải từ nhà vệ sinh tại nhà xưởng, từ nhà vệ sinh của nhà văn phòng và cổng bảo vệ thu gom và xử lý bằng bể tự hoại theo đường ống PVC Ø40-90mm tới hố ga nước và chảy về HTXLNT công suất 50 m^3/ngày.đêm xử lý lại lần nữa đạt giới hạn tiếp nhận của KCN.

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn như sau:

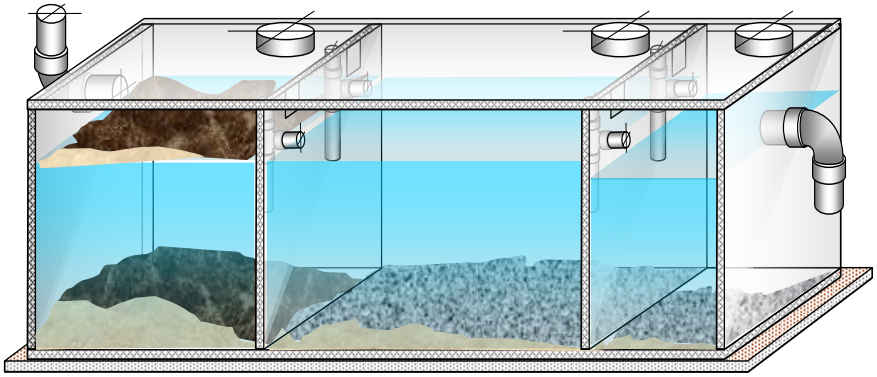

Hình 4.1. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất), B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai)

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba), D: Ngăn định lượng với xi phông tự động

1- Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại; 2- Ống thông hơi; 3- Hộp bảo vệ; 4- Nắp để hút cặn; 5- Đan bê tông cốt thép nắp bể; 6- Lỗ thông hơi; 7- Vật liệu lọc; 8- Đan rút nước; 9- Xi phông định lượng; 10- Ống dẫn nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

*** Nguyên lý hoạt động**

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được dẫn đến hệ thống bể xử lý tự hoại, thông qua các cống thoát đã được xi măng hóa. Bể tự hoại là một công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Để hợp lý trong xây dựng và sử dụng, bể tự hoại được thiết kế và xây dựng thành nhiều bể (mỗi bể đều có 3 ngăn) có kích thước phù hợp và tương ứng với lượng nhân viên. Khi nước thải đổ vào bể sẽ được giữ lại ở ngăn thứ I. Tại đây các chất rắn lơ lửng có kích thước lớn được giữ lại và phần nước tiếp tục qua ngăn thứ II, ở ngăn thứ II nước được giữ ổn định trong một thời gian, để tiếp tục lắng các chất lơ lửng có kích thước hạt nhỏ. Mặt khác nước chứa trong bể tự hoại, dưới sự ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân hủy. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom về HTXLNT công suất 50 m^3/ngày.đêm và được đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành.

b. Biện pháp bổ sung khi mở rộng nâng công suất

****Quy trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50m^3/ngày.đêm***

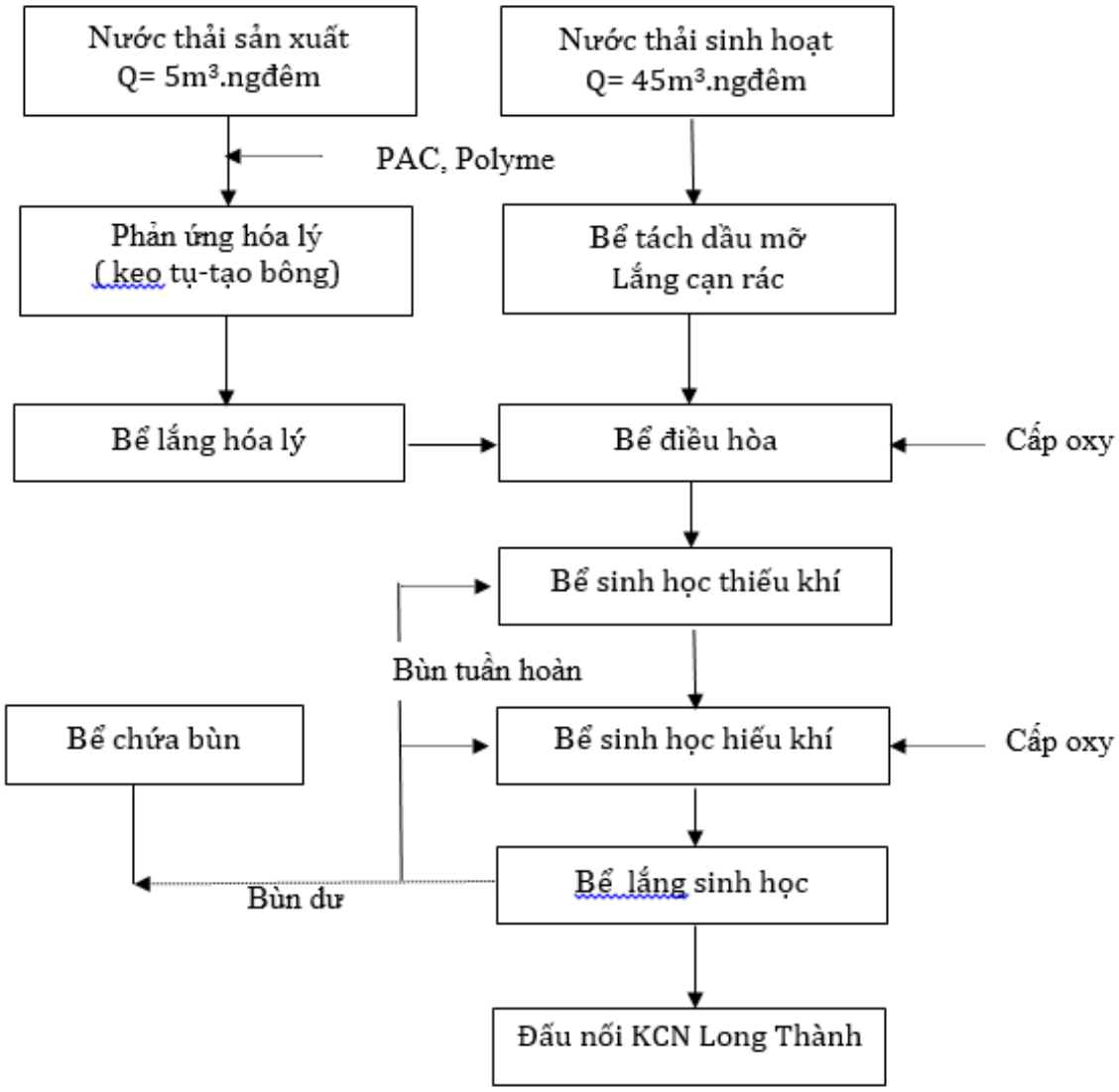

Hình 4.4. Quy trình HTXLNT công suất 50 m^3/ngày.đêm

***Thuyết minh quy trình:**

❖ **Đối với nước thải sản xuất – công suất 5m^3/ngày. đêm**

- ***Bể thu gom sản xuất*** : Có nhiệm vụ chứa lượng nước thải xả ra sẽ được bơm lên cụm keo tụ tạo bông có châm *hóa chất keo tụ, NaOH, axit, phèn sắt, phèn Nhôm Sunfat, polyme* nhằm tạo phản ứng tối ưu giữa nước thải và hóa chất trước khi chảy sang bể lắng hóa lý.

- ***Thiết bị lắng hóa lý:*** Nước thải sau khi phản ứng với hoá chất xử lý tạo thành bông cặn sẽ được dẫn vào ống lắng trung tâm nhằm phân phối đều trên toàn bộ mặt diện tích ngang ở đáy ống trung tâm. Ống lồng trung tâm ở bể lắng được thiết kế sao

cho nước khi ra khỏi ống có vận tốc nước đi lên trong bể nhỏ nhất (ở trạng thái tĩnh), khi đó các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy bể lắng nhờ lắng trọng lực sau đó qua Bể điều hòa xử lý tập trung vi sinh.

- **Đối với nước thải sinh hoạt – công suất 45 m^3/ngày.đêm (có dự trù cho giai đoạn mở rộng nhà máy)**

- ***Bể thu gom tách dầu mỡ:*** Mục đích tách dầu mỡ và lắng cát cạn**,** do nước thải phát sinh từ nhiều khu vực khác nhau nên cần phải thu gom về khu vực xử lý. Tại các khu vực phát sinh nước thải sẽ được đặt các song chắn rác thô nhằm loại bỏ rác, bao nilông…nhằm tránh trường hợp tắt nghẽn bơm trong lúc vận hành.

- ***Bể điều hòa:*** Có nhiệm vụ ổn định nồng độ, lưu lượng nước thải để tăng hiệu quả xử lý của các công trình đơn vị phía sau, tránh cho hệ thống xử lý bị quá tải. Nước thải tiếp tục được bơm qua ***bể xử lý sinh học*** *để xử lý.*

- ***Bể xử lý sinh học thiếu khí và bể hiếu khí*****:** là bể kết hợp xử lý sinh học thiếu khí (bể anoxic) – hiếu khí và giá thể lơ lửng di động. Nước thải được bơm từ bể điều hòa qua bể xử lý sinh học thiếu khí và tiếp tục được xử lý nhờ vi sinh dính bám trên giá thể. Trong ngăn này, có lắp đặt bộ cánh khuấy đảo trộn đều giữa bùn tuần hoàn và nước thải nhằm tăng hiệu quả xử lý khử Nitrat trong bể. Sau đó, nước thải tiếp tục chảy qua bể xử lý sinh học hiếu khí, thông qua máy thổi khí lượng oxy được đưa vào bể là hết sức cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí để chuyển hóa các chất hữu cơ có trong nước thải sẽ bị phân hủy thành các chất vô cơ đơn giản làm nồng độ BOD và COD giảm xuống từ 60 - 70 %, đặc biệt là làm tăng hiệu quả xử lý Nitrat hóa có trong nước thải. Vì thế, Nitơ được xử lý một cách triệt để hơn và quá trình xảy ra theo phản ứng như sau:

$$Chất\ hữu\ cơ + O_2 + VSV_{HK} \rightarrow Chất\ vô\ cơ + CO_2 + H_2O + Tế\ bào\ mới.$$

Đây là công trình thiết kế cho xử lý nước thải bậc hai. Nó cũng có khả năng xử lý được cả phospho. Các vi sinh hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng do tác động của bọt khí và dạng dính bám. Quá trình sinh trưởng phát triển ở giai đoạn đầu và giảm dần về phía cuối bể.

- ***Bể lắng sinh học*****:** Nước thải sau khi được vi sinh chuyển hóa và kết thành bông bùn lớn sẽ chảy sang bể lắng để lắng cặn. Các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được **v**ận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy bể lắng. Nước thải ra khỏi bể lắng có nồng độ BOD, COD giảm 70-75% (hiệu quả lắng đạt 85-

95%). Phần nước trong sẽ được thu bởi hệ thống máng thu nước răng cưa và tự chảy qua Hố ga đấu nối khu công nghiệp Long thành.

- ***Bể chứa bùn*:** Lượng bùn phát sinh từ bể lắng hóa lý và bùn dư từ bể lắng sinh học của hệ thống xử lý chung sẽ được thu gom về bể chứa bùn. Lượng bùn này theo định kỳ sẽ được thu gom thủ công và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

- Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành.

Bảng 4.31. Bảng thông số kỹ thuật của các công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Kích thước	Ghi chú
01	Bể thu gom	DxRxC = 1,1x1,2x2m	Đáy BTCT, tường gạch
02	Hố tách dầu mỡ	DxRxC = 1,4x4,1x2m	Đáy BTCT, tường gạch
03	Bể điều hòa	DxRxC = 3x2x3m	Thép
04	Bể Anoxic	DxRxC = 1,5x1,5x3m	Thép
05	Bể Aerotank	DxRxC = 3x2,5x3m	Thép
06	Bể lắng hóa lý	DxRxC = 1,5x1,5x3m	Thép
07	Bể chứa bùn hóa lý	DxRxC = 1,5x1,5x3m	Thép
08	Bể lắng sinh học	DxH=2,2x3m	Thép
09	Bể chứa bùn sinh học	DxRxC = 1,5x1,5x3m	Thép

(Nguồn: Công ty TNHH Polycom)

Bảng 4.32. Danh mục các thiết bị - công nghệ của hệ thống xử lý nước thải 50 m^3/ngày.đêm

	BỂ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT - BỂ SINH HOẠT			
1	**THIẾT BỊ LƯỢC RÁC THÔ:** *- Vật liệu cấu tạo chính : Khung, khe lưới 5-10mm, v.v… SUS 304*	2	Bộ	ĐTX
2	**Bơm chìm nước thải:** ***Thông số kỹ thuật:*** *- Lưu lượng: Q = 0.6m3/min @ H = 8.0m* *- Nhiệt độ chất lỏng: 0 – 40oC* *- Cánh bơm: Loại xoắn.mở FC200* *- Phốt bơm máy kép: CA/CE và SiC/SiC* *- Cấp độ bảo vệ: IP68* *- Vật liệu: thân SUS 304,* *- Điện áp: 2.2kW/380V/50Hz/3P*	2	Cái	TAIWAN

3	*Phao điều chỉnh mực nước FLOAT SWITCH và dây treo bơm inox*	2	Bộ	VN
	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ CỤM PHẢN ỨNG KEO TỤ TẠO BÔNG			
4	**Motor khuấy trộn phản ứng hóa lý:** *- Thông số kỹ thuật: 0.37kW/380V/50Hz/75-100RPM* *- Phụ kiện: trục, cánh khuấy inox 304 kèm theo*	2	Bộ	TAIWAN
5	**Bơm định lượng hóa chất:** *- Lưu lượng: Q = 100l/h* *- Điện áp: 44W/220V/50Hz/1phase*	3	Cái	USA
6	*Bồn nhựa pha dung dịch hóa chất, dung tích 500 lít*	3	Cái	VN
7	**Thiết bị đo pH tự động:** *Nhãn hiệu: HANNA - bl 981411* *Xuất xứ: RUMANI/TECH-U.S.A*	1	TB	USA
8	*Phao điều chỉnh mực nước*	3	Bộ	VN
	BỂ LẮNG HÓA LÝ			
9	**Bơm chìmi:** ***Thông số kỹ thuật:*** *- Lưu lượng: Q = 0.15 m3/min @ H = 6.0m* *- Nhiệt độ chất lỏng: 0 – 40oC* *- Cánh bơm: Loại xoắn.mở FC200* *- Phốt bơm máy kép: CA/CE và SiC/SiC* *- Cấp độ bảo vệ: IP68* *- Vật liệu: thân SUS 304,* *- Điện áp: 0,75kW/380V/50Hz/2P*	1	Cái	TAIWAN
	BỂ ĐIỀU HÒA			
10	**Bơm chìm nước thải:** ***Thông số kỹ thuật:*** *- Lưu lượng: Q = 0.15 m3/min @ H = 8.0m* *- Nhiệt độ chất lỏng: 0 – 40oC* *- Cánh bơm: Loại xoắn.mở FC200* *- Phốt bơm máy kép: CA/CE và SiC/SiC* *- Cấp độ bảo vệ: IP68* *- Vật liệu: thân SUS 304,* *- Điện áp: 0,75kW/380V/50Hz*	2	Cái	TAIWAN
11	**Đĩa khuếch tán khí mịn** *- Model FlexAir Threaded Disc 9 inches (9" Micro)* *- Kiểu Đĩa (disc), bọt mịn (Fine bubble)* *- Lưu lượng thiết kế 0.0-9.5 (m3/hr)* *- Diện tích bề mặt hoạt động 0.038 (m2)* *- Đường kính 277 (mm)* *- Đầu nối ren 27 (mm)* *- Vật liệu Màng: EPDM (hoặc Polyurethan)*	6	Cái	TAIWAN

12	*Phao điều chỉnh mực nước FLOAT SWITCH và dây treo bơm inox*	1	Bộ	VN
	BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ			
13	**Motor khuấy trộn:** *- Thông số kỹ thuật: 0,75kW/380V/50Hz/100-150v/min* *- Phụ kiện: lắp đặt, hộp,phụ kiện inox 304*	1	Bộ	TAIWAN
	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ			
14	**Máy thổi khí:** *- Thông số kỹ thuật:* ***Q = 2,75m3/min, H = 4m*** *- Điện áp: 380V/50Hz/3pha* *- Bao gồm: Máy chính, Đồng hồ đo áp, Van an toàn, Khung đế, Pully Motor, Pully đầu thổi, V-Belt, Belt Cover và khớp nối mềm.*	2	Cái	TAIWAN
15	**Đĩa khuếch tán khí mịn** *- Model FlexAir Threaded Disc 9 inches (9" Micro)* *- Kiểu Đĩa (disc), bọt mịn (Fine bubble)* *- Lưu lượng thiết kế 0.0-9.5 (m3/hr)* *- Diện tích bề mặt hoạt động 0.038 (m2)* *- Đường kính 277 (mm)* *- Đầu nối ren 27 (mm)* *- Vật liệu Màng: EPDM (hoặc Polyurethan)*	12	Cái	TAIWAN
16	**Giá thể vi sinh dạng cầu 16 cánh** *- Vật liệu: Nhựa PP* *- Kích thước: D*H= 100*100(mm)* *- Vật liệu: Nhựa PP* *- Màu sắc: Trắng* *- Qui cách: 600sp /m3*	8	m3	VIỆT NAM
17	***Nuôi cấy vi sinh chuyên xử lý nước thải*** *- Cung cấp và nuôi cấy vi sinh xử lý thải chuyên dụng* *- Cung cấp dinh dưỡng trong giai đoạn nuôi cấy vi sinh: Methanol, mật rỉ, DAP…*	1	Mục	ĐTX
	BỂ LẮNG SINH HỌC			
18	**Bơm trục ngang:** *- Thông số kỹ thuật:* ***Q =6.2 m3/h, H = 12-26m*** *- Điện áp: 380V/50Hz/3phase* *- Kèm theo khung đỡ, vật liệu inox 304* *- Phụ kiện đính kèm*	1	Cái	ITALIA
	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ - CHỨA BÙN VI SINH			
	THIẾT BỊ PHỤ TRỢ			

19	***Hệ thống van, đường ống, vật tư lắp đặt thiết bị*** *Lắp đặt hệ thống đường ống nước thải - cấp khí - bùn - hóa chất - nước cấp pha hóa chất ... cho toàn bộ công trình, ống PVC và phụ kiện Bình Minh* *Phụ kiện kèm theo:* *- Đồng hồ đo lưu lượng nước sau xử lý dạng cơ* *- Van cổng, van bướm, van một chiều* *- Hệ thống đường ống công nghệ bằng thép tráng kẽm (ống cấp khí), nhựa PVC Bình Minh các loại.* *- Hệ thống đường ống châm hóa chất* *- Giá đỡ đường ống dẫn khí, ống bơm nước thải…* *- Các loại co, tê, mặt bích, racco...các loại* *- Lắp đường ống thông chống mùi hôi từ nước thải*	1	HT	ĐTX
20	***Hệ thống điện điều khiển:*** ***Tủ điện: chế tạo bởi Việt Nam*** *+ Hệ thống điều khiển tự động* *+ Vỏ tủ: Sơn tĩnh điện* *+ Thiết bị điện chính như MCCB động lực, CB điều khiển, contactor, rờ le nhiệt, timer điều khiển, đen báo, rờ le trung gian...* *+ Dây điều khiển đi trong tủ Sử dụng cáp đồng, có kích thước từ 0.5 - 6.0mm². v.v..* *+ Dây động lực sử dụng cáp đồng bọc uPVC CADIVI.* *- Máng đi dây dẫn điện bằng thép sơn tĩnh điện* *- Nhà sản xuất: LS/KOREA* ***Lưu ý: Không bao gồm dây nguồn và CP tổng cấp tới hệ thống***	1	HT	ĐTX
21	*Chi phí hóa chất + cung cấp dinh dưỡng vận hành chạy thử*	1	HT	ĐTX

❖ **Chất lượng nước thải sau xử lý:** Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào HTXLNTTT của KCN Long Thành phải đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành.

- Đơn vị thi công, giám sát thi công:

+ Tên công ty: Công ty TNHH Đô Thị Xanh.

+ Địa chỉ: 222 đường Đồng Khởi, Khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Chế độ vận* hành*:* vận hành liên tục 24 giờ/ngày.
- *Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng: NaOH, PAC, Polymer*

STT	Danh mục hóa chất lưu trữ	Đơn vị tính	Khối lượng
01	NaOH 99%	Kg/tháng	60

02	DINH DƯỠNG (NPK, Urê)	Kg/tháng	60
03	Phèn PAC	Kg/tháng	150
04	Polime	Mg/tháng	3000

- *Định mức tiêu hao điện năng:* 6.000 Kwh/ tháng.
- *Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; việc kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát:* **không phải lắp đặt quan trắc tự động theo quy định.**

2. *Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải*

a. Các công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt:

❖ **Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình trộn ép nhựa màu công suất 9.000 m^3/giờ**

- Để đảm bảo điện kiện tốt cho công nhân làm việc trong phân xưởng, Công ty đã thực hiện xử lý bụi tại công đoạn trộn ép nhựa màu bằng túi vải trước khi thải ra môi trường. Quy trình xử lý bụi túi vải như sau:

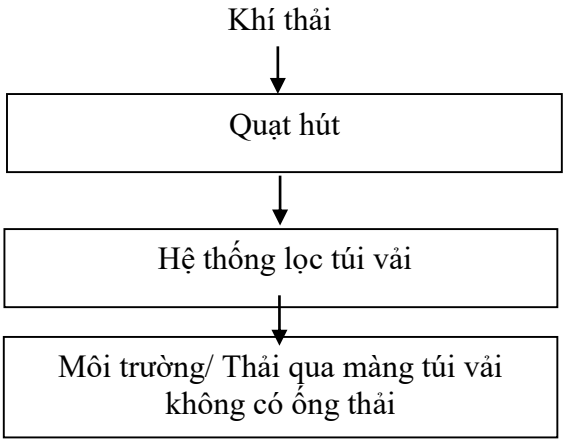

Hình 1: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi của chuyền sản xuất hạt nhựa màu.

- *Thuyết minh quy trình:* Tại phễu trộn, đùn khí thải được thu gom bằng ống thép mạ kẽm đường kính Ø200mm chiều dài 1,5m, đường kính Ø100mm chiều dài 1,5m, tại công đoạn cắt hạt nhựa bố trí ống thu khí thải đường kính Ø50mm chiều dài 3m, sau đó gom về đường ống thép mạ kẽm đường kính Ø400mm chiều dài 16m về hệ thống thu bụi túi vải công suất 9.000 m^3/giờ; Sau khi qua túi lọc bụi sẽ được giữ lại, khí sạch được đưa ra ngoài vách của 21 túi vải theo nhờ vào hệ thống quạt đẩy, thoát ra môi trường qua màng 21 túi vải, không qua túi vải.

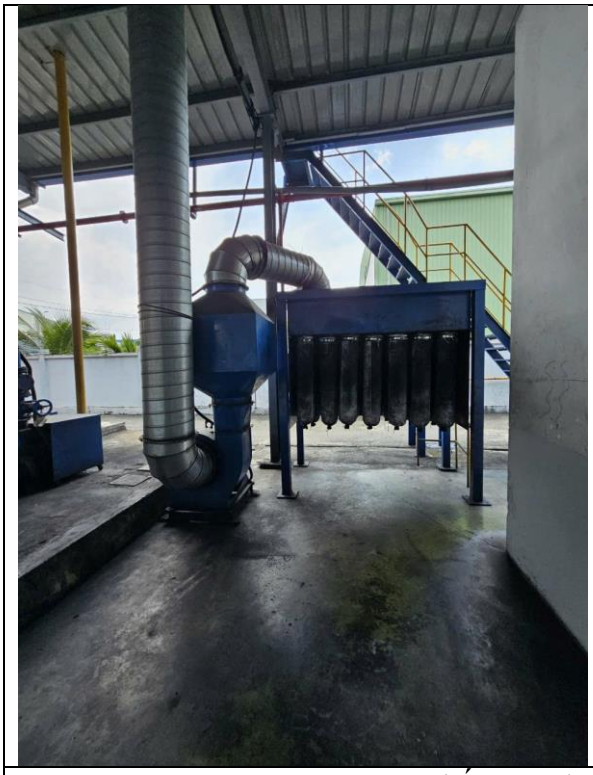

Hệ thống xử lý bụi túi vải tại nhà máy

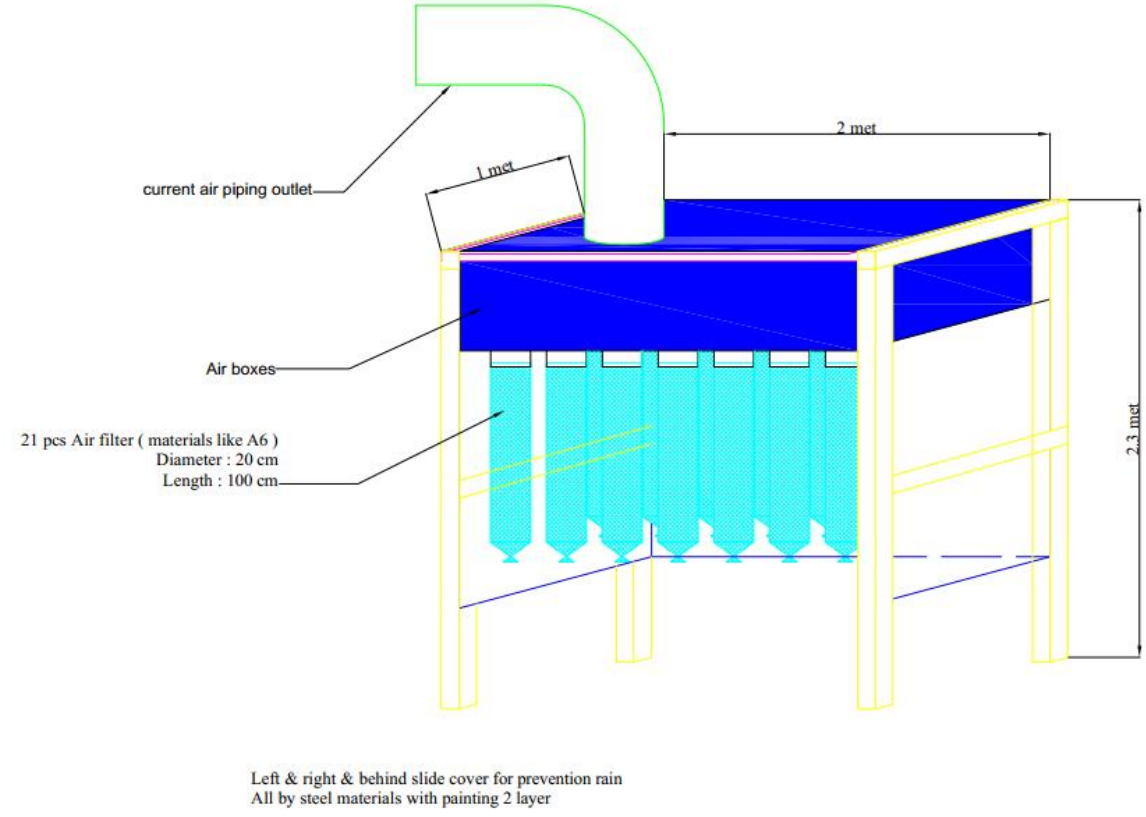

Thiết kế hệ thống lọc bụi túi vải tại nhà máy

Hình 2: Thiết bị lọc bụi túi vải

+ Chất liệu túi vải lọc: vải sợi thủy tinh và tổng hợp.

+ Nguyên lý: Dòng khí và bụi được chặn lại bởi màng hoặc túi lọc bụi, túi màng này có các khe lỗ nhỏ cho các phân tử khí đi qua dễ dàng và giữ lại các hạt bụi kích thước nhỏ. Khi lớp bụi bám trên túi vải dày, ngăn cản dòng khí đi qua túi lọc, thiết bị tự động

tiến hành thổi ngược bằng khí nén để rũ bụi. Lượng bụi rũ xuống đáy của thiết bị định kỳ xả đáy thu gom sau 24h làm việc. Hiệu suất xử lý bụi của thiết bị lọc bụi túi vải có thể lên đến 99%.

- Dòng khí sạch sau khí tách bụi sẽ được tự thoát ra thành túi vải và ra bên ngoài môi trường tiếp nhận.

- Lượng bụi giữ ra sau mỗi ngày sẽ được tái sử dụng đưa vào máy trộn của dây chuyền sản xuất hạt nhựa màu.

Các thiết bị của hệ thống xử lý được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 1: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi.

TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Hệ thống đường ống thu gom bụi	01 hệ thống	Vật liệu: tôn mạ kẽm Ống: D350 , L30m Ống: D200, L10m Ống mềm: D150, L10 Ống mềm: D80, L10m Tê: D400, 4EA Co: D400, 16 EA
2	Thiết bị lọc bụi túi vải	01	Kích thước: 1.000R × 2.000D × 2.300C 21 túi lọc: D20 × 100
3	Quạt hút	1 cái	Công suất: 2Hp Áp suất 150mmAq Motor teco hoặc Siemen
4	Hệ thống điều khiển	01 hệ thống	Tủ điều khiển và dây điện từ tủ đến các thiết bị
5	Ống thoát khí	Không có	

❖ Hệ thống thu gom hơi nóng từ quá trình đùn ép nhựa XPLE, ABS, PP, PS, Catalyst công suất 3.600m^3/h:

- Để đảm bảo điện kiện tốt cho công nhân làm việc trong phân xưởng, Công ty đã thực hiện lắp đặt 3 đường ống thu gom hút hơi nóng tại công đoạn trộn ép nhựa thoát ra môi trường bằng 3 ống thải. Hơi nóng tại bồn đùn nhựa được được thu gom bằng 3 đường ống thép mạ kẽm đường kính Ø600mm chiều dài 16m thoát ra môi trường qua 3 ống thải. Quy trình thu gom như sau:

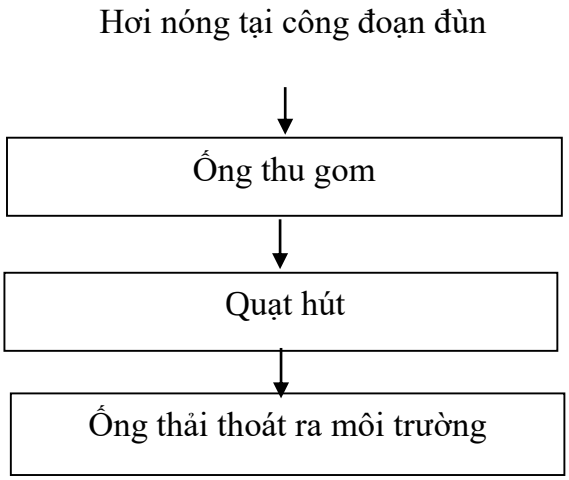

Hình 3: Sơ đồ quy trình thu gom hơi nóng từ quá trình đùn ép hạt nhựa.

❖ **Hệ thống thu gom hơi nóng, khói từ làm nguội Catalyst công suất 1.200m^3/h:**

- Ngoài ra tại công đoạn làm nguội Catalyst sau đùn công ty bố trí 1 chụp hút dẫn hơi nóng, khói vào đường ống thép mạ kẽm đường kính Ø140mm chiều dài 15m thoát ra môi trường. Quy trình thu gom như sau:

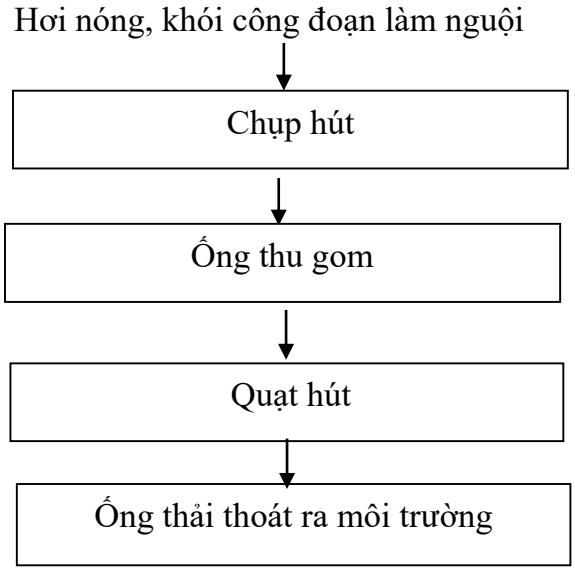

Hình 4: Sơ đồ quy trình thu gom hơi nóng từ quá trình làm nguội chất xúc tác.

c) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

❖ **Bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển**

Để hạn chế tối đa khả năng gây ảnh hưởng đến người lao động cũng như môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động sản xuất và hoạt động của các phương tiện giao thông sẽ áp dụng một số các biện pháp sau:

- Vệ sinh đường sạch sẽ nhằm hạn chế sự tồn đọng của bụi, đất cát gây phát tán bụi do các phương tiện di chuyển trên đường bộ.

- Vào mùa nắng, phun sương sân bãi giảm bụi và hơi nóng do xe ra vào Cơ sở.

- Hạn chế tốc độ lưu thông các phương tiện vận chuyển ra vào trong khu vực.

- Bảo dưỡng phương tiện theo đúng định kỳ.

- Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khuôn viên nhà máy.

- Sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, khép kín và nguyên vật liệu sạch.

- Lắp quạt thông gió trong toàn bộ nhà xưởng để thông thoáng khu vực sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân ở các công đoạn vận hành máy móc, thiết bị phát sinh mùi, hơi dung môi.

❖ **Giảm thiểu mùi hôi từ khu vực lưu trữ chất thải và hệ thống xử lý nước thải**

- Đối với mùi hôi từ khu lưu trữ chất thải: Công ty bố trí khu lưu giữ có các thùng chứa CTRSH có nắp đậy kín để thu gom triệt để toàn bộ lượng CTRSH phát sinh hằng ngày. Hàng ngày đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý (trừ ngày lễ và ngày nghỉ) để tránh CTRSH tồn đọng nhiều ngày làm phát sinh mùi hôi.

- Để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ HTXLNT, Công ty đảm bảo luôn vận hành hệ thống đúng quy trình, tránh làm chết vi sinh vật gây mùi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

a) Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải sinh hoạt.

Chất thải sinh hoạt sẽ được thu gom và sẽ thực hiện phân loại đối với rác sinh hoạt sẽ thực hiện phân loại thành 02 loại như sau:

+ Rác thực phẩm (rác hữu cơ) là những phần thực phẩm thừa, cá thịt, hay các loại rau củ trong bữa ăn hàng ngày

+ Rác còn lại là những vật như giấy vụn, nhựa, bìa các tông, kim loại, thủy tinh…

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các khu vực căn tin, văn phòng, nhà xưởng ước tính khoảng 15,6 tấn/năm khi hoạt động hết công suất. Cụ thể khối lượng:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)

1	Rác hữu cơ	9,36
2	Rác còn lại	6,24
Tổng		**15,6**

Vấn đề thu gom và xử lý rác sinh hoạt được kiến nghị như sau:

- Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy như tại khu văn phòng, căntеen.

- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom và được lưu giữ tại khu lưu giữ với diện tích 16,24 m^2. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

- Các thùng này được thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/2ngày thu gom và giao cho đơn vị xử lý chất thải.

- Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 343/2024/HĐ-RT ngày 02/01/2024 giữa Công ty TNHH Polycom và Công ty Cổ Phần Môi Trường Sonadezi.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải được thu gom, phân loại, lưu giữ và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng đúng theo Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành:

Trong quá trình sản xuất và hoạt động của nhà máy sẽ phát sinh các loại chất thải công nghiệp không nguy hại. Cụ thể khối lượng:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại

1	Nhóm giấy: giấy văn phòng, bìa carton đóng gói hàng, lõi giấy	18 01 05	200	TT-R
2	Nhóm nhựa: chai nhựa, bao nylon, màng bọc PE, Palet nhựa gãy bể, hạt nhựa dơ, lỗi	03 02 12	2.000	TT-R
3	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH: Sắt thải từ quá trình hàn sửa	11 04 03	300	
Tổng khối lượng			**2.500**	

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo quy định về quản lý chất thải công nghiệp.

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Toàn bộ chất thải rắn thông thường được lưu trữ tại khu lưu trữ tạm thời CTRTT với diện tích 32,86 m^2, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.

- Tần suất thu gom: Định kỳ khoảng 1 tháng – 2 tháng/lần đơn vị thu gom sẽ đến thu gom tùy thuộc vào lượng chất thải phát sinh tại Công ty. Tuy nhiên, nếu khối lượng chất thải phát sinh lớn không đủ khả năng lưu kho chủ cơ sở sẽ tăng tần suất thu gom chất thải để đảm bảo không để quá tải chất thải phát sinh.

- Công ty ký hợp đồng thu mua phế liệu số 04/HĐPL/2024 ngày 1/6/2024 gữa Công ty TNHH MTV Cùng Chung Sức và Công ty TNHH Polycom.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại:

CTNH phát sinh trong quá trình sản xuất của Nhà máy sẽ được phân loại và chứa trong các thùng chứa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn cảnh báo theo Thông tư số 02/BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022.

Trong quá trình sản xuất và hoạt động của nhà máy hiện hữu phát sinh các loại chất thải nguy hại sau: bùn thải từ HTXLNT, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại, Bao bì, thùng chứa nhiễm thành phần nguy hại…

Chi tiết các loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động như sau:

Bảng 4.47. CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động sản xuất hiện hữu

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phân loại chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	150
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 05	KS	250
3	Đèn led thải	Rắn	16 01 13	NH	50
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	300
5	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	150
6	Bao bì mền thải	Rắn	18 01 01	NH	200
7	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 01	NH	250
Tổng cộng					**1.350**

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa chất thải nguy hại với diện tích 9m^2. Kho lưu giữ sẽ được bố trí có mái che và tường bao quanh, được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất thải.

Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Trong mỗi khu vực phát sinh chất thải rắn, chủ cơ sở có kế hoạch thu gom thường xuyên không để chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường. Các cống rãnh cũng có thể là nơi tích tụ chất thải được nạo vét thường xuyên;

- Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số - Hợp đồng chất thải nguy hại số 14/HĐ/SV-2024 ngày 01/01/2024 giữa Công ty TNHH Polycom và Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng.

Sơ đồ thu gom chất thải rắn của Cơ sở:

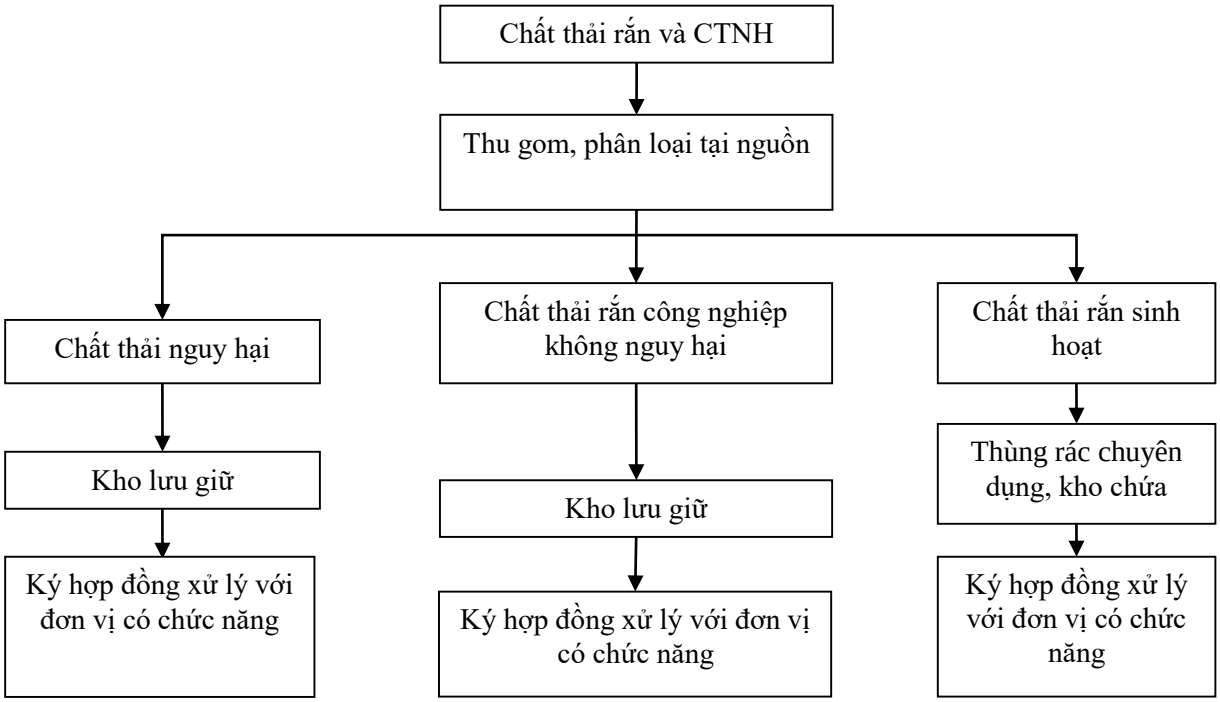

Hình 4.7. Sơ đồ thu gom chất thải

Bảng 4.8. Tần suất giao nhận chất thải

Loại chất thải	Tần suất thu gom
Chất thải sinh hoạt	02 lần/ tuần
Chất thải công nghiệp thông thường	01 tháng/lần (tùy thuộc vào khối lượng phát sinh cụ thể)
Chất thải nguy hại	06 tháng/lần (tuỳ thuộc vào khối lượng phát sinh cụ thể)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

➢ ***Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung:***

Để giảm thiểu tiếng ồn, rung tại dự án, công ty thực hiện các biện pháp sau:

+ Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất:

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, công ty sử dụng các biện pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý.
- Trang bị nút tai cho công nhân làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động.
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

- Lắp đặt đệm chống rung với các thiết bị công suất lớn như máy phay, máy cắt...

- Định kỳ 1 năm/lần tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Thường xuyên tập huấn, giáo dục nâng cao nhận thức về tác hại tiếng ồn.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ đạt tỷ lệ trên 20% tổng diện tích đất sử dụng để tạo mỹ quan cho Công ty cũng như điều hòa các yếu tố vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, Công ty chú ý tăng cường trồng các dải cây xanh (cây có tán với mật độ cao) xung quanh nhà máy để hạn chế tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

+ Tiếng ồn do các phương tiện giao thông:

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Bố trí diện tích cây xanh chiếm hơn 20% tổng diện tích mặt bằng của nhà máy. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ mặt trời, hút và giữ bụi, lọc sạch không khí, hút tiếng ồn và che chắn tiếng ồn. Mặt khác, nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan, tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường.

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

➢ ***Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:***

– QCVN 26:2010/BTNMT–Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư.

– QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

– QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức cho phép tiếp xúc tiếng ồn trong môi trường làm việc.

– QCVN 27:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – giá trị cho phép của độ rung trong môi trường làm việc

6. Phương án phòng ngừa và ứng phó các sự cố môi trường

a) Phòng chống sự cố hệ thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường ngừng hoạt động

** Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

** Đối với bể tự hoại:*

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

** Đối với hệ thống xử lý nước thải:*

+ Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

- Biện pháp khắc phục các sự cố hệ thống XLNT do hệ thống bị quá tải:

+ Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống XLNT và từng công trình đơn vị. Trong đó ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

+ Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống XLNT để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý, hệ thống van bị hư hỏng.

+ Khi công trình bị quá tải thường xuyên do tăng lưu lượng và nồng độ của nước thải thì nhân viên vận hành phải báo cáo với Chủ cơ sở để có biện pháp xử lý.

- Biện pháp khắc phục do lưu lượng lớn bất thường.

+ Chủ cơ sở đã tính toán và thiết kế công suất hệ thống xử lý nước thải ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

+ Bố trí máy bơm dự phòng và máy móc thiết bị có công suất tương đương để thay thế bơm và máy móc thiết bị xử lý nước thải khi có sự cố.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Điều chỉnh chế độ bơm cho phù hợp với công suất của hệ thống xử lý, các thiết bị xử lý phải có thiết bị dự phòng.

- *Biện pháp khắc phục khi hệ thống ngưng hoạt động*

+ Nước thải phải được lưu trữ tại bể điều hòa, không được xả thẳng ra ngoài hệ thống thu gom nước thải của KCN và ngưng sản xuất nếu sau 24h sự cố chưa được khắc phục.

+ Những người vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được đào tạo các kiến thức về:

• Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải.

• Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

• Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải.

• Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý nước thải và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

• Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

• Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì

được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

• Định kỳ 2 lần/1 năm thực hiện duy tu, kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải.

• Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

** Đối với kho chứa chất thải:*

- Đã bố trí nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn

theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

Trường hợp 1: Kịch bản chỉ xảy ra tràn đổ nhỏ tự Công ty ứng phó tại chỗ

a) Tình huống:

- Sự cố đổ vỡ, rò rỉ do thùng bị vỡ nứt, chiết rót dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa.

- Thời gian xảy ra sự cố: Vào khoảng 8 giờ

- Lượng chảy tràn ra đất trong phạm vi khu lưu giữ chất thải, nguy cơ cháy nổ thấp.

b) Biện pháp xử lý:

- Với các phương tiện được công ty chuẩn bị sẵn cho các trường hợp ứng cứu sự cố, thì nhân viên đã được huấn luyện ứng phó sự cố sẽ trực tiếp ứng cứu kịp thời, để tránh trường hợp cháy nổ xảy ra.

- Người phát hiện sự cố sẽ thông báo cho đội ứng phó sự cố môi trường để có biện pháp phù hợp khắc phục sự cố.

+Sử dụng đất khô hoặc cát khô để hấp thu các hóa chất tràn đổ. Hoặc dùng các thiết bị xúc đổ để thu hồi hóa chất dạng rắn bị tràn đổ;

+Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ, rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung.

+Sử dụng các bình bội chữa cháy xách tay hiện có để dập tắt đám cháy (trường hợp cháy hóa chất ở quy mô nhỏ)

+Yêu cầu mở các van nước cần thiết, sử dụng hệ thống nước cứu hỏa nếu cần;

+Di dời các vật dụng dễ bắt lửa, các chất thải nguy hại có nguy cơ phản ứng trong khu vực xảy ra sự cố;

+Sử dụng các đê bao bằng cát và đê bao bằng phao thấm chất thải để ngăn chặn chất thải nguy hại chảy vào cống rãnh;

+Phải trang bị bảo hộ lao động trước khi tiến hành xử lý sự cố môi trường;

+Trường hợp 2: Kịch bản xảy ra tràn đổ, rò rỉ chất thải dẫn đến cháy nổ nằm ngoài khả năng ứng phó của Công ty, cần sự hỗ trợ của đơn vị ngoài.

+Khi xảy ra sự cố thì người phát hiện ra sự cố phải cảnh báo ngay cho trưởng bộ phận, cán bộ phụ trách môi trường. Đồng thời, sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

+Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố môi trường tại hiện trường, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

+Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

Sơ đồ tổ chức điều hành, chỉ huy ứng phó sự cố:

STT	Loại sự cố	Phương án phòng ngừa	Công trình, thiết bị	Nhân lực
1	Hóa chất, nước thải, dầu nhớt tràn xuống hệ thống thoát nước mưa	Tất cả khu vực lưu trữ hóa chất, chất thải dạng lỏng phải có rãnh chống tràn hoặc khay hứng phụ. Niêm yết bảng thông tin "Hố gom nước mưa – Cấm xả thải" tại tất cả các miệng hố gom nước mưa. Khu vực lưu trữ chất thải phải có mái che.	Rãnh chống tràn. Khay hứng phụ. Khu vực lưu trữ chất thải có mái che.	Bộ phận cơ sở vật chất
2	Sự cố máy móc, thiết bị dẫn đến hệ thống xử lý khí thải bị lỗi vận hành	Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. Luôn lưu kho một số loại vật tư cần thiết để thay thế ngay khi gặp hư hỏng thiết bị.	Bộ kiểm soát chất lượng nước thải	Bộ phận cơ sở vật chất Bộ phận bảo trì

Kế hoạch phối hợp lực lượng bên ngoài khi có sự cố cháy:

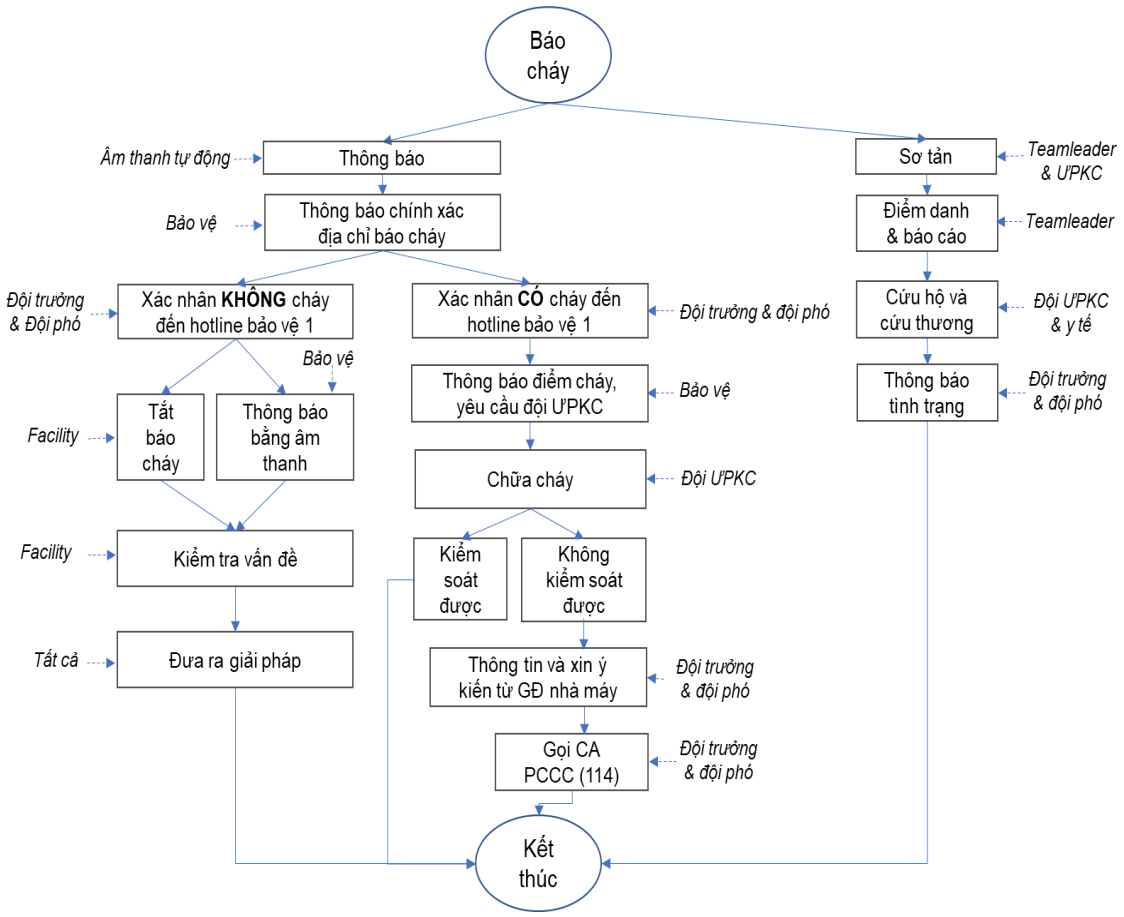

Sơ đồ thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố lớn tại Công ty:

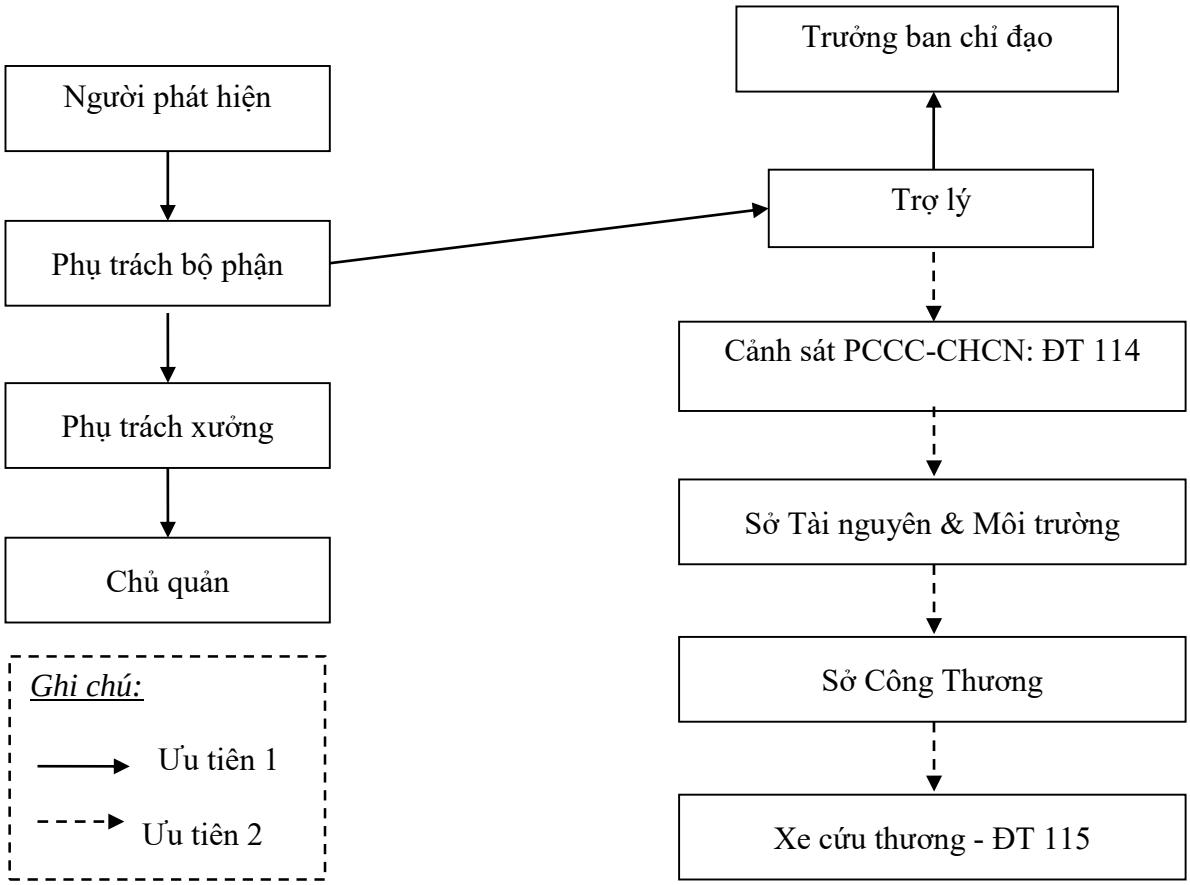

Các đơn vị chức năng cần liên lạc khi xảy ra trường hợp khẩn cấp

TT	Cá nhân/bộ phận/cơ quan chịu trách nhiệm	Điện thoại	Chịu trách nhiệm liên lạc
1	Sở Công Thương Đồng Nai	0251.3823.317	Trợ lý đội ứng phó sự cố
2	Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	0251 3822 933	
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Khánh	0251.3840983	
4	Phòng Cảnh Sát PCCC&CNCH Công An tỉnh Đồng Nai	0251 3899 909	
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	02513.847.798	
6	Cấp cứu	115	
7	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai	0251 3892378	

b) Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;

- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;

- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;

- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khoẻ; chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khoẻ của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;

- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 09/2000/TT-BYT ngày 28/04/2000 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

c) Biện pháp phòng tránh tai nạn điện

- Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây; dây điện trần,… để không bị điện giật chết người.

- Dây điện trong nhà máy phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chạm chập, phát hỏa trong nhà.

- Phải lắp cầu dao hay aptomat ở đầu đường dây điện chính trong nhà, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chạm chập, ngăn ngừa phát hỏa do điện.

- Khi sử dụng các công cụ điện cầm tay (máy khoan,…) phải mang găng tay cách điện hạ thể để không bị điện giật khi công cụ bị rò điện.

- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện và treo bảng *"Cấm mở điện, có người đang làm việc"* tại cầu dao để không bị điện giật.

- Không mở cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt để không bị điện giật.

- Không để trang thiết bị điện phát nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để không làm phát hỏa trong nhà máy.

- Các thiết bị điện, đồ dùng điện, cầu dao điện, công tắc, ổ cắm điện…bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế ngay để người sử dụng không chạm phải các phần dẫn điện gây điện giật chết người.

Không sử dụng dây điện, thiết bị điện, đồ dùng điện có chất lượng kém vì các thiết bị này có lớp cách điện xấu dễ gây chạm chập, rò điện ra vỏ gây điện giật chết người và dễ gây phát hỏa trong nhà máy

d) An toàn giao thông

Do số lượng xe chuyên chở nguyên liệu và sản phẩm tương đối lớn, do vậy chủ cơ sở sẽ thực hiện các giải pháp sau để hạn chế sự cố tai nạn giao thông:

- Bố trí người điều hành các phương tiện ra vào khu vực Nhà máy.

- Thường xuyên nhắc nhở các lái xe thực hiện nghiêm công tác an toàn giao thông, các lái xe phải có giấy phép lái xe và xe vận chuyển vẫn còn thời hạn kiểm định của các cơ quan chức năng.

- Quá trình sản xuất và xuất hàng thành phẩm, lượng xe ra vào Nhà máy khá

lớn và gây ra tình trạng ùn tắc giao thông. Do đó, chủ cơ sở sẽ bố trí khu vực đỗ xe hợp lý tại các khu vực trong yếu trong nhà máy như khu vực bãi nhập liệu, khu vực xuất thành phẩm.

- Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện tốt các biện pháp sau:

+ Quy định tốc độ xe ra vào Nhà máy hợp lý.

+ Lắp đặt biển báo giao thông và biển báo hướng dẫn quy trình nhập nguyên liệu cũng như quy trình xuất dăm thành phẩm.

+ Phân bổ thời gian xe ra vào Nhà máy trong quá trình nhập nguyên liệu cũng như xuất thành phẩm một cách hợp lý. Hạn chế tập trung đông đúc 1 lượng xe ra vào Nhà máy cùng một thời điểm.

e) Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC năm 2001. Chủ cơ sở sẽ kết hợp với đơn vị cho thuê xưởng và Công an PCCC của KCN để xây dựng các phương án PCCC an toàn cho Công ty và phải được phê duyệt phương án PCCC của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống phòng cháy và chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 về "Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu cho thiết kế" và TCVN 7336:2003 quy định về các yêu cầu đối với thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt (sprinkler).

Thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh xưởng; tính toán dự trù nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng; bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa. Xây dựng bản nội quy PCCC và được phổ biến rộng rãi. Chủ cơ sở phối hợp với Công an PCCC tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho lao động.

➢ **Phòng cháy:**

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

-Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành

nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor, đồng thời tiếp đất cho các thiết bị máy móc.

-Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận.

-Triệt để tuân theo các quy định về phòng hoả, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.

-Kho chứa vật liệu dễ cháy có bố trí sẵn các dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát khô, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.

-Kho bãi chứa vật liệu được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn, đúng theo quy định về PCCC.

-Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nhiên liệu) công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...

-Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;

-Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà máy.

-Lắp đặt các đầu dò lửa, đầu dò khí, hệ thống còi đèn.

-Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

-Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong nhà máy.

-Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.

-Cung cấp các thông tin về an toàn lao động và an toàn cháy nổ định kỳ cho công nhân.

-Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của nhà máy.

-Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.

-Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.

-Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.

-Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO_2, bình bọt hóa chất,… tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.

-Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.

-Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.

-Hệ thống cấp điện cho Nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

-Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

-Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác phòng cháy chữa cháy. Dụng cụ PCCC (bình CO_2, xẻng, thang, gàu, máy bơm nước,…) để đúng nơi qui định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của nhà máy được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức huấn luyện thoát hiểm trong giờ làm việc, huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở, kiểm tra, bảo trì các phương tiện PCCC, tổ chức hội thao PCCC, thực tập phương án chữa cháy với Công an PCCC.

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của nhà máy để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, nhân viên, đội phòng cháy và chữa cháy của nhà máy theo các nội dung sau:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

** Biện pháp phòng cháy.*

- Phương pháp lập và thực tập phương án chữa cháy, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy.

- Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

- Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết.

** Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:*

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh

sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ cơ sở thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

➢ **Biện pháp chữa cháy:**

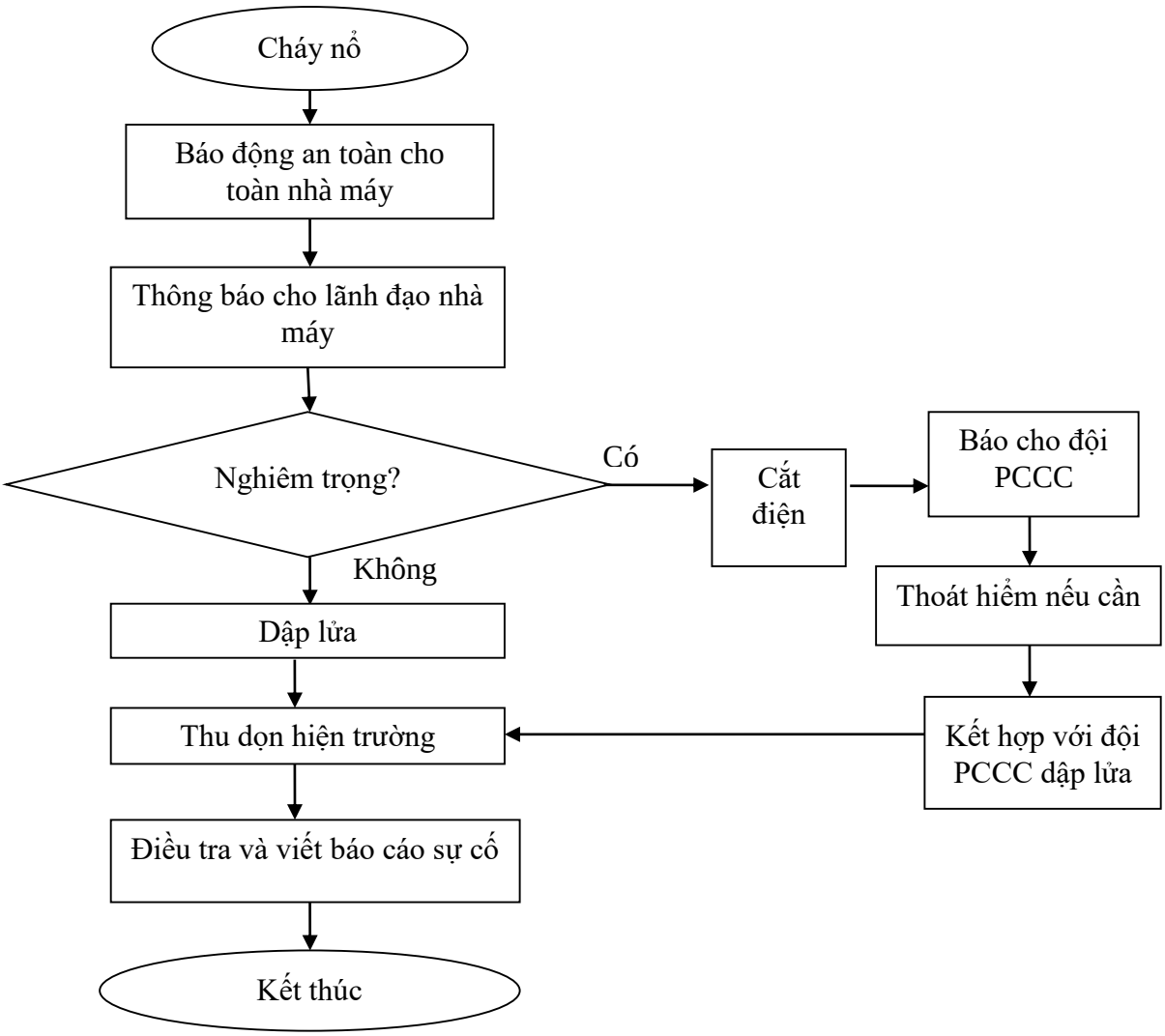

Hình 4.8. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

(1) Dập lửa:

Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

(2) Dọn dẹp:

Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

(3) Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:

Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ cơ sở sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giúp ngăn ngừa, giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và kinh tế nếu xảy ra sự cố.

Kết luận: Những biện pháp giảm thiểu được đề xuất ở trên là các biện pháp khả thi và tối ưu góp phần bảo vệ chất lượng môi trường cũng như sức khoẻ của người lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở. Do vậy, khi dự án đi vào vận hành chủ cơ sở sẽ thực hiện đúng theo các phương án như trên để đảm bảo chất lượng môi trường tại dự án cũng như khu vực xung quanh, bảo đảm sức khoẻ của người lao động.

f) Phòng chống sét

(1) Dập lửa:

Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

(2) Dọn dẹp:

Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

(3) Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:

Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ cơ sở sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giúp ngăn ngừa, giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và kinh tế nếu xảy ra sự cố.

Kết luận: Những biện pháp giảm thiểu được đề xuất ở trên là các biện pháp khả thi và tối ưu góp phần bảo vệ chất lượng môi trường cũng như sức khoẻ của người lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở. Do vậy, khi dự án đi vào vận hành chủ cơ sở sẽ thực hiện đúng theo các phương án như trên để đảm bảo chất lượng môi trường tại dự án cũng như khu vực xung quanh, bảo đảm sức khoẻ của người lao động.

g) Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và hóa chất

Cơ sở có sử dụng các loại nguyên nhiên liệu dạng lỏng như dầu máy (bảo trì máy móc) nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại khu vực Cơ sở, Chủ cơ sở sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu và hóa chất dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng);

- Bảo quản nguyên nhiên liệu, hóa chất trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;

- Lưu trữ các bình chứa nguyên nhiên liệu, hóa chất tại kho chứa riêng, thông thoáng và có biển báo ghi đầy đủ thông tin;

- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;

- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;

- Sử dụng đúng kỹ thuật và tuân thủ các quy tắc an toàn trong sản xuất đối với từng chủng loại nguyên nhiên liệu;

- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro;

- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;

- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.

- Phương pháp ứng phó khi xảy ra sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và hóa chất:

- Sơ tán người lao động khỏi khu vực xảy ra sự cố;

- Sử dụng cát, giẻ lau để hạn chế chảy tràn chất lỏng;

- Thu hồi nguyên nhiên liệu và vệ sinh khu vực xảy ra sự cố;

- Tiến hành điều tra nguyên nhân và lên phương án khắc phục các biện pháp an toàn.

h) Biện pháp khống chế ô nhiễm đất

Khả năng ảnh hưởng đến môi trường của nhà máy bao gồm nguồn nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước mưa, chất thải rắn, rò rỉ nguyên nhiên liệu (dầu làm mát, dầu bảo trì máy móc, dầu DO). Do đó cần phải kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải này bằng các biện pháp sau:

- Xử lý nước thải phát sinh của nhà máy theo đúng phương án đã trình bày ở trên;

- Kiểm soát chất thải rắn của nhà máy theo các phương án đề nghị;

- Thiết kế khu vực lưu trữ nguyên nhiên liệu có mái che, nền xi măng và có khay chống tràn bao quanh để hạn chế sự rò rỉ nguyên nhiên liệu ra môi trường đất xung quanh.

i) Biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến an ninh xã hội tại địa phương

Để giảm thiểu các tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở như tai nạn giao thông, trật tự an ninh xã hội, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương khi có đủ các điều kiện tuyển

dụng nhằm hạn chế mâu thuẫn giữa công nhân nơi khác và công nhân tại địa phương;

- Phổ biến phong tục tập quán cho đội ngũ công nhân nhập cư tham gia làm việc tại Công ty;

- Ban hành và phổ biến quy định, nội quy lao động cho toàn thể công nhân viên và có biện pháp cưỡng chế việc thực hiện;

- Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về đăng ký tạm trú, tạm vắng cho công nhân viên trong Công ty. Quản lý chặt chẽ công nhân viên, kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý công nhân nhập cư, phối hợp kịp thời với lực lượng công an để xác minh, điều tra, giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra;

- Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với tổ chức Công đoàn để nắm bắt, giải quyết kịp thời các vụ đình công;

- Tổ chức thành lập, chỉ đạo hoạt động của lực lượng bảo vệ, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự;

- Tuyên truyền, vận động công nhân viên không uống rượu, bia, chất kích thích khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông để tránh xảy ra những tai nạn đáng tiếc;

- Tổ chức và khuyến khích công nhân tham gia các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh.

Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 4.36. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Stt	Tên công trình	Tình trạng
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm	Xây dựng mới
2	Hệ thống xử lý bụi túi vải công suất 2.500 m^3/h	Hiện hữu
3	Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt	Hiện hữu
4	Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường	
5	Khu lưu giữ chất thải nguy hại	

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình và đã đi vào hoạt động từ năm 2007.

Do nhu cầu của thi trường, Công ty thay đổi mục tiêu hoạt động: bỏ mục tiêu sản xuất nhựa tái sinh PET, giữ nguyên mục tiêu sản xuất nhựa ABS và bổ sung thêm mục tiêu sản xuất nhựa XPLE, Sản xuất các loại hạt nhựa màu (masterbatch), sản xuất hạt nhựa PPS, PS, PC, PP, Sản xuất các chất súc tác (catalyst) sử dụng liên kết các loại nhựa dùng cho ngành dây cáp điện và ngành công nghiệp khác. Ngoài ra yêu cầu của khách hàng ngày càng quan tâm đến môi trường và sự bền vững thông qua việc cung cấp các sản phẩm có tác động ít đến môi trường nên Công ty có kế hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 50m^3/ngày.đêm.

Công ty thay đổi công nghệ, công suất sản xuất, so với quy mô theo ĐTM đã được cấp. Tuy nhiên cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020. Vì vậy, Công ty tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường.

Những nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp năm 2009, cụ thể như sau:

STT	Công nghệ sản xuất, công trình môi trường	Theo ĐTM đã được duyệt	Cơ sở	Lý do điều chỉnh
1	Công nghệ , công suất sản xuất	Hạt nhựa PET tái sinh công suất 5.000 tấn sản phẩm/ năm Hạt nhựa ABS: 1.200 tấn sản phẩm/ năm	**Bỏ** sản xuất hạt nhựa PET. Sản xuất nhựa ABS: 5.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất nhựa XPLE: 25.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất hạt nhựa màu: 5.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất hạt nhựa PPS, PS, PC, PP:	Do nhu cầu của khách hang không cần sử dụng hạt nhựa PET nữa mà chuyển sang sử dụng các dòng hạt nhựa khác.

			6.000 tấn sản phẩm/ năm. Sản xuất các chất xúc tác (catalyst):4.000 tấn sản phẩm/ năm.	
2	Hệ thống xử lý nước thải	Không xây dựng	01 hệ thống xử lý nước thải công suất 50m^3/ngày.đêm.	Do yêu cầu của khách hàng ngày càng quan tâm đến môi trường và sự bền vững
3	Hệ thống xử lý khí thải	Không xây dựng	Xây dựng hệ thống lọc bụi túi vải cho công đoạn sản xuất hạt nhựa màu.	Hệ thống đi kèm dây chuyền sản xuất

.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành, không xả ra môi trường).

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải

Các nguồn nước thải phát sinh của cơ sở bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải vệ sinh cá nhân của công nhân viên với lưu lượng dự kiến khoảng 8m^3/ngày.đêm sau đó dẫn bằng hệ thống đường ống PVC 170 về HTXLNT 50 m^3/ngày.đêm và đấu nối về HTXLNTTT của KCN Long Thành.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu nhà ăn với lưu lượng dự kiến khoảng 2,5 /ngày.đêm bao gồm nước thải từ hoạt động nấu ăn, rửa rau qua bể tách dầu sau đó được dẫn bằng đường ống PVC về HTXLNT 50 m^3/ngày.đêm và đấu nối về HTXLNTTT của KCN Long Thành.

- Nguồn số 03: Nước từ các bể làm mát sợi nhựa sau công đoạn đùn ép với lưu lượng dự kiến khoảng 10 m^3/ngày.đêm (không xả thường xuyên, không xả đồng thời các bể) được dẫn bằng hệ thống đường ống PVC về HTXLNT 50 m^3/ngày.đêm và đấu nối về HTXLNTTT của KCN Long Thành.

Nguồn số 04 (nguồn phát sinh nước thải không phải xử lý): Nước từ các bể làm mát giải nhiệt máy với lưu lượng khoảng 50 m^3/ngày.đêm (không xả thường xuyên, 1 năm xả thải 1 lần) được dẫn bằng hệ thống đường ống PVC về hệ thống thoát nước thải của nhà máy và về HTXLNTTT của KCN Long Thành.

- Lưu lượng xả thải tối đa: 70,5 m^3/ngày.

- Dòng nước thải:

+ Dòng số 01: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Công ty sau đó thoát vào hệ thống thoát nước của KCN Long Thành tại 1 hố ga đấu nối trên đường số 3.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Thành theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom tại đồng xử lý nước thải số 43/HĐNT/SZL/KD-TT ngày 01/03/2011. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Thành	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-10	*Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản*	*Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản*
2	BOD_5 (20°C)	mg/1	100		
3	COD	mg/1	300		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/1	100		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/1	20		
6	Tổng Phốt Pho (tính theo P)	mg/1	10		
7	Tổng Nitơ	mg/1	30		
8	Amoni (tính theo N)	mg/1	10		
9	Sunfua (S)	mg/1	2		
10	Coliform	MPN/100 ml	Không giới hạn		

Vị trí , phương thức xả nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí: 01 Hố ga B8b đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Long Thành (hố ga trên đường số 03 của KCN Long Thành).

Tọa độ vị trí (X = 408909.63, Y = 1196791.97 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107045, múi chiếu 30).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy (24/24h).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải của KCN đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Dòng nước thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01) → 03 Bể tự hoại có thể tích 10,8 m^3/bể + Dòng nước thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02) → Bể tách dầu mỡ có thể tích 11,5 m^3 + Dòng nước thải số 03 (tương ứng với nguồn số 03), 3 dòng thải→ hệ thống xử lý nước thải của nhà máy công suất 50 m^3/ngày.đêm, đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành + Dòng nước thải số 04→ Hố ga đấu nối số B15f trên đường số 9 của KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

1.2.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: xử lý: (*(Nước thải sinh hoạt → qua bể tự hoại 03 ngăn → Hố thu gom nước thải sinh hoạt) +(Nước thải nhà ăn → bể tách dầu mỡ)+ (Nước thải làm mát hạt nhựa → Hố thu gom nước thải sản xuất → Cụm keo tụ tạo bông → Bể lắng hoá lý)) → Bể điều hòa → Bể Thiếu khí → Bể Hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đấu nối với Khu công nghiệp Long Thành (tại 01 hố ga đấu nối trên đường số 03).*
- Công suất thiết kế: 50 m^3/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer.

1.2.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. *Công* trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 50 m^3/ngày đêm.

2.2.1. *Vị* trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. *Chất* ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải: Độ màu, pH, TSS, BOD_5, COD, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ, Amoni, Coliform.
- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Long Thành.

2.3. Tần *suất* lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

1.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Long Thành, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn chuyền sản xuất XPLE.

- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn đùn chuyền sản xuất ABS,

- Nguồn số 03: Khí thải từ công đoạn đùn chuyền sản xuất PPS, PS, PC,PP, Chất xúc tác.

- Nguồn số 04: Khí thải từ công đoạn làm nguội chuyền sản xuất PPS, PS, PC,PP, Chất xúc tác.

- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ chuyền sản xuất hạt nhựa màu.

2.2. Dòng khí thải, Vị trí xả khí thải

A. Nội dung cấp phép về khí thải

1. Vị trí xả thải

- Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số thải số 01): sau hệ thống thoát hơi nóng số 1 tại chuyền sản xuất XPLE. Tọa độ X = 408865.78; Y = 1196793.63.

- Dòng thải số 02 (tương ứng với nguồn số thải số 02): sau hệ thống thoát hơi nóng số 2 tại chuyền sản xuất ABS. Tọa độ X = 408854.27; Y = 1196781.61.

- Dòng thải số 03 (tương ứng với nguồn số thải số 03): sau hệ thống thoát hơi nóng số 03 tại chuyền sản xuất PPS, PS, PC,PP, Chất xúc tác. Tọa độ X = 408834.32; Y = 1196766.40.

- Dòng thải số 04 (tương ứng với nguồn số thải số 04): sau hệ thống thoát hơi nóng số 04 tại chuyền sản xuất PPS, PS, PC,PP, Chất xúc tác. Tọa độ X = 408825.30; Y = 1196743.32.

- Nguồn số 05 không có dòng thải, khí thải thoát ra tại màng của túi vải.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107045, múi chiếu 30)

2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 11.800 m^3/giờ

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.600 m^3/giờ

Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.600 m^3/giờ

Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.600 m^3/giờ

Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m^3/giờ

3.Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả cưỡng bức bằng quạt hút ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục 24/24.

4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

Chất lượng khí thải sau xử lý từ hệ thống thoát khí khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với Kv = 1,0 và Kp theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của cơ sở) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Cụ thể như sau:

TT	Thành phần môi trường quan trắc	QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B, K_p= 1,0, K_v= 1,0)	QCVN 20:2009 / BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	-	-	*Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 98*	*Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số*
2	Bụi	200			

				Nghị định số 08/2022/NĐ-	*08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*

Ghi chú:

– QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ;

– QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1 Mạng lưới thu gom bụi, khí thải

+ Nguồn số 01: được thu gom bằng ống thép mạ kẽm đường kính Ø600mm chiều dài 16m thoát ra môi trường.

+ Nguồn số 02: được thu gom bằng ống thép mạ kẽm đường kính Ø600mm chiều dài 16m thoát ra môi trường.

+ Nguồn số 03: được thu gom bằng ống thép mạ kẽm đường kính Ø600mm chiều dài 16m thoát ra môi trường.

+ Nguồn số 04: được thu gom bằng ống thép mạ kẽm đường kính Ø140mm chiều dài 15m thoát ra môi trường

+Nguồn số 05: được thu gom bằng ống thép mạ kẽm đường kính Ø200mm chiều dài 1,5m, đường kính Ø100mm chiều dài 1,5m, đường kính Ø50mm chiều dài 3m, sau đó gom về đường ống thép mạ kẽm đường kính Ø600mm chiều dài 16m về hệ thống thu bụi túi vải, thoát ra môi trường qua màng 21 túi vải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: 01 hệ thống

1.2.1 Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 05

- Tóm tắt quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút→ ống thu gom→ Lọc bụi túi vải → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý bụi số 01 (xử lý nguồn số 05): Công suất 2.500 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: sử dụng bụi túi vải (số lượng 21 túi).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải; vệ sinh thiết bị lọc bụi túi vải, thu hồi nhựa thải.

- Khi xảy ra sự cố rò rỉ bụi ra môi trường, phải cho ngừng vận hành ngay lập tức các cụm thiết bị trên chuyền sản xuất tương ứng với thiết bị lọc bụi túi vải bị rò rỉ. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành 24/24, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực máy đùn nhựa XLPE;

- Nguồn số 02: Khu vực máy đùn nhựa ABS;

- Nguồn số 03: Khu vực máy đùn PPS, PS, PC,PP, Chất xúc tác,

- Nguồn số 04: Khu vực máy đùn nhựa màu;

Nguồn phát sinh độ rung: Không phát sinh.

3.2.Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy ép nhựa XLPE; tọa độ: X = 408865.78; Y = 1196793.63;

- Nguồn số 02: Khu vực máy ép nhựa ABS; tọa độ: X = 408854.27; Y = 1196781.61;

- Nguồn số 03: Khu vực máy ép PPS, PS, PC,PP, Chất xúc tác; tọa độ: X = 408834.32; Y = 1196766.40;

- Nguồn số 04: Khu vực máy ép nhựa màu; tọa độ: X = 408817.11; Y = 1196751.18

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107045, múi chiếu 30)

3.3.Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 24:2016/BYT		Ghi chú

	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) – dBA	Tần suất quan trắc định kỳ	
1	70	55	8	85	-	*Khu vực thông thường*

3.4. Độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

4. Nội dung đề nghị cấp phép môi trường đối với chất thải.

4.1. Quản lý chất thải:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh:

4.1.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Khối lượng phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phân loại chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	150
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 05	KS	250
3	Đèn led thải	Rắn	16 01 13	NH	50
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	300
5	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	150
6	Bao bì mền thải	Rắn	18 01 01	NH	200
7	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 01	NH	250
Tổng cộng					**1.350**

4.1.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Nhóm giấy: giấy văn phòng, bìa carton đóng gói hàng, lõi giấy	18 01 05	200	TT-R
2	Nhóm nhựa: chai nhựa, bao nylon, màng bọc PE, Palet nhựa gãy bể, hạt nhựa dơ, lỗi	03 02 12	2.000	TT-R
3	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH: Sắt thải từ quá trình hàn sửa	11 04 03	300	
Tổng khối lượng			**2.500**	

4.1.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác hữu cơ	9,36
2	Rác còn lại	6,24
Tổng		**15,6**

- Chủng loại: Thức ăn dư thừa, các loại bao bì thực phẩm, vỏ lon nước giải khát.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

- Diện tích kho lưu chứa: 29 m^2

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên ngoài nhà xưởng, có nền bê tông, tường bao, có mái che, bố trí gờ rãnh để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp đổ tràn, có lắp trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu chứa: 32,86 m^2

-Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: được bố trí bên ngoài nhà xưởng, nền bê tông, có tường bao, có mái che.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 90 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, và một số khu vực làm việc khác sau đó được tập kết trong thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 660 lít, có nắp đậy được đặt ở bên ngoài nhà xưởng. Diện tích kho lưu chứa: 16,24 m^2

CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Nhà máy được hình thành và đi vào hoạt động từ năm 2007. Trong suốt quá trình hoạt động công ty luôn cập nhập các quy định về môi trường và thực hiện các thủ tục môi trường phù hợp theo từng thời điểm, cụ thể công ty được cấp các loại giấy phép môi trường như sau:

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 1640/UBND-KT ngày 18/07/2007 do UBND huyện Long Thành cấp cho cơ sở Xây dựng nhà Xưởng Công ty Polycom.

+ Quyết định số 64/QĐ-KCNĐN do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 04/09/2009 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cơ sở "Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất hạt nhựa ABS và hạt nhựa tái sinh PET công suất 6.200 tấn sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Polycom tại KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Năm 2023, năm 2024 công ty thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đầy đủ theo quy định.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Trên cơ sở tình hình hoạt động và báo cáo công tác bảo vệ môi trường 2 năm gần nhất 2023 và 2024, công ty tổng hợp kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải như sau:

Hiện tại nhà máy đang xử lý nước thải phát sinh bằng bể tư hoại 3 ngăn.

Bảng 5.1: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh hằng năm

	Năm	
	2023	**2024**
Lưu lượng nước thải ($m^{3)}$	12.160	14.177,6

Dữ liệu quan trắc nước thải định kỳ năm 2023 tại bảng sau:

Bảng 5.2: Dữ liệu quan trắc nước thải định kỳ năm 2023

TT	**Thông số ô nhiễm**	**Đơn vị**	**Nồng độ**				**Giới hạn tiếp nhận KCN Long Thành**
			NT 1 Ngày 27/03/2023	**NT 1 Ngày 15/06/2023**	**NT 1 Ngày 01/08/2023**	**NT 1 Ngày 13/11/2023**	
1	pH	mg/l	7,36	7,35	7,53	7,11	**5 ÷ 9**
2	BOD_5	mg/l	81	84	82	89	**100**

3	COD	mg/l	228	214	220	227	**300**
4	TSS	mg/l	84	85	83	81	**100**
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13,2	12,5	9,9	10,3	**20**
6	Tổng N	mg/l	23,6	38,5	18,4	16,8	**40**
7	Tổng P	mg/l	3,47	5,7	2,19	2,8	**10**
8	Coliform	MPN/ 100mL	4.900	4.700	4.500	4.800	**Không quy định**

Dữ liệu quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 tại bảng sau:

Bảng 5.3: Dữ liệu quan trắc nước thải định kỳ năm 2024

TT	**Thông số ô nhiễm**	**Đơn vị**	**Nồng độ**				**Giới hạn tiếp nhận KCN Long Thành**
			NT 1 Ngày 25/03/2024	**NT 1 Ngày 30/05/2024**	**NT 1 Ngày 01/08/2024**	**NT 1 Ngày 07/11/2024**	
9	pH	mg/l	7,36	8,05	7,53	6,25	**5 ÷ 9**
10	BOD_5	mg/l	61	63	52	65	**100**
11	COD	mg/l	128	134	120	142	**300**
12	TSS	mg/l	54	52	43	82	**100**
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13,2	12,5	9,9	10,3	**20**
14	Tổng N	mg/l	23,6	22,2	18,4	25,1	**40**
15	Tổng P	mg/l	1,47	1,44	1,19	1,86	**10**
16	Coliform	MPN/ 100mL	$4,6x10^3$	$4,3x10^3$	$3,5x10^3$	$4,6x10^3$	**Không quy định**

- Trong 2 năm gần nhất công ty không phát sinh sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: bể tự hoại 3 ngăn.

- Định kỳ khoảng 1 năm 1 lần công ty thực hiện hút hầm cầu khi hầm cầu có dấu hiện đầy.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải: Từ bảng trên cho thấy, các thông số sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép. Các công trình xử lý nước thải của công ty đang hoạt động ổn định. Do đó công trình xử lý nước thải hiện hữu công ty đang áp dụng là phù hợp với tính chất, lưu lượng nước thải phát sinh từ nhà máy. Tuy nhiên để luôn đảm bảo giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành và yêu cầu về bảo vệ môi trường của các khách hàng của nhà máy, công ty sẽ thực hiện xây lắp hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Công ty không có công trình xử lý bụi, khí thải quan trắc định kỳ

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: theo chứng từ thu gom chất thải sinh hoạt và hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt năm 2023 và 2024 của Công ty và Công ty MTV Cổ phần Môi trường Sonadezi:

	Chất thải sinh hoạt	
	2023	**2024**
Khối lượng (kg/ năm)	15.000	18.000

Khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh: theo chứng từ thu gom chất thải công nghiệp thông thường và hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt năm 2023 và 2024 của Công ty và Công ty MTV Cùng Chung Sức

	Chất thải công nghiệp thông thường	
	2023	**2024**
Khối lượng (kg/ năm)	48.600	56.000

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: theo chứng từ thu gom chất thải nguy hại và hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt năm 2023 và 2024 của công ty và Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng.

Tên chất thải	**Mã CTNH**	**Khối lượng năm 2024 (kg)**	**Phương pháp xử lý** (i)	**Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH**	**Khối lượng năm 2023 (kg)**
Hộp mực in thải	08 02 04	-	TĐ/CL	Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng. Mã số	1
Bóng đèn thải	16 01 06	-	TĐ		10
Bao bì mềm thải có chứa các TPNH	18 01 01	-	TĐ		5

Giẻ lau, bao tay nhiễm TPNH	18 02 01	229	HR	QLCTNH: 5-6.038.VX	200
Tổng số lượng		**229**			**216**

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 2 năm gần nhất đến thời điểm lập báo cáo công ty đã có một đợt thanh tra của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Biên bản kiểm tra ngày 12/11/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai; Văn bản số 2024.11/1/POLYCOM đề ngày 25/11/2024 của Công ty TNHH Polycom; Biên bản làm việc ngày 12/03/2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các hồ sơ liên quan.

Công ty nhận được biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường số 02/BB-VPHC ngày 13/02/2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai và nhận được Quyết định số 485/QĐ-XPHC ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về xử phạt hành chính.*(Đính kèm các quyết định, biên bản thanh tra tại phụ lục báo cáo, chứng từ nộp phạt).*

Trong đó về hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của công ty cụ thể như sau:

Bảng 7.1: Kết quả thanh tra và khắc phục vi phạm thanh tra tại cơ sở

STT	Hành vi vi phạm	Khắc phục vi phạm	Xử phạt
1	Hành vi hoạt động không có giấy phép môi trường	Công ty đã nộp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất hạt nhựa (không có nhựa tái chế PET) công suất 45.000 tấn sản phẩm/năm" ngày 08/11/2024 mã hồ sơ: H19.20-241108-0003. Hiện nay Công ty đang tiến hành viết báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường để được cấp giấy phép môi trường sớm nhất.	Công ty đã hoàn thành nộp phạt mức phạt là 320.000.000 đồng
2	Không thực hiện nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		Công ty đã hoàn thành nộp phạt mức phạt là 90.000.000 đồng

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án trong thời gian 3 tháng- 6 tháng được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 6.. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục	Số lượng	Công suất	Thời gian vận hành thử nghiệm	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải	1	50m^3/ngày.đêm	05/2025	11/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết Quan trắc chất thải bổ sung đối với cơ sở đang hoạt động khi đề nghị cấp giấy phép môi trường: Việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Do đó, kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý chất thải được thực hiện lấy mẫu 03 ngày liên tiếp trong khoảng thời gian từ tháng 04/202504/2025 – 10/2025 và 3 ngày liên tiếp trong khoảng thời gian từ tháng 08/2026– 02/2027, kế hoạch lấy mẫu như sau:

Vị trí lấy mẫu đối với các công trình xử lý chất thải được trình bày ở bảng bên dưới.

Bảng 6.1. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số giám sát	Thời gian đo đạc	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý					

	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 50m^3/ngày.đêm	pH, Độ màu, TSS, BOD_5, COD, NH_4^+_N, Tổng Photpho, Tổng Nitơ, Dầu, mỡ khoáng, Coliform	1 ngày/1 lần	3 ngày liên tiếp: + Lần thứ 1: ngày bắt đầu vận hành (lấy 1 mẫu đầu vào và 1 mẫu đầu ra). + Lần thứ 2: ngày tiếp theo lần thứ 1 (lấy 1 mẫu đầu ra). + Lần thứ 3: ngày tiếp theo lần thứ 2 (lấy 1 mẫu đầu ra).	Giới hạn đấu nối của KCN Long Thành

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. *Quan trắc nước thải:*

– Căn cứ theo khoản 2, Điều 97 của Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định Đối tượng, "mức lưu lượng xả nước thải và hình thức phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ được quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này (*trừ các trường hợp: cơ sở đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung*)".

– Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

– Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 20,5 m^3/ngày.

→ Căn cứ đối tượng quy định tại mục 3 (*Cơ sở, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này*) và với mức lưu lượng quy định tại Cột 5 (Từ 500 đến dưới 1.000 m^3/ngày (24 giờ)) tại Phụ lục XXVIII của Nghị định số 08:2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì **Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định trên.**

Cơ sở thực hiện giám sát chất lượng nước thải theo yêu cầu của Hợp đồng xử lý nước với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

b. *Quan trắc khí thải:*

– Căn cứ theo Điểm c, Khoản 1 "*c) Mức lưu lượng xả bụi, khí thải công nghiệp lớn của cơ sở, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được quy định tại số*

thứ tự 9 Cột 6 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này" và khoản 3 "*Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều này.*" của Điều 98 của Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

– Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

– Tổng lưu lượng khí thải của cơ sở là 10.000 m^3/giờ <50.000 m^3/giờ theo quy định tại số thứ tự 9 Cột 6 (*Từ 50.000 trở lên (tính lưu lượng của các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải công nghiệp)*) tại Phụ lục XXIX của Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

→ Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường khí thải tự động, liên tục, quan trắc khí thải định kỳ theo quy định trên.

c. ***Giám sát chất thải rắn***

– Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh chất thải, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

– Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

– Giám sát khối lượng phát sinh: Công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và hợp đồng xử lý chất thải (khối lượng, chủng loại, hóa đơn, biên bản, chứng từ giao nhận chất thải, hợp đồng xử lý chất thải, ...).

– Quy chuẩn so sánh: Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

– Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường Đồng Nai – Vimcert 003.

+ Địa chỉ: 520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

+ Chứng nhận – Vimcerts 003.

– Trung tâm công nghệ môi trường Coshet– Vimcert 026.

+ Địa chỉ: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;

+ Chứng nhận – Vimcerts 026 theo Quyết định số 2045/QĐ-BTNMT ngày 16/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận

đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Polycom xin cam kết:

- Tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động để kịp thời kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;

- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nhằm đảm bảo được Quy chuẩn môi trường Việt Nam;

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải từ hoạt động sinh hoạt và xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào HTXLNT tập trung của KCN Long Thành;

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải từ nhà ăn, nước rửa tay, nước quy trình sản xuất xử lý đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Thành.

- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở;

- Thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Chủ đầu tư cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan;

- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do vận hành Nhà máy;

- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3600857264

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 11 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 19 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: POLYCOM CO., LTD
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3514383* Fax: *0251.3514386*
Email: Website: *polycomplastic.com*

3. Vốn điều lệ : 68.328.424.021 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ ba trăm hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi mốt đồng

(Tương đương 4.030.000 USD)

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	YANG SI BAEK	Hàn Quốc	Room 1302, Sambu Renassance vill, 307 ogeum-ro, Songpa-gu, Seoul, Hàn Quốc, Hàn Quốc	61.749.905.778	90,372	M16215628	

2	KIM DONG SUK	Hàn Quốc	Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	6.578.518.243	9,628	M442J8615	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM DONG SUK Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *02/02/1965* Dân tộc: *Quốc tịch: Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M442J8615*

Ngày cấp: *17/10/2024* Nơi cấp: *Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *Room 506-1705, Heliocity APT, Songpa Daero 345, Garak-Dong, Songpa-gu, Seoul, Hàn Quốc, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT. **TRƯỞNG PHÒNG**

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8707347650

Chứng nhận lần đầu: ngày 28 tháng 11 năm 2006

Chứng nhận thay đổi lần thứ mười sáu: ngày 15 tháng 5 năm 2020

Chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy: ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8707347650 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười sáu ngày 15 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM nộp ngày 28 tháng 01 năm 2021,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM; mã số dự án 8707347650 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười sáu ngày 15 tháng 5 năm 2020;

Được đăng ký:

- Điều chỉnh thông tin Nhà đầu tư;
- Điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của các Nhà đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

1. Ông **YANG SI BAEK**; sinh ngày 13 tháng 01 năm 1948; quốc tịch: Hàn Quốc; hộ chiếu số: M16215628 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2015 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: Room 1302, Sambu Renassance vill, 307 ogeum-ro, Songpa-gu, Seoul, Korea.

2. Ông **KIM DONG SUK**; sinh ngày 02 tháng 02 năm 1965; quốc tịch: Hàn Quốc; hộ chiếu số: M87927366 cấp ngày 19 tháng 3 năm 2015 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: Room 506-1705, Heliocity APT, Songpa Daero 345, Garak-dong, Songpa-gu, Seoul, Korea.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600857264 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 01 năm 2021.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Stt	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất nhựa tổng hợp PVC, Polyethylene khâu mạch (XLPE), PE, các loại hợp chất nhựa như hợp chất bán dẫn (semi conductive), hợp chất chống cháy (frame retardant) và các hợp chất khác sử dụng cho dây cáp điện và các ngành công nghiệp khác.	25.000 tấn sản phẩm /năm.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
2	Sản xuất nhựa ABS.	5.000 tấn sản phẩm/năm.		
3	Sản xuất Recycle PET	5.000 tấn sản phẩm/năm.		
4	Sản xuất các loại hạt nhựa màu (masterbatch)	5.000 tấn sản phẩm/năm.		
5	Sản xuất hạt nhựa PPS, PS, PC, PP.	6.000 tấn sản phẩm/năm.		
6	Sản xuất các chất xúc tác (catalyst) sử dụng liên kết các loại nhựa dùng cho ngành dây cáp điện và các ngành công nghiệp khác.	4.000 tấn sản phẩm/năm.	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu	2029
7	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng thuộc 10 nhóm mã HS: 3204, 3206, 3403, 3815, 3901, 3902, 3903, 3904, 3907. 8544.		Bán buôn tổng hợp; bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu.	4690, 4669

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 20.300 m^2.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 114.045.600.000 (một trăm mười bốn tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn) đồng, tương đương 6.150.000 (sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 68.328.424.021 (sáu mươi tám tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi mốt) đồng, tương đương 4.030.000 (bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 65,5% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và tiến độ góp vốn như sau:

Stt	Nhà đầu tư	Vốn góp (đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)	Tiến độ góp vốn
1	Ông YANG SI BAEK	3.642.000	90,37	Đã góp đủ
2	Ông KIM DONG SUK	388.000	9,63	
Tổng		4.030.000	100	

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 47 (bốn mươi bảy) năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2006.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2007.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

3. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8707347650 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười sáu ngày 15 tháng 5 năm 2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP T. ĐỒNG NAI

Lê Văn Danh

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: /01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

D839811991261

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Polycom

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472023000025 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp; chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2006; chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 27/6/2011.

Địa chỉ: KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BK 012493

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 1 Tờ bản đồ số: 15

b) Địa chỉ thửa đất: xã Tam An; huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 20366,4m2 (bằng chữ: hai mươi nghìn ba trăm sáu mươi sáu phẩy bốn mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 20366,4m2, Không được cấp: Không m2

d) Hình thức sử dụng: riêng: 20366,4 m2, chung: Không m2.

e) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.

f) Thời hạn sử dụng đất: Sử dụng đến: 31/10/2053.

g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất các loại nhựa tổng hợp PVC,...

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
1.Nhà xưởng và văn phòng	2550,0	2700,0	Bê tông cốt thép + thép	Cấp 3	1	2008	31/10/2053
2.Nhà xe	48,0	48,0	Thép	Cấp 4	1	2008	31/10/2053
3.Nhà bảo vệ	16,0	16,0	Bê tông cốt thép	Cấp 4	1	2008	31/10/2053
4.Nhà xưởng	2100,0	2100,0	Bê tông cốt thép + thép	Cấp 3	1	2010	31/10/2053

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Đồng Nai, ngày 01 tháng 8 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TUQ.CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Viết Hưng

Số vào sổ cấp GCN: CT 14567

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

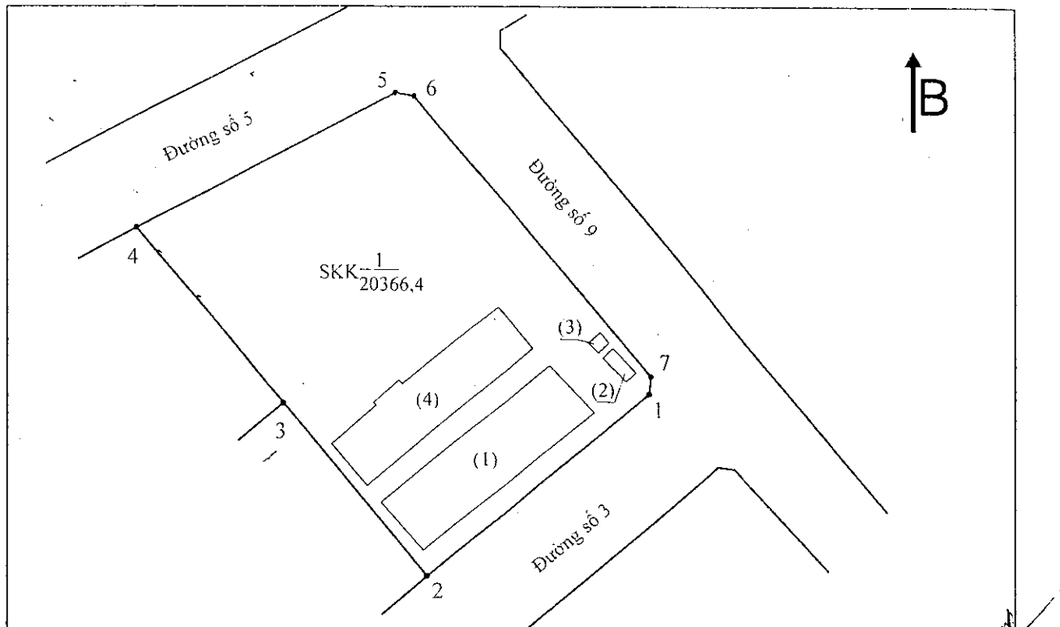

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	408904,67	1196798,53	115,14
2	408815,86	1196725,25	91,00
3	408757,24	1196794,85	91,82
4	408698,08	1196865,07	118,14
5	408802,87	1196919,63	7,82
6	408810,55	1196918,12	147,13
7	408905,31	1196805,57	7,07
1	408904,67	1196798,53	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UBND HUYỆN LONG THÀNH
PHÒNG TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 19 tháng 7 năm 2007

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC NHẬN

Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: Xây dựng nhà xưởng Công ty TNHH Polycom được cấp Giấy xác nhận đăng ký số 1640/UBND-KT ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Phó Chủ tịch UBND huyện Long Thành./.

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ PHÒNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG H. LONG THÀNH T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Tấn Hưng

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1640 /UBND-KT	*Long Thành, ngày 18 tháng 7 năm 2007*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án: Xây dựng nhà xưởng Công ty TNHH Polycom.

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN LONG THÀNH

XÁC NHẬN

Điều 1: Ngày 12 tháng 7 năm 2007 chủ Dự án là Công ty TNHH Polycom đã có văn bản số 012/CV/07đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án: **Xây dựng nhà xưởng Công ty TNHH Polycom.**

Điều 2: Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3: Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4: Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Phòng TM-MT huyện (theo dõi);
- Lưu VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Sơn

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 5721, Quyển số.....SCT/BS
Ngày 17-06-2009
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 26

Lê Văn Ngọc

SAO Y BẢN CHÍ
Ngày ... tháng ... năm ...

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 64 /QĐ-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 04 tháng 9 năm 2009

YANG JUNG GIU
General Director

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất các hạt nhựa ABS và hạt nhựa tái sinh PET, công suất 6.200 tấn sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Polycom tại KCN Long Thành, huyện Long Thành.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2008/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư trong 16 Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất các hạt nhựa ABS và hạt nhựa tái sinh PET, công suất 6.200 tấn sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Polycom tại KCN Long Thành huyện Long Thành họp ngày 16/7/2009 tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất các hạt nhựa ABS và hạt nhựa tái sinh PET, công suất 6.200 tấn sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Polycom tại KCN Long Thành huyện Long Thành đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 1727CV/PLC.2009 ngày 26/8/2009 của Công ty TNHH Polycom;

Theo đề nghị của Phụ trách Phòng Môi trường - Ban Quản lý các KCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất các hạt nhựa ABS và hạt nhựa tái sinh PET,

công suất 6.200 tấn sản phẩm/năm" tại KCN Long Thành, huyện Long Thành của Công ty TNHH Polycom (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Diện tích đất trồng cây xanh phải được bố trí hợp lý và đảm bảo ít nhất 20% diện tích mặt bằng của Dự án.

2. Trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động dự án phải đảm bảo xử lý các loại chất thải đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường theo Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006; Quyết định 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006, và Quyết định 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006, Quyết định số 65/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007; cụ thể như sau:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Bảo đảm thoát nước không gây ngập úng vào mùa mưa.

- Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, không làm rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

- Có nơi tập trung rác thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường; thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, nước thải đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường theo quy định; tuân thủ thực hiện đúng quy định quản lý về chất thải nguy hại.

b) Trong quá trình hoạt động của Dự án:

- Xây dựng và tách riêng triệt để tuyến thoát nước mưa, nước thải phù hợp với quy hoạch chi tiết của KCN Long Thành. Thiết kế, xây dựng và vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải cục bộ phát sinh từ các hoạt động của Dự án. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận theo hợp đồng giữa Chủ dự án và Công ty kinh doanh hạ tầng KCN Long Thành trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành.

- Thiết kế, lắp đặt các thiết bị xử lý khí thải và vận hành thường xuyên đảm bảo các loại khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường theo TCVN 5939 : 2005, cột B (ứng với $K_v = 1,0$ và K_p theo lưu lượng nguồn khí thải) và TCVN 5940 : 2005 trước khi thải ra môi trường. Đối với môi trường không khí xung quanh, Chủ dự án phải tuân thủ thực hiện theo TCVN 5937 : 2005 và TCVN 5938 : 2005.

- Bố trí, xây dựng nơi tập trung, thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định. Đối với chất thải nguy hại, Chủ dự án phải tuân thủ đúng quy định quản lý về chất thải nguy hại.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Thực hiện giám sát chất thải với tần suất 03 (ba) tháng/lần và giám sát môi

trường xung quanh 06 (sáu) tháng/lần trong quá trình hoạt động của Dự án; cập nhật, lưu giữ số liệu và gửi báo cáo về Ban Quản lý các KCN để theo dõi, kiểm tra.

3. Phối hợp chặt chẽ với Công ty kinh doanh hạ tầng KCN Long Thành và chính quyền địa phương trong quá trình thi công, xây dựng và hoạt động của Dự án để đảm bảo an ninh trật tự; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với người lao động tham gia thi công, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ các quy định về an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố môi trường, an toàn lao động, tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án.

4. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động chính thức sau khi được Ban Quản lý các KCN kiểm tra xác nhận hoàn thành các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền.

Điều 6. Ủy nhiệm Phòng Môi trường – Ban Quản lý các KCN thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty TNHH Polycom;
- Cty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Lưu VT, MT (Đ).

4580C

TRƯỞNG BAN

Võ Thanh Lập

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 52 / GPXD

1. Cấp cho : **CÔNG TY TNHH POLYCOM**
   Địa chỉ : KCN Long Thành , huyện Long Thành, ĐN
2. Được phép xây dựng công trình : **Nhà xưởng SX các loại nhựa tổng hợp PVC,Plyethylene khâu mạch (XLPE), PE và các loại hợp chất nhựa sử dụng cho dây cáp điện và các ngành công nghiệp khác**
   - Các công trình gồm : Nhà xưởng + văn phòng, nhà bảo vệ, nhà xe + các hạng mục phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật
   - Thiết kế có ký hiệu : xem bản vẽ được duyệt đính kèm
   - Do : Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng & Trang trí nội thất Sinh Hưng thiết lập.
   - Gồm các nội dung sau đây :
   . Diện tích xây dựng : 2614 m^2
   . Tổng diện tích sàn xây dựng : 2764 m^2
   . Chiều cao công trình tối đa : 13,455m - Số tầng tối đa : 01 tầng + 01 lửng
   . Trên lô đất số : C.I.II -1 có Diện tích : 20.366,4 m^2
   . Cốt nền xây dựng công trình : cao tối đa 0,30 m so với cốt sân đường nội bộ
   . Chỉ giới xây dựng : theo bản vẽ thiết kế được duyệt
   . Màu sắc công trình : vàng, xanh, trắng
   . Các nội dung khác :
   - Chủ đầu tư thực hiện theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số : 1348/SXD-TĐ ngày 23/8/2007 của Sở Xây dựng Đồng Nai trước khi thi công công trình
   Tại : **KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**
3. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất số : có hợp đồng thuê đất số : 51/HĐTĐ/KD-TTngày 29/12/2006 giữa công ty cổ phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom
4. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng mà chưa có công trình nào thuộc dự án nêu trên tại điểm 2 của giấy phép xây dựng này được khởi công thì người xin cấp giấy phép xây dựng phải xin gia hạn giấy phép xây dựng.

Biên Hòa, ngày 11 tháng 4 năm 2008

Nơi nhận :
- UBND huyện Long Thành
- KCN Long Thành

SỞ XÂY DỰNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI

LÝ THÀNH PHƯƠNG

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI

Số : 269 /CNTD-PCCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ vào Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công An.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC ngày 22 tháng 06 năm 2007 của Công ty TNHH Polycom. Người đại diện là ông Choi Jong Man.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN

Công trình : NHÀ MÁY THUỘC CÔNG TY TNHH POLYCOM
Địa điểm : KCN LONG THÀNH - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI.
Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH POLYCOM
Đơn vị thiết kế : CTY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG VÀ TTNT SINH HƯNG (SHCC)
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau : PCCC - Thoát nạn. Hệ thống điện. Hệ thống chống sét.

Theo các bản vẽ thiết kế kỹ thuật: SD-WS-01÷SD-WS-20; ED-WS-01÷ED-WS-07; AD-WS-01÷AD-WS-11; FD-M-01 ÷ FD-WS-02; FD-M-01

Các yêu cầu kèm theo :

1/ Máy bơm chữa cháy phải có Q ≥30 l/s. Hệ thống bơm phải có thiết bị khởi động tự động. Bể nước dự trữ chữa cháy phải có khối tích ≥324 m^3 (TCVN 2622-1995).

2/ Bổ sung hồ sơ thiết kế hệ thống báo cháy tự động gửi lên cơ quan CS PCCC để được thẩm duyệt theo quy định.

3/ Hệ thống chống sét đánh thẳng phải có 02 dây dẫn sét xuống 02 bãi tiếp địa độc lập. Lắp đặt thiết bị đếm sét trên dây dẫn sét. Khoảng cách giữa các cọc tiếp địa phải ≥ 2,4 m. Khoảng cách từ bãi tiếp địa đến công trình phải ≥5 m (20 TCN 46-84)

4/ Chủ đầu tư và đơn vị thi công, thi công theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thẩm duyệt và theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Biên Hòa, ngày 27 tháng 06 năm 2007
T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

C.H.X.H.C.N VIỆT NAM
CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG PC23

Trần Văn Thuyết

Nơi nhận :
- Chủ đầu tư.
- Lưu PC23.

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CS. PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: /9 / NT-PCCC
" T/y Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC "

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2008

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH POLYCOM**

Theo văn bản ngày 22 tháng 01 năm 2008 về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) của CÔNG TY TNHH POLYCOM

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra an toàn PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC lập ngày 24 tháng 01 năm 2008.

Phòng Cảnh sát PCCC - Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

Công trình: **NHÀ XƯỞNG (GIAI ĐOẠN I)**
Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Xây dựng tại: KCN Long Thành- Long Thành- Đồng Nai

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã được nghiệm thu gồm:

- HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG
- HỆ THỐNG CUNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
- HỆ THỐNG CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra an toàn PCCC lập ngày 24 tháng 01 năm 2008.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư CT
- Cục CS.PCCC- BCA (Báo cáo)
- LƯU PC23

K/T. TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PC.23

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI

Thượng tá. Trịnh Văn Thuyết

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 – In 2007

3

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Số: 11 /TD-PCCC(PC23)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Biên Hòa, ngày 25 tháng 12 năm 2009

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của Công ty TNHH Polycom.
- Người đại diện Ông: Yang Jung Giu. Chức vụ: T.Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN

Giai đoạn 2 (nhà kho) – Công ty TNHH Polycom.

Địa điểm : KCN Long Thành – Huyện Long Thành - Đồng Nai.
Chủ đầu tư : Công ty TNHH Polycom.
Đơn vị thiết kế : **CTY TNHH TV – XD VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT SINH HƯNG.**
Đã được thẩm duyệt về PCCC theo các nội dung sau: Giao thông – khoảng cách PCCC, diện tích sàn tối đa cho phép, lối thoát nạn, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống điện, phương tiện chữa cháy tại chỗ, hệ thống báo cháy tự động.

Theo các bản vẽ kỹ thuật được thẩm duyệt PCCC : Mặt bằng tổng thể, kiến trúc, kết cấu, hệ thống cấp nước chữa cháy, báo cháy, bản vẽ hệ thống điện.

Các yêu cầu kèm theo :

1. Khoảng cách an toàn PCCC giữa nhà kho và xưởng giai đoạn I phải ≥ 12 m (theo TCVN2622-1996).
2. Thiết kế bổ sung 01 cửa thoát nạn cho nhà kho, cửa chiều rộng ≥ 0,8m, cao ≥ 2m.
3. Bổ sung 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà cho nhà kho, trụ cách công trình ≥ 5m.
4. Thiết kế hệ thống chống sét đánh thẳng cho công trình (theo TCVN4317-86).
5. Tủ phân phối điện phải bố trí bên ngoài nhà kho trên mặt tường bằng vật liệu không cháy.
6. Mọi phương tiện, thiết bị PCCC phải được kiểm định trước khi thi công, tổ chức kiểm tra thi công và nghiệm thu công trình theo quy định của Luật PCCC.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư.
- Lưu PC23.

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá : Văn Quyết Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số.43./HĐNT/SZL/KD-TT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;
- Căn cứ thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/07/2009 quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;
- Căn cứ thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 51/HĐTĐ/SLC/KD-TT ngày 29/12/2006 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom;
- Căn cứ Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước số 55/HĐN/SZL/KD-TT ngày 30/07/2007 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom
- Căn cứ văn thư số 14/SDV ngày 07/01/2011 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi về việc thanh lý Hợp đồng xử lý nước thải.
- Căn cứ Biên bản thanh lý Hợp đồng xử lý nước thải số .42../TL.HĐNT ngày 28/02/2011..giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty TNHH Polycom;

Hôm nay, ngày 01.. tháng .03.. năm 2011., tại văn phòng Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành, chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH POLYCOM

- Giấy phép đầu tư: Số 472023000025 điều chỉnh lần thứ năm ngày 12/02/2010 do DIZA cấp
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : 84-61-3514383 Fax : 84-61-3514386
- Mã số Thuế : 3600857264
- Số tài khoản : + Ngoại tệ : 238-67-309951
  + Nội tệ : 238-07-309943
  Mở tại ngân hàng Shinhan Vina, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Người đại diện : Ông **YANG JUNG GIU**
- Hộ chiếu : Số M74886044. Nơi cấp: Hàn Quốc
  Ngày cấp : 07/03/2011. Ngày hết hạn : 07/03/2021
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B):
Chủ đầu tư:
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH (Sonadezi Long Thành)

- Giấy CNĐKKD và ĐK thuế: số 3600 649 539 điều chỉnh lần 9 ngày 19/05/2010 do Sở KH & ĐT tỉnh Đồng Nai cấp
- Địa chỉ : Đường 5, KCN Long Thành, Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : 061-3514494 Fax : 061-3514499
- Mã số thuế : 3600 649 539
- Tài khoản : 102010000269733 tại NH Công thương Khu công nghiệp Biên Hòa
- Người đại diện : Ông **NGUYỄN VĂN TUẤN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Đơn vị vận hành xử lý:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI (Dịch vụ Sonadezi)**
- Giấy CNĐKKD và ĐK thuế: số 3600890938 thay đổi lần 6 ngày 31/05/2010 do Sở KHĐT Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Số 22B, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Biên Hòa, ĐN
- Điện thoại : 061. 8890 888 Fax: 061. 8890 199
- Số tài khoản : 0481000043367, tại Ngân hàng Vietcombank Biên Hòa – Đồng Nai
- Mã số thuế : 3600890938
- Người đại diện : Bà **LƯƠNG MINH HIỀN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: DỊCH VỤ CUNG CẤP

1.1 Bên B đồng ý tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ lô đất số **C.II.I-1** diện tích **20.366,4** m2. của Bên A đặt tại KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

1.2 Nước thải sau xử lý tại nhà máy xử lý nước thải của Bên B đạt giới hạn cho phép tại cột B của qui chuẩn quốc gia số QCVN 24:2009/BTNMT theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng này sẽ theo thời hạn của Hợp đồng thuê lại đất số 51/HĐTĐ/SLC/KD-TT ngày 29/12/2006 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom.

ĐIỀU 3: PHÍ XỬ LÝ, LƯU LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

3.1 Phí xử lý nước thải:

3.1.1. Đơn giá phí xử lý tính bằng tiền đồng Việt Nam, tương đương **0,32 USD/m^3** nước thải (chưa có thuế VAT).

Đơn giá này chỉ áp dụng trong trường hợp thành phần và nồng độ nước thải của Bên A đạt giới hạn quy định tại Phụ lục 1.

Đơn giá này sẽ được xem xét điều chỉnh 5 năm/lần và/hoặc có thể điều chỉnh trong trường hợp có biến động về giá (gồm các loại giá cả chủ yếu như điện, nước, hóa chất, công lao động hoặc có sự thay đổi về chính sách của Nhà nước và quy định của khu công nghiệp).

Phí xử lý nước thải được tính từ ngày 01 tháng 03 năm 2011.

3.1.2. Trong trường hợp Bên A xả nước thải có thành phần và nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1, Bên A phải trả thêm chi phí để bên B khắc phục sự cố do việc xả nước thải vượt quá giới hạn nói trên. Chi phí trả thêm này do Bên B xác định.

3.1.3. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Bên A bị sự cố cần phải sửa chữa khắc phục, do đó thành phần và nồng độ nước thải của Bên A vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1 trong thời gian Bên A sửa chữa khắc phục, Bên A phải báo bằng văn bản cho Bên B trong vòng 3 ngày để có những thỏa thuận khác.

3.2 Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí bằng **80%** lượng nước sạch sử dụng hàng tháng của Bên A ghi trên hóa đơn cấp nước cho nhà máy của Bên A.

3.3 Phương thức và thời hạn thanh toán:

3.3.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

3.3.2 Thời hạn thanh toán: Hàng tháng, Công ty Sonadezi Long Thành sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Sonadezi Long Thành trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Công ty Sonadezi Long Thành .

3.3.3 Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán (Vietcombank).

ĐIỀU 4: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

4.1. Điều kiện về lưu lượng nước thải

4.1.1. Bên B tiếp nhận nước thải của Bên A theo điều 1 tối đa là **9,6** m^3/ngày đêm.

4.1.2. Lưu lượng nước thải được xác định bằng lưu lượng trung bình ngày tính trên 80% lượng nước sạch sử dụng hàng tháng của Bên A ghi trên hóa đơn cấp nước cho nhà máy của Bên A chia cho 26 ngày làm việc của tháng.

4.1.3. Trường hợp Bên A muốn tăng lưu lượng nước thải, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trước 06 tháng và phải được chấp nhận của Bên B. Hai bên sẽ điều chỉnh mục 4.1 này bằng một bản phụ lục hợp đồng.

4.2. Điều kiện về thành phần tính chất nước thải tiếp nhận

4.2.1. Thành phần và nồng độ nước thải của Bên A khi chảy vào hệ thống thu nước thải của KCN không được vượt quá trị số giới hạn qui định theo Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng này.

4.2.2. Khi Nhà nước điều chỉnh các tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước thải so với quy định hiện hành, Bên B sẽ điều chỉnh giới hạn tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Long Thành được quy định tại phụ lục 1 và Bên A phải nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cục bộ đảm bảo công suất xử lý, đạt giới hạn tiếp nhận điều chỉnh của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Long Thành điều chỉnh. Bên B chỉ chịu trách nhiệm xử lý nước thải

đạt tiêu chuẩn quy định sau khi Bên A xử lý cục bộ đạt giới hạn tiếp nhận điều chỉnh.

4.3. Điều kiện kỹ thuật đấu nối nước thải

4.3.1. Nước thải của Bên A sẽ được Bên B tiếp nhận tại vị trí đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Việc đấu nối phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và đúng vị trí do Bên B chỉ định và sẽ được hai bên xác nhận bằng biên bản đấu nối.

4.3.2. Tại vị trí đấu nối có thể sẽ lắp đặt van khống chế.

4.3.3. Trong trường hợp phải đặt van, Bên A phải có trách nhiệm bảo quản thiết bị vận hành an toàn. Nếu thiết bị hư hỏng hoặc mất do lỗi bảo quản của Bên A thì Bên A phải có trách nhiệm bồi thường.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

5.1. Cam kết của Bên A

5.1.1. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng nước thải xả vào hệ thống ống tiếp nhận của Bên B không vượt qua giới hạn tiếp nhận quy định tại Phụ lục 1.

5.1.2. Không sử dụng các nguồn nước khác (nước ngầm, nước mặt, nước mưa...) ngoài nguồn nước sạch cấp qua đồng hồ. Trường hợp Bên A có sử dụng các nguồn nước khác, Bên A phải tuân thủ các quy định hiện hành và phải báo cho Bên B biết để cùng thỏa thuận trước khi sử dụng. Bên A sẽ phải trả đầy đủ mọi thiệt hại cho Bên B khi sử dụng các nguồn nước này mà không thông báo cho Bên B biết trước. Đồng thời, Bên B sẽ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.

5.1.3. Thanh toán phí xử lý nước thải đúng hạn như quy định tại Điều 3.3.

5.1.4. Bên A cam kết tách riêng triệt để hệ thống thoát nước mưa, nước thải nội bộ của Bên A và có trách nhiệm kiểm tra và kiểm sóat thường xuyên để đảm bảo tách riêng biệt giữa hệ thống thoát nước mưa và nước thải nội bộ. Trong trường hợp phát hiện hệ thống thoát nước thải của bên A có nước mưa chảy vào và ngược lại hệ thống thoát nước mưa có nước thải chảy vào thì bên B sẽ thông báo cho Cảnh sát Môi trường, cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, Bên A phải thực hiện ngay biện pháp khắc phục và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm pháp lý.

5.2. Cam kết của Bên B

5.2.1. Công ty Sonadezi Long Thành

5.2.1.1. Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đầy đủ và đúng hạn.

5.2.1.2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn vận hành ổn định và xử lý nước thải đầu ra đạt yêu cầu theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

5.2.2. Công ty Dịch vụ Sonadezi

5.2.2.1. Tiếp nhận và xử lý nước thải tiếp nhận từ nhà máy của Bên A đạt yêu cầu theo Quy chuẩn quy định tại Phụ lục 1.

5.2.2.2. Định kỳ thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo tính ổn định và hiệu quả của nhà máy xử lý nước thải.

5.2.2.3. Định kỳ kiểm tra tính chất nước thải đầu ra của Bên A.

5.3. Phối hợp xử lý giữa các bên khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

5.3.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành

5.3.1.1. Công ty Dịch vụ Sonadezi có trách nhiệm thông báo kịp thời đến bên A và Công ty Sonadezi Long Thành, đồng thời triển khai biện pháp vận hành để lưu giữ nước thải đầu vào ít nhất 4 giờ và thực hiện sửa chữa.

5.3.1.2. Ngay sau khi nhận được thông báo về sự cố bằng điện thoại hoặc bằng văn bản của bên B, Bên A có trách nhiệm phối hợp để tạm ngưng xả nước thải trong thời gian tối đa là 8h giờ để bên B khắc phục, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải tập trung.

5.3.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải cục bộ của bên A

5.3.2.1. Bên A phải thông báo cho Bên B ngay khi sự cố xảy ra.

5.3.2.2. Bên A cam kết đầu tư xây dựng bể chứa để lưu giữ nước thải trong thời gian khắc phục sự cố hoặc tạm ngưng xả nước thải vào hệ thống thu gom của Khu công nghiệp cho đến khi hệ thống xử lý của Bên A hoạt động trở lại bình thường.

5.3.2.3. Bên A phải tạm ngưng hoạt động sản xuất nếu thời gian cần thiết để khắc phục sự cố quá 8h kể từ khi xảy ra sự cố.

5.3.2.4. Công ty Dịch vụ Sonadezi chịu trách nhiệm phối hợp kiểm tra và xác nhận hoàn tất công tác khắc phục của bên A.

ĐIỀU 6: TẠM NGƯNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN DỰ PHẠT

6.1. Bên B có quyền tạm ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A trong các trường hợp sau:

6.1.1. Trong trường hợp phát hiện nước thải của Bên A không đảm bảo các yêu cầu quy định tại điều 4.

6.1.2. Trong trường hợp phát hiện tính chất nước thải của Bên A gây ảnh hưởng xấu đến hệ thống xử lý nước thải của Bên B hoặc Bên B phát hiện hệ thống thoát nước mưa và nước thải nội bộ của Bên A không đảm bảo tách riêng triệt để.

6.1.2.1. Bên B sẽ lập Biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không khắc phục, Bên B được quyền ngưng tiếp nhận nước thải. Đồng thời, sẽ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6.1.2.2. Trong các trường hợp nghiêm trọng, Bên B sẽ xem xét tạm ngưng cung cấp nước sạch và các dịch vụ hạ tầng.

6.1.3. Khi hệ thống xử lý nước thải nội bộ của Bên A xảy ra xự cố.

6.1.4. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được Giấy báo thanh toán của Công ty Sonadezi Long Thành, Bên A không thực hiện thanh toán theo quy định.

6.1.5. Trong thời gian Bên B tạm ngừng thực hiện dịch vụ xử lý nước thải, Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc xả thải của Bên A.

6.1.6. Bên B chỉ tiếp nhận lại nước thải của Bên A sau khi Bên A khắc phục các vi phạm nêu trên. Nếu việc vi phạm gây hại đến hệ thống xử lý nước thải của Bên B hoặc ảnh hưởng đến môi trường (như tràn nước thải ra môi trường gây nên bởi việc xả quá lưu lượng quy định…), Bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B và các thiệt hại khác có liên quan. Bên B chỉ tiếp nhận lại nước thải sau khi Bên A đã khắc phục và đã bồi thường thiệt hại.

6.2. Kết thúc hợp đồng

Hợp đồng này sẽ kết thúc trong các trường hợp sau:

6.2.1. Hết thời hạn theo quy định tại Điều 2.

6.2.2. Chấm dứt Hợp đồng thuê lại đất số 51/HĐTĐ/SLC/KD-TT ngày 29/12/2006

6.2.3. Bên B có quyền kết thúc Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp:

6.2.4. Công ty Sonadezi Long Thành không nhận được khoản thanh toán sau 02 kỳ giấy báo liên tiếp và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A.

6.2.5. Bên A vi phạm nghiêm trọng các điều kiện và điều khoản cam kết trong Hợp đồng. Bên A sẽ phải trả đầy đủ mọi thiệt hại cho Bên B khi do các vi phạm này gây ra.

6.3. Trong trường hợp Bên A muốn kết thúc Hợp đồng trước thời hạn, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trước tối thiểu 01 (một) tháng.

6.4. Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A phải thanh toán đầy đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và vẫn phải chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại khu công nghiệp.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai bên giải quyết qua con đường thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì hai bên sẽ đồng ý đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế tỉnh Đồng Nai để phân xử và hai bên chịu sự phán quyết theo quyết định của tòa án trên.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do những sự phê duyệt quy chế hay hướng dẫn của Chính phủ, do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn, động đất hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

ĐIỀU 9: NGÔN NGỮ VÀ LUẬT ÁP DỤNG

9.1. Cả tiếng Việt và tiếng Anh sẽ được sử dụng trong soạn thảo và giải thích Hợp đồng này và tiếng Việt được sử dụng như là ngôn ngữ chi phối trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt trong giải thích giữa hai ngôn ngữ. Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam và ràng buộc các bên theo đây.

9.2. Trừ trường hợp có thoả thuận khác bằng văn bản của cả hai bên, các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng này không được chuyển nhượng, sửa đổi, điều chỉnh hoặc ngừng thực hiện bởi bất kỳ bên nào mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia theo đây.

9.3. Việc không thực thi bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này sẽ không được xem là việc khước từ điều khoản đó hoặc việc đó gây ảnh hưởng đến các điều khoản khác của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC VÀ HIỆU CHỈNH

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên cam kết tôn trọng tất cả mọi điều kiện và điều khoản quy định trong Hợp đồng này.

10.3. Hiệu chỉnh và/hoặc bổ sung của Hợp đồng này sẽ được đưa vào phần phụ lục và được ký bởi hai bên.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

11.1. Hợp đồng này thay thế tất cả các thoả thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.

11.2. Các điều khoản khác không quy định trong Hợp Đồng sẽ được thực hiện phù hợp với Luật Việt Nam.

11.3. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt và 06 (sáu) bản tiếng Anh có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản tiếng Việt và 02 (hai) bản tiếng Anh. Các bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**	
Tổng Giám đốc	**Tổng Giám đốc**	**Tổng Giám đốc**
Yang Jung Giu	**Nguyễn Văn Tuấn**	**Lương Minh Hiền**

<u>Phần II</u>: Điều khoản cuối cùng

- Ngoài những nội dung của Phụ lục 01 được điều chỉnh trên đây, tất cả các điều khoản khác của Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước số 55/HĐN/SLC/KD-TT ngày 30 tháng 07 năm 2007 đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực.
- Phụ lục 01 là văn bản pháp lý không tách rời của Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước số 55/HĐN/SLC/KD-TT ngày 30 tháng 07 năm 2007.
- Bản Phụ lục 01 này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt và bốn (04) bản tiếng Anh có giá trị như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Anh. Cả hai bên đã đọc các nội dung của Phụ lục 01 này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa bản Tiếng Việt và bản tiếng Anh về cách hiểu, bản Tiếng Việt sẽ được dùng làm cơ sở cho việc giải thích và giải quyết tranh chấp.

ĐẠI DIỆN BÊN A **Tổng Giám đốc**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **Tổng Giám đốc**
Nguyễn Văn Tuấn	**Yang Jung Giu**

đạt tiêu chuẩn quy định sau khi Bên A xử lý cục bộ đạt giới hạn tiếp nhận điều chỉnh.

4.3. Điều kiện kỹ thuật đấu nối nước thải

4.3.1. Nước thải của Bên A sẽ được Bên B tiếp nhận tại vị trí đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Việc đấu nối phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và đúng vị trí do Bên B chỉ định và sẽ được hai bên xác nhận bằng biên bản đấu nối.

4.3.2. Tại vị trí đấu nối có thể sẽ lắp đặt van khống chế.

4.3.3. Trong trường hợp phải đặt van, Bên A phải có trách nhiệm bảo quản thiết bị vận hành an toàn. Nếu thiết bị hư hỏng hoặc mất do lỗi bảo quản của Bên A thì Bên A phải có trách nhiệm bồi thường.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

5.1. Cam kết của Bên A

5.1.1. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng nước thải xả vào hệ thống ống tiếp nhận của Bên B không vượt qua giới hạn tiếp nhận quy định tại Phụ lục 1.

5.1.2. Không sử dụng các nguồn nước khác (nước ngầm, nước mặt, nước mưa...) ngoài nguồn nước sạch cấp qua đồng hồ. Trường hợp Bên A có sử dụng các nguồn nước khác, Bên A phải tuân thủ các quy định hiện hành và phải báo cho Bên B biết để cùng thỏa thuận trước khi sử dụng. Bên A sẽ phải trả đầy đủ mọi thiệt hại cho Bên B khi sử dụng các nguồn nước này mà không thông báo cho Bên B biết trước. Đồng thời, Bên B sẽ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.

5.1.3. Thanh toán phí xử lý nước thải đúng hạn như quy định tại Điều 3.3.

5.1.4. Bên A cam kết tách riêng triệt để hệ thống thoát nước mưa, nước thải nội bộ của Bên A và có trách nhiệm kiểm tra và kiểm sóat thường xuyên để đảm bảo tách riêng biệt giữa hệ thống thoát nước mưa và nước thải nội bộ. Trong trường hợp phát hiện hệ thống thoát nước thải của bên A có nước mưa chảy vào và ngược lại hệ thống thoát nước mưa có nước thải chảy vào thì bên B sẽ thông báo cho Cảnh sát Môi trường, cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, Bên A phải thực hiện ngay biện pháp khắc phục và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm pháp lý.

5.2. Cam kết của Bên B

5.2.1. Công ty Sonadezi Long Thành

5.2.1.1. Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đầy đủ và đúng hạn.

5.2.1.2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn vận hành ổn định và xử lý nước thải đầu ra đạt yêu cầu theo qùy định của Nhà nước Việt Nam.

5.2.2. Công ty Dịch vụ Sonadezi

5.2.2.1. Tiếp nhận và xử lý nước thải tiếp nhận từ nhà máy của Bên A đạt yêu cầu theo Quy chuẩn quy định tại Phụ lục 1.

5.2.2.2. Định kỳ thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo tính ổn định và hiệu quả của nhà máy xử lý nước thải.

5.2.2.3. Định kỳ kiểm tra tính chất nước thải đầu ra của Bên A.

5.3. Phối hợp xử lý giữa các bên khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

5.3.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành

CTY CỔ PHẦN SONADEZI
LONG THÀNH

Số: 17.05 TB/SLC/KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 17 tháng 05 năm 2007

THÔNG BÁO VỀ VIỆC ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP

Dự án : **CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa điểm : **Khu công nghiệp Long Thành – Long Thành - Đồng Nai**

Kính gửi: Công Ty TNHH Polycom

- *Căn cứ hợp đồng thuê lại đất số 51/HĐTĐ/SLC/KD-TT ngày 29/12/2006.*
- *Căn cứ quy hoạch hệ thống hạ tầng của KCN xung quanh vị trí lô đất số C.II.I-1.*

Để tạo điều kiện cho CÔNG TY TNHH POLYCOM thực hiện công tác lập hồ sơ thiết kế nhà máy trên lô đất thuê, công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành xin thông báo đến quý công ty các thông số kỹ thuật theo quy hoạch chung của Khu công nghiệp và các quy định khi thi công xây dựng công trình trong Khu công nghiệp Long Thành cụ thể như sau:

A. VỊ TRÍ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHI ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP:

1. Thoát nước mưa:

Đấu nối hệ thống thoát nước mưa của công trình vào hệ thống thoát mưa dọc Đường Số 3 của khu công nghiệp tại **01** vị trí được tạm thời chỉ định cách mốc số 3 theo hướng mốc 3→ mốc 2 một đoạn là 2.33m. Vị trí cụ thể sẽ do hai bên thống nhất khi ký biên bản thỏa thuận VỀ VIỆC SỬ DỤNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP.

Hố ga thoát nước mưa **HG 3 - đường số 3** - của KCN có các thông số sau:

+ Cao độ đáy cống: + **27.12 m**

+ Kích thước cống thoát nước mưa: **ống Þ1000mm**

2. Thoát nước thải:

Đấu nối hệ thống thoát nước thải của công trình vào hệ thống thoát nước thải dọc đường số 9 của khu công nghiệp tại **01** vị trí tạm thời được chỉ định cách mốc số 4 theo hướng mốc 4→ mốc 5 một đoạn là 14.55m. Vị trí cụ thể sẽ do hai bên thống nhất khi

ký biên bản thỏa thuận VỀ VIỆC SỬ DỤNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP.

Hố ga thoát nước thải **B5f** có các thông số như sau:

+ Cao độ đáy cống thoát nước của KCN là: + **25.42 m.**

+ Kích thước cống thóat nước thải: **Þ300mm**

3. Kinh phí nối vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp nói trên do bên B chịu.

4. Trước khi thi công đấu nối, bên B phải liên hệ với Sonadezi Long Thành để có thông tin về các đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm trên mặt bằng để lập biện pháp thi công an toàn, mọi hư hỏng thiệt hại nếu có thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

B. NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN VÀ NƯỚC SẠCH CHO CÔNG TRÌNH:

1. Nguồn điện:

- Vị trí đấu nối cấp điện: Nối với đường dây **15/22 KV** dọc theo đường **số 9** của khu công nghiệp.

- Bên B liên hệ trực tiếp với Công ty Điện lực Long Thành xin chỉ tiêu điện và hướng dẫn các thủ tục liên quan đến việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật đấu nối cấp điện và xây dựng.

2. Nguồn nước sạch:

- Vị trí đấu nối cấp nước: Nối vào đường ống cấp nước dọc đường số 9 hoặc số 5, số 3 của khu công nghiệp. Vị trí cụ thể sẽ do hai bên thống nhất khi ký biên bản thỏa thuận VỀ VIỆC SỬ DỤNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP.

- Bên B thông báo cho bên A về nhu cầu sử dụng, thời gian bắt đầu sử dụng và tiến hành ký hợp đồng sử dụng nước với bên A. Chi phí đấu nối vào đường ống chung và đồng hồ nước do Sonadezi Long Thành chịu.

C. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG:

1. Tường rào và nhà bảo vệ:

- Xây dựng đúng theo ranh giới trong bản đồ cắm mốc giao đất (móng nhà và không gian bên trên).

- Đối với các cạnh tường rào công trình hướng ra đường giao thông của Khu công nghiệp yêu cầu phải xây thông thoáng và mỹ quan. *Lưu ý: Phần kín của tường rào ≤ 0.8m (tính từ mặt vỉa hè của lề hoàn thiện của đường giao thông giáp ranh khu đất).*

2. Cây xanh:

- Diện tích cây xanh phải chiếm ít nhất 15% tổng diện tích đất được thuê.

3. Tỉ lệ các hạng mục công trình có mái che:

- Tổng diện tích mái các hạng mục công trình có mái che không được vượt quá 60% tổng diện tích đất được thuê và mép ngoài tường bao che công trình phải cách tường rào ít nhất 7m (trừ nhà bảo vệ và nhà để xe).

4. Công tác san nền và nền hoàn thiện công trình:

- Cao độ hoàn thiện của mặt bằng nhà máy phải được tính toán sao cho phù hợp với cao độ hoàn thiện của đường giao thông giáp ranh khu đất (xem sơ đồ đính kèm). Đất dư trong quá trình thi công san nền không được vận chuyển ra ngoài KCN mà phải được tập kết đến đúng vị trí do bên A chỉ định.

5. Đơn vị nhận thầu thi công cho bên B:

- Nhà thầu phải thực hiện đúng các quy định khi xây dựng công trình trong KCN Long Thành và luật định về xây dựng hiện hành, có giấy phép đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề xây dựng.
- Trong thời gian thi công xây dựng không được làm thay đổi địa thế đất tự nhiên và ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực xây dựng công trình.
- Các lán trại phục vụ thi công nếu nằm ngoài phạm vi tường rào công trình phải được sự chấp thuận của Sonadezi Long Thành trước khi xây cất tạm.

D. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Trước khi xây dựng công trình bên B phải gửi cho Sonadezi Long Thành các hồ sơ sau:

* Các bản vẽ thiết kế:

- Mặt bằng tổng thể công trình.
- Bản vẽ tường rào, nhà bảo vệ (thể hiện vị trí ranh giới lô đất thuê).
- Bản vẽ thiết kế san nền toàn khu.
- Chi tiết kết cấu của mặt đường lối vào cổng nhà máy.
- Hệ thống thoát nước mưa toàn khu, hệ thống thoát nước thải toàn khu (chỉ ra vị trí và cao độ đấu nối ngay thẳng vào hố ga KCN, qui cách đường cống thoát nước mưa, thoát nước thải).
- Mặt bằng cấp điện toàn khu.
- Mặt bằng cấp nước toàn khu.

- Một đĩa mềm lưu file các bản vẽ.

* Các số liệu liên quan đến tính chất và khối lượng nước thải và chất thải của nhà máy trong một đơn vị ngày đêm khi đi vào hoạt động sản xuất.

- Tất cả các công tác xây dựng khác **nằm ngoài** phạm vi tường rào và đất đã giao cho bên B do Sonadezi Long Thành quản lý, trước khi thực hiện phải được sự chấp thuận của Sonadezi Long Thành.

- Khi tiến hành xây dựng, hồ sơ thiết kế công trình phải được thẩm định thiết kế kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, môi trường.... theo đúng quy định của luật pháp Việt Nam.

E. PHỐI HỢP THI CÔNG TẠI VỊ TRÍ MỞ CỔNG CỦA NHÀ MÁY:

Sonadezi Long Thành quy hoạch xây dựng các đường ống kỹ thuật dưới vỉa hè dọc theo đường nội bộ trong KCN, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1: Đường ống thoát nước mưa, đường ống thu gom nước thải, đường ống cấp nước giai đoạn 1.

+ Giai đoạn 2 : Đường ống cấp nước giai đoạn 2, đường cáp thông tin, đường ống khí (dự kiến sẽ thực hiện vào năm 2007).

Sau khi quý Công ty cung cấp các bản vẽ tại mục **D**, Sonadezi Long Thành sẽ thông báo đến quý Công ty một số nội dung sau:

1. Phối hợp về mặt bằng và tiến độ xây dựng trong việc thi công phần đường vào cổng nhà máy với việc thi công các đường ống kỹ thuật giai đoạn 1, để tránh tình trạng đào băng ngang đường cổng đã hoàn thiện khi Sonadezi Long Thành thi công các đường ống này.

2. Khi xây dựng phần đường từ đường của KCN đến cổng của nhà máy, nhà máy phải có biện pháp gia cố bảo vệ các đường ống kỹ thuật ngầm bên dưới, cấu tạo của gờ lề đường cổng đồng bộ với thiết kế chung của KCN nhằm bảo đảm an toàn cho các đường ống kỹ thuật ngầm và mỹ quan chung của KCN (tham khảo bản vẽ thiết kế chung của KCN).

3. Trước khi thi công các đường ống kỹ thuật giai đoạn 2, nếu bắt buộc phải đào ngang cổng nhà máy, Sonadezi Long Thành sẽ thông báo và làm việc cụ thể với quý Công ty để thỏa thuận về tiến độ, biện pháp thi công và việc hoàn trả mặt bằng.

Trên đây là các thông số kỹ thuật của hệ thống hạ tầng phục vụ việc đấu nối cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải ... cũng như các quy định về việc xây dựng trong Khu công nghiệp. Trong trường hợp do công nghệ của nhà máy cần thiết thay đổi vị trí đấu nối như nêu trên, nhất thiết CÔNG TY TNHH POLYCOM và đơn vị tư vấn thiết

kế nhà máy phải thông báo và được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành trước khi lập hồ sơ thiết kế chính thức.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chu Thanh Sơn

Nơi gửi:
- Như trên;
- Lưu KD-TT, KT, HC-NS.

Xin vui lòng liên hệ bộ phận kỹ thuật (Ông: Nguyễn Đình Tứ–tel 061.514495, mobile 0913702227) để giải quyết các vướng mắc trong việc phối hợp đấu nối hệ thống hạ tầng của nhà máy.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤU NỐI HẠ TẦNG
CÔNG TY TNHH POLYCOM

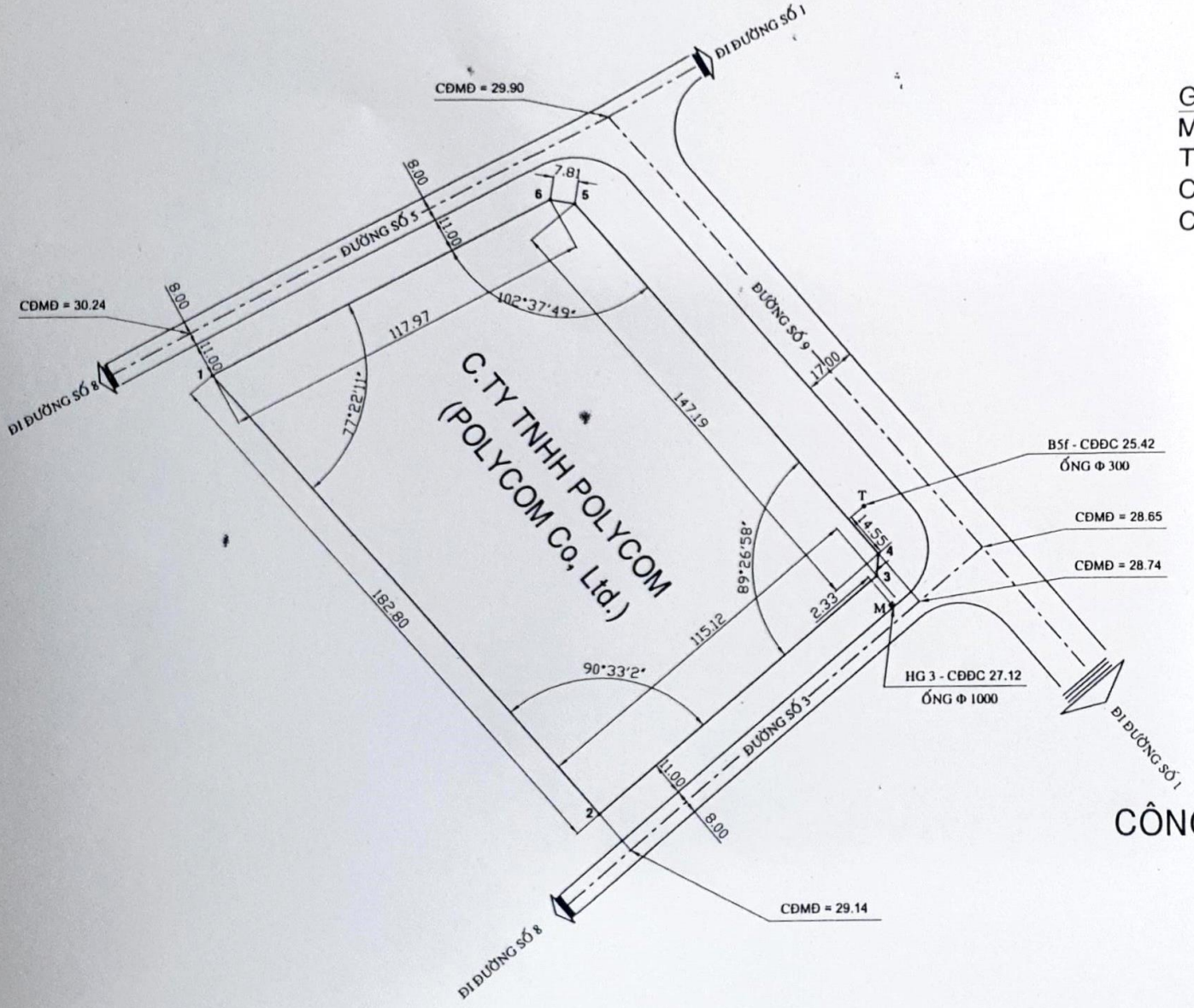

Ghi chú:

M - Hố ga thoát nước mưa

T - Hố ga thoát nước thải

CĐMĐ - Cao độ mặt đường hoàn thiện

CĐĐC - Cao độ đáy cống của KCN

CÔNG TY CP SONADEZI LONG THÀNH

BỘ PHẬN KỸ THUẬT

Nguyễn Đình Tứ

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

Số : 18 - 6 /BTT-SZL-DA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 08 tháng 1. năm 2025.

BIÊN BẢN THỎA THUẬN VỀ VIỆC ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP (ĐIỀU CHỈNH LẦN 2)

Đơn vị đề nghị đấu nối: Công ty TNHH Polycom
Địa chỉ: Đường số 09 - Khu công nghiệp Long Thành - huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai

I. Thành phần:

1. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HẠ TẦNG (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH.

Ông: Lê Xuân Sâm — Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Ông: Vũ Trần Lâm — Chức vụ: Phó Giám đốc Bộ phận Dự án.

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ ĐẤU NỐI (BÊN B): CÔNG TY TNHH POLYCOM.

Ông: Kim Dong Suk — Chức vụ: Giám đốc.

II. Nội dung:

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và Công ty TNHH Polycom (Polycom) đã ký kết Biên bản thỏa thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp số 16-8/BTT-SLC/DA ngày 16/8/2007. Trong quá trình hoạt động sản xuất, để đảm bảo công tác thu gom, đấu nối hệ thống nước thải từ nhà máy Polycom ra vị trí đấu nối KCN được thuận lợi, Polycom đề xuất điều chỉnh vị trí đấu nối nước thải từ vị trí hố ga số B5f trên đường số 9 về vị trí đấu nối mới trên đường số 3 – KCN Long Thành.

Các bên cùng kiểm tra hiện trường, rà soát hồ sơ và thống nhất điều chỉnh nội dung Biên bản thỏa thuận số 16-8/BTT-SLC/DA ngày 16/8/2007 như sau:

1. Điều chỉnh nội dung mục 2 của phần A Biên bản thỏa thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp số 16-8/BTT/SLC/DA ngày 16/08/2007 như sau:

"2. Thoát nước thải:

Đấu nối hệ thống thoát nước thải của công trình vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp tại 01 vị trí trên đường số 3.

Vị trí đấu nối: (Nội dung được điều chỉnh) Đấu nối vào hố ga số **B8b** trên đường số 3, cách mốc **2** theo hướng từ mốc **2** → mốc **3** một đoạn là **3m**. (Xem bản vẽ đính kèm).

+ Cao độ đáy cống: + **26.18m.**
+ Kích thước cống : **ống BTCT Ø300mm.**
+ Kích thước cống thoát nước mưa của bên B là: **ống PVC Ø114mm".**

∗ Lưu ý:

+ Cao độ đáy cống đấu nối từ nhà máy ra phải cao hơn cao độ đáy cống thoát nước của KCN ít nhất 20cm.

2. Các nội dung khác của Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp số 16-8/BTT/SLC/DA ngày 16/08/2007 giữ nguyên hiệu lực. Biên bản này là một phần không thể tách rời của biên bản thỏa thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp số 16-8/BTT/SLC/DA ngày 16/08/2007
3. Đường ống thoát nước thải **Ø168mm** trên đường số 9 không còn được sử dụng phải được tháo dỡ và hoàn trả hoàn thiện lại hạ tầng liên quan.
4. Hai bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.
5. Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Lê Xuân Sâm	**Kim Dong Suk**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 140 /GPMT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 50/SZL-DA ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với Khu công nghiệp Long Thành và kèm theo hồ sơ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành, địa chỉ tại Đường số 5, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Long Thành có địa chỉ tại xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Long Thành.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tam An và xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600649539 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 18/8/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 7 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3600649539.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp.

Ngành nghề được phép thu hút vào Khu công nghiệp như sau: Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao; sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất thiết bị điện; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; sản xuất phụ

tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; công nghiệp chế biến, chế tạo khác; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 486,91 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 11 tháng 5 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần (bao gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 46/GXN-TCMT ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tổng cục Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 204/GP-BTNMT ngày 03 tháng 12 năm 2021

của Bộ Tài nguyên và Môi trường) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Lưu: VT, KSONMT, G9.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-BTNMT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các khu chức năng.

- Nguồn số 02: Nước thải của các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận nước thải là rạch Bà Chèo thuộc địa phận xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Rạch Bà Chèo, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiếu 3°): X: 1195245,04; Y: 407273,79.

- Điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25.000 m^3/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý được thải ra hồ hoàn thiện sau đó xả ra kênh dẫn (tên địa phương còn gọi là rạch Nhum), đổ ra rạch Bà Chèo và sông Đồng Nai theo phương thức tự chảy, xả mặt ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải vào điểm đấu nối: Liên tục 24/24.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, K_q = 0,9 và K_f = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^0C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6-9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		
4	COD	mg/l	60,75		
5	Amonia (tính theo N)	mg/l	4,05		
6	BOD_5 (20^0C)	mg/l	24,3	03 tháng/lần	
7	Tổng N	mg/l	16,2		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
9	Asen	mg/l	0,04		
10	Màu	Pt/Co	50		
11	Thủy ngân	mg/l	0,004		
12	Chì	mg/l	0,081		
13	Cadimi	mg/l	0,04		
14	Crom (VI)	mg/l	0,04		
15	Crom (III)	mg/l	0,162		
16	Đồng	mg/l	1,62		
17	Kẽm	mg/l	2,43		
18	Niken	mg/l	0,162		
19	Mangan	mg/l	0,405		
20	Sắt	mg/l	0,81		
21	Tổng Xianua	mg/l	0,0567		
22	Tổng phenol	mg/l	0,081		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
24	Sunfua	mg/l	0,162		
25	Florua	mg/l	4,05		
26	Clo dư	mg/l	0,81		
27	Clorua	mg/l	405		
28	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	3.000		
29	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,04	01 năm/lần	
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243		
33	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước nước thải:

Nước thải (từ các nguồn số 01 và số 02) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Mô đun 01: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bể sinh học → Bồn trung gian → Bể xử lý hóa lý – khử màu → Bể lắng hóa lý →

Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 02: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bồn trung gian → Bể sinh học → Bể lắng sinh học → Bể xử lý hóa lý – khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 03: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể khuấy trộn → Bể lắng bùn → Bể sinh học → Bể lắng sinh học → Bể xử lý hóa lý – khử màu → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện.

+ Mô đun 04: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 1 → Bể SBR (A/B, C/D) → Bể trung gian → Bể phản ứng 1 → Bể phản ứng 2/3/4 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế (tổng công suất của 04 mô đun): 25.000 m^3/ngày (mô đun 01, 02 và 03 công suất 5.000 m^3/ngày/mô đun; mô đun 04 công suất 10.000 m^3/ngày).

- Hóa chất sử dụng: Polymer, javen, phèn nhôm, khử màu DWB, than (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Sau hồ hoàn thiện, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền dữ liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai để quản lý, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 bể điều hòa chung cho 4 mô đun có thể tích khoảng 7.000 m^3 để hỗ trợ chứa nước khi nước thải đầu vào biến động lưu lượng, nồng độ.

- Đã xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích khoảng 35.225 m^3.

- Đã xây dựng 01 hồ hoàn thiện thể tích khoảng 8.520 m^3 để hỗ trợ khi hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố.

- Quá trình hoạt động, Công ty lấy mẫu phân tích nước thải đầu ra sau mỗi mô đun và trước khi thải ra môi trường nhằm kiểm soát quá trình hoạt động của hệ thống. Trường hợp phát hiện mô đun nào có sự cố sẽ dừng hoạt động ngay và điều tiết nước thải sang các mô đun khác, sau khi khắc phục sẽ cấp nước thải để hệ thống hoạt động xử lý bình thường.

Ngoài ra, nước thải sau xử lý từ hồ hoàn thiện xả thải ra môi trường tiếp tục được giám sát quan trắc tự động, liên tục. Trường hợp phát hiện nước thải không đáp ứng quy định sẽ dừng xả thải ra môi trường và toàn bộ nước thải được đưa quay về bể tiếp nhận sau đó chảy vào bể điều hòa chung, hồ sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý

để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn tiếp nhận	
			Doanh nghiệp dệt nhuộm	Doanh nghiệp khác
1	Nhiệt độ	^0C	40	35
2	pH	-	5 -10	5 -10
3	Độ màu (pH = 7)	Pt/Co	175	100
4	BOD_5	mg /l	100	100
5	COD	mg /l	300	300
6	TSS	mg/l	100	100
7	As	mg/l	0,041	0,041
8	Hg	mg/l	0,004	0,004
9	Pb	mg/l	0,081	0,081
10	Cd	mg/l	0,041	0,041
11	Cr^{6+}	mg/l	0,041	0,041
12	Cr^{3+}	mg/l	0,162	0,162
13	Cu	mg/l	1,62	1,62
14	Zn	mg/l	1,00	1,00
15	Ni	mg/l	0,162	0,162
16	Mn	mg/l	0,405	0,405
17	Fe	mg/l	0,81	0,81
18	CN^- (Xianua)	mg/l	0,057	0,057
19	Phenol	mg/l	0,081	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20	20
21	Cl_2	mg/l	0,81	0,81
22	Tổng PCBs	mg/l	0,00243	0,00243
23	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243	0,243
24	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405	0,0405
25	S^{2-}	mg/l	2	2
26	F^-	mg/l	4,05	4,05
27	Cl^-	mg/l	405	405
28	$N\text{-}NH_3$	mg/l	10	20
29	N tổng	mg/l	30	40
30	P tổng	mg/l	10	10
31	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	-	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,10	0,10
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Đã hoàn thành việc thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo Công văn số 9163/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh Đồng Nai.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140 /GPMT-BTNMT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Nhà đặt máy thổi khí mô đun 01.
- Nguồn số 02: Nhà đặt máy thổi khí mô đun 02.
- Nguồn số 03: Nhà đặt máy thổi khí mô đun 03.
- Nguồn số 04: Hầm đặt bơm mô đun 04.
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng số 01.
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng số 02.
- Nguồn số 07: Máy phát điện dự phòng số 03.
- Nguồn số 08: Máy phát điện dự phòng số 04.
- Nguồn số 09: Máy phát điện dự phòng số 05.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1195452,464; Y = 408026,906.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1195507,695; Y = 408054,397.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1195602,896; Y = 408072,885.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1195624,579; Y = 408009,153.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1195451,066; Y = 408034,289.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1195451,066; Y = 408034,289.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1195506,057; Y = 408068,779.
- Nguồn số 08: Tọa độ X = 1195398,169; Y = 408042,893.
- Nguồn số 09: Tọa độ X = 1197337,025; Y = 409867,071.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy thổi khí được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kì và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-BTNMT ngày .11.. tháng .5.. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	78
2	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	12
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	19 02 06	492
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1.272
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	540
6	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	444
	Tổng cộng		**2.838**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	182.000
Tổng cộng		**182.000**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	29,2
Tổng cộng		**29,2**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích thiết kế: 15 m^2 và 03 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa diện tích thiết kế: 500 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được chứa trong các thùng có nắp đạy và được đặt tại các khu vực phát sinh chất thải và thuận tiện cho việc thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140 /GPMT-BTNMT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 900/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Long Thành" và Quyết định số 427/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án điều chỉnh "Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Long Thành" tại xã Tam An và xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; không còn hạng mục và công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định pháp luật.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Công ty sử dụng 05 máy phát điện dự phòng tương ứng phát sinh 05 dòng khí thải. Các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng dầu là DO), chỉ xả thải khi hoạt động; không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CÔNG TY TNHH – MTV
CÙNG CHUNG SỨC
CungChungSuc Co.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG THU MUA PHẾ LIỆU

SCRAP PURCHASE CONTRACT

Số/ No.: 04/HĐPL/2024

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015.

Pursuant to the 2015 Civil Code.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường 2020

Pursuant to the Law on Environmental Protection 2020

Căn cứ Điều 5 của Nghị định 136/2020/NĐ-CP

Pursuant to Article 5 of Decree 136/2020/ND-CP

Căn cứ nhu cầu, khả năng và thỏa thuận của hai bên.

Based on the needs, capabilities and agreements of both parties.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2024, chúng tôi gồm:

Today, June 1, 2024, we include:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV CÙNG CHUNG SỨC

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Văn Cừ, khu Phước Thuận, T.T Long Thành, H. Long Thành, T. Đồng Nai.

Mã số thuế: 3603268242.

Người đại diện: **PHAN HỮU PHƯỚC**

Chức vụ: **Giám Đốc**

Điện thoại: 0913873485 FAX:

Số tài khoản: 5911201004799 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

PARTY A: TOGETHER EFFORT COMPANY LIMITED

Address: No. 29, Nguyen Van Cu, Phuoc Thuan area, Long Thanh Town, Long Thanh District, Dong Nai Province.

Tax code: 3603268242.

Representative: PHAN HUU PHUOC

Position: Director

Phone: 0913873485 FAX:

Account number: 5911201004799 at Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Long Thanh district branch, Dong Nai province.

BÊN B: CÔNG TY TNHH POLYCOM

Địa chỉ: Lô C.II.I-1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3600857264

Người đại diện: **KIM DONG SUK**

Chức vụ:**Tổng Giám Đốc**

Điện thoại: 02513514383 FAX: 02513514386

PARTY B: POLYCOM COMPANY LIMITED

Address: Lot C.II.I-1, Long Thanh Industrial Park, Tam An commune, Long Thanh district, Dong Nai province.

Tax code: 3600857264

Representative: KIM DONG SUK

Position: General Director

Phone: 02513514383 FAX: 02513514386

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản và điều kiện sau:

Both parties agree to sign a contract with the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ACTICLE 1: CONTENT OF CONTRACT

Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán phế liệu công nghiệp (Chi tiết như báo giá đính kèm)

Party A agrees to buy and Party B agrees to sell industrial scrap (Details as attached quote)

ĐIỀU 2. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 2. PRICE AND METHOD OF PAYMENT

1. **Giá thanh toán/ *Price***

STT *No.*	Tên vật tư *Scrap name*	Đơn vị tính *Unit*	Đơn giá *Price*
1	Phế bao - *Vinyl bags*	Kg	10,500
2	Màng pallet - *Pallet cover*	Kg	10,500
3	Phế giấy - *Paper carton scraps*	Kg	2,000
4	Phế tấm XLPE *testing sheet scraps*	Kg	2,000
5	Phế cục LLDPE *lump scraps*	Kg	5,000
6	Phế hạt dơ dirty XLPE *granule scraps*	Kg	2,000
7	Sắt - *iron*	Kg	7,200

Ghi chú: Trong trường hợp do biến động thị trường và đơn giá có sự thay đổi thì hai bên sẽ ký bảng xác nhận đơn giá mới.

Note: In case due to market fluctuations and the unit price changes, both parties will sign a table confirming the new unit price.

2. **Phương thức thanh toán/** ***Payment***

- Giá trị phế liệu sẽ được thanh toán căn cứ theo Biên bản giao nhận chi tiết giữa hai bên.
  The scrap value will be paid based on the detailed delivery record between the two parties.
- Bên A sẽ thanh toán toàn bộ số tiền như trong biên bản giao nhận bằng hình thức chuyển khoản/ tiền mặt cho bên B
  Party A will pay the entire amount as shown in the delivery record by bank transfer/cash to Party B

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG/ ***DELIVERY METHOD***

- Địa điểm: KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
  Address: Long Thanh IZ, Tam An Commune, Long Thanh Dist, Dong Nai Pro
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp do bên A chịu.
  Shipping and loading costs are borne by Party A.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN/ ***RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF THE PARTIES***

1. **BÊN A/** ***Party A***

- Nhận đúng, đủ khối lượng chủng loại hàng hóa.
  Receive correct and sufficient quantities of goods.
- Thanh toán đúng hạn cho bên B.
  Pay on time to Party B.
- Tự bốc xếp hàng hóa
  Self-loading and unloading of goods
- Tự chịu trách nhiệm đối với hàng hóa sau khi nhận.
  Take sole responsibility for the goods after receipt.
- Cam kết đảm bảo tính pháp lý liên quan đến Môi trường và chịu toàn bộ chi phí phạt (nếu có) trong trường hợp vi phạm liên quan lĩnh vực môi trường mà lỗi phát sinh từ phía Bên A.
  Commit to ensuring legality related to the Environment and bear all penalty costs (if any) in case of environmental violations that arise from Party A.

2. **BÊN B/** ***Party B***

- Bên B chịu trách nhiệm cung cấp hàng đúng danh mục và thời hạn thỏa thuận.
  Party B is responsible for providing goods according to the list and agreed deadline.
- Bên B có trách nhiệm cử người giám sát quá trình thu mua phế liệu.
  Party B is responsible for appointing someone to supervise the scrap purchasing process.
- Bên B sẽ tạo điều kiện thuận lợi để bên A bốc xếp hàng nhanh chóng, dễ dàng.

Party B will create favorable conditions for Party A to load and unload goods quickly and easily.

- Bên B sẽ xuất hóa đơn GTGT kịp thời cho bên A.

  Party B will promptly issue a VAT invoice to Party A.

ĐIỀU 5: THỎA THUẬN BẢO MẬT THÔNG TIN

ARTICLE 5: INFORMATION CONFIDENTIALITY AGREEMENT

Trong suốt thời gian thực hiện cũng như sau khi chấm dứt hoặc hợp đồng hết hiệu lực, một trong hai bên phải tuyệt đối giữ bí mật thông tin của bên còn lại. Và phải hết sức cẩn trọng thực hiện các biện pháp bảo vệ các thông tin mật khỏi bị công khai.

During the implementation period as well as after termination or expiration of the contract, either party must absolutely keep the other party's information confidential. And we must be very careful to take measures to protect confidential information from being made public.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 6. FORCE MAJEURE CLAUSE

- Mọi trường hợp, tình huống vượt quá khả năng chống chế hợp lý của bất kỳ bên nào như: chiến tranh, thiên tai, bãi công, hỏa hoạn, bạo loạn,… xảy ra sau khi hợp đồng có hiệu lực sẽ được coi là bất khả kháng.

  All cases and situations that exceed the reasonable defense ability of any party such as: war, natural disasters, strikes, fires, riots, etc. occurring after the contract takes effect will be considered is force majeure.

- Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng và hậu quả xảy ra có thể liên quan đến việc thực hiện chậm trễ hợp đồng này, và do đó phải gia hạn thực hiện hợp đồng trong khoảng thời gian nhất định nào đó, trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày xuất hiện nguyên nhân gây chậm trễ, hai bên được quyền thông báo bằng văn bản chính thức cho nhau về sự chậm trễ hay hủy bỏ của Hợp đồng mà không chịu bất kỳ khoản bồi thường nào.

  In the event of force majeure and consequences that may be related to the delayed performance of this contract, and therefore the contract performance must be extended for a certain period of time, within 14 months. (fourteen) days from the date the cause of delay appears, both parties have the right to officially notify each other in writing of the delay or cancellation of the Contract without any compensation.

ĐIỀU 7. THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ARTICLE 7. VALIDITY PERIOD OF THE CONTRACT

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2024 đến 30/05/2027.

  This contract is valid from Jun 1st, 2024 to May 30th, 2027.

- Hợp đồng sẽ được chấm dứt và tự thanh lý sau khi hai bên hoàn tất đầy đủ các thủ tục quyết toán hàng hóa và công nợ, phạt vi phạm hợp đồng giữa hai bên.
  The contract will be terminated and self-liquidated after both parties complete all procedures for settlement of goods and debts, and fines for contract violations between the two parties.
- Trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì gửi biên bản thông báo đến bên còn lại trước đó ít nhất 30 ngày.
  In case either party wants to terminate the contract before the deadline, send a written notice to the other party at least 30 days in advance.

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 8. GENERAL PROVISIONS

- Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Bất cứ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được lập thành văn bản và phải được hai bên chấp nhận.
  The parties commit to fully implement the terms stated in the contract. Any changes in the contract must be made in writing and must be accepted by both parties.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì các bên sẽ tiến hành bàn bạc trên tinh thần hợp tác cùng có lợi. Trong trường hợp có tranh chấp thì hai bên thống nhất sẽ phân xử tại Toà án kinh tế Đồng Nai. Mọi phán quyết của tòa án là bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên. Chi phí cho việc phân xử tại Toà án do bên có lỗi chịu trách nhiệm.
  During the implementation process, if there are any problems, the parties will discuss in the spirit of cooperation and mutual benefit. In case of dispute, the two parties agree to arbitrate at the Dong Nai Economic Court. All court decisions are binding on both parties. Costs for arbitration at Court are the responsibility of the at-fault party.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.
  This contract is made into 04 copies in Vietnamese with equal value, Party A keeps 02 copies. Party B keeps 02 copies and takes effect from the date both parties sign.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHAN HỮU PHƯỚC	KIM DONG SUK

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
Địa chỉ: Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
Tel: 0274.246.1222
E-mail: moitruongsenvang@gmail.com
Web: moitruongsenvang.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 23 HĐ/SV – 2025 *Bình Dương, ngày 01 tháng 01 năm 2025*

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v : Xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 5-6.038.VX (Cấp lần hai) của Công ty TNHH Môi Trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021.
- Căn cứ theo yêu cầu thu gom, vận chuyển xử lý CTNH của Công Ty TNHH Polycom (Mã CTNH: 75.001112.T).

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ : Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : 02513514383
Mã số thuế : 3600857264
Người đại diện : **KIM DONG SUK** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG**
Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, Khu dân cư Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại : 0274.246.1222
Mã số thuế : 3701224331
Người đại diện : **NGUYỄN VĂN HÒA** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**
Tài khoản số : 0711010293098 tại NH ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương.
5500201014922 tại NH Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Bình Dương.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: 01 (một) năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

ĐIỀU 2 : SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Nội dung	Trang thái tồn tại	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá xử lý (VND)
Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động				Năm (<1.000 kg)	21.500.000
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04		
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 06		
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06		
4	Cặn dầu nhớt thải	Lỏng	17 06 03		
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01		
6	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 02		
7	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01		

Ghi chú:

- Đơn giá trên đã bao gồm phí thu gom, vận chuyển.
- Đơn giá xử lý chất thải nguy hại trên áp dụng với khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 1.000 kg/năm. Ngoài khối lượng trên nếu phát sinh thêm sẽ được tính 5.000 đồng/kg.
- Ngoài 02 lần thu gom và xử lý theo quy định tại Điều 3, nếu Bên A có yêu cầu Bên B thu gom, xử lý thêm thì Bên A phải chịu thêm chi phí xử lý chất thải là 5.000 đồng/kg và chi phí vận chuyển là 1.000.000 đồng/lần thu gom.
- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Bao bì, thùng phuy chứa chất thải không hoàn trả sau khi thu gom, xử lý.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM THU GOM – SĐT LIÊN HỆ THU GOM, PHẢN ÁNH

- Thời gian thu gom: 02 lần/năm. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) Bên A thông báo trước 03 ngày cho Bên B thực hiện thu gom.
- Địa điểm giao nhận: tại Công Ty TNHH Polycom - Địa chỉ: Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0274 246 1222. Hotline: 0913 521 144.
- Số điện thoại liên hệ phản ánh: 0989 378 972.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- **Đợt 1:** Sau khi thu gom lần một Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B 50% giá trị hợp đồng là 10.750.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).
- **Đợt 2:** Sau khi thu gom lần hai Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Bên B 50% giá trị hợp đồng còn lại là 10.750.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).
- Bên A thanh toán cho Bên B chậm nhất trong vòng 10 (mười) ngày sau khi nhận hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.

- Phần khối lượng vượt (nếu có) hoặc thu gom phát sinh bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A sau khi thu gom thực tế.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Bình	nguyenbinh10187@gmail.com	0974.937.933
Nguyễn Thị Anh Vân	avantroly.senvang@gmail.com	0989.378.972

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1 Trách nhiệm Bên A:

- Phân loại chất thải nguy hại theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 3, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải và được xem như bên B đã thực hiện 01 lần thu gom theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng. Đồng thời Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc không bàn giao chất thải của mình.
- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó. Bên B không nhận xử lý và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại CTNH không có trong Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 5-6.038.VX do Tổng cục Môi trường cấp ngày 03/02/2021.
- Bên B không nhận xử lý và không chịu trách nhiệm khi Bên A giao các loại chất thải không đúng với số xe có trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 5-6.038.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 02 ngày 03/02/2021.
- Khi bàn giao chất thải nguy hại Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 4. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng ABBANK – PGD Thuận An - Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục Điều 4 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong qua trình thu gom

tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.

- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGƯNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng và hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho Bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
  + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
  + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
  + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
  + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt…
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.
- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

ĐIỀU 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 6). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiếp tục ký gia hạn, thì hợp đồng này được xem như bản thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM	CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
KIM DONG SUK General Director	**NGUYỄN VĂN HÒA**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 333 /2025/HĐ.RT	

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Bảo vệ Môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.*

Hôm nay, ngày **02** tháng **01** năm **2025**, đại diện các bên ký hợp đồng chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM

- Địa chỉ : Lô C.II.I-1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : 02513 514 383 - Fax:
- Mã số thuế : 3600857264
- Tài khoản :
- *E-mail nhận hóa đơn điện tử:* nguyenbinh10187@gmail.com
- Đại diện : Ông KIM DONG SUK - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI (tên viết tắt SZE)

- Địa chỉ : Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Tổng đài hỗ trợ: 19003160 - Điện thoại: (0251) 3951771
- Mã số thuế : 3600274914
- Tài khoản : 117000012889 - Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- Đại diện : **Bà Quách Ngọc Bửu** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) được chứa trong thùng rác loại **660 lít** của **bên B** lắp đặt tại địa

điểm **bên A** *(và thu gom trong các thùng chứa rác loại 240 lít do bên A tự trang bị, trường hợp bên A có trang bị thùng và loại 120 lít hai bên thống nhất quy đổi 02 thùng 120 lít = 01 thùng 240 lít).*

2. ***Số lượng thùng chứa rác bên B đã cung cấp cho bên A là***: **01 thùng 660 lít (Một thùng).**
3. ***Cơ sở xác định khối lượng CTRSH 01 thùng/lần giao:*** CTRSH chứa tối đa đến miệng thùng.
4. ***Địa điểm thu gom***: **Tại địa chỉ bên A**
5. ***Tần suất thu gom:***

- **Lịch cố định: Thứ 5 hàng tuần hoặc cách tuần (thời gian thu gom từ 19h30 ngày thứ 4 đến 03h30 ngày thứ 5).**

6. ***Thông tin liên hệ***: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-15h30. Tổng đài hỗ trợ 19003160.

- Phòng Tài chính Kế toán: Phụ trách hóa đơn và công nợ, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3952 257, (0251) 3952 694.
- Phòng Kinh doanh: Phụ trách hợp đồng, khối lượng và lịch thu gom, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784

Điều 2. Quyền và trách nhiệm bên A

1. Quyền

a. Yêu cầu bên B thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đúng theo Điều 01 của hợp đồng.

b. Tạm ngưng hợp đồng và phải thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày.

2. Trách nhiệm

a. Chỉ sử dụng thùng rác bên B cung cấp để chứa CTRSH giao cho bên B. Thực hiện việc phân loại, quản lý chất thải theo đúng quy định trước khi giao CTRSH cho bên B. Bỏ gọn CTRSH vào thùng rác đã nêu tại điều 1. Bố trí nơi đặt thùng rác đảm bảo cho xe bên B ra, vào thu gom - vận chuyển được thuận lợi.

b. Cử người giám sát, ký xác nhận khối lượng thực hiện và lưu giữ biên bản bàn giao chất thải. Trong trường hợp bên A làm mất/thất lạc biên bản giao nhận chất thải thì bên A phải thanh toán theo biên bản giao nhận chất thải do bên B lưu giữ.

c. Đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom chất thải tại khuôn viên của bên A.

d. Chịu trách nhiệm lập biên bản bàn giao chất thải giữa 02 bên để làm cơ sở thanh toán cho bên B.

e. Không được để lẫn chất thải công nghiệp, các loại chất thải nguy hại hoặc chất thải nặng, cứng, cồng kềnh như: Đất, đá, xà bần, tủ bàn ghế, cành nhánh cây to, ... vào CTRSH giao bên B. Nếu phát sinh chất thải trên, bên A phải phân loại riêng với CTRSH và thông báo cho bên B để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.

f. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng rác do bên B cung cấp, không được sử dụng ngoài mục đích chứa CTRSH giao cho bên B. Bên A phải bồi thường cho bên B nếu để thùng rác bị cháy, hỏng, mất. Chi phí bồi thường thùng rác là: **6.300.000 đồng/thùng 660 lít** *(giá đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển nội ô Thành phố Biên Hòa.* Hoàn trả thùng lại cho bên B khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

g. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan chức năng và bồi thường mọi chi phí phát sinh cho bên B và các bên có liên quan trong trường hợp bên A để lẫn các loại chất thải khác vào chất thải giao cho bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các loại chất thải sau: chất thải nguy hại, các loại hóa chất độc hại, các chất dễ gây cháy nổ, chất thải lây nhiễm, … .

h. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao CTRSH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy. Nếu bên A vi phạm điều khoản này, bên B được quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn và bên A sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.

i. Thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện theo điều 4 của hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm bên B

1. Quyền

a. Khi xe bên B đến địa điểm giao nhận chất thải theo lịch điện thoại hoặc lịch cố định mà 2 bên đã thống nhất trước đó, nhưng bên A không giao CTRSH cho bên B, hoặc vì bất kỳ lý do nào do lỗi của bên A mà bên B không được thu gom, thì bên B có quyền không thu gom và bên A phải thanh toán chi phí cho bên B số tiền **375.000 đồng** (chưa bao gồm thuế GTGT).

b. Thu hồi các thùng rác đã lắp đặt cho bên A, nếu bên A sử dụng thùng rác của bên B ngoài mục đích chứa CTRSH giao bên B hoặc hợp đồng hết hiệu lực.

c. Tạm ngưng thu gom chất thải trong các trường hợp sau: Bên A chưa thanh toán giá trị dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4; Bên A vi phạm khoản 3 điều 5 của hợp đồng; tạm ngưng thu gom theo yêu cầu của các cơ quan chức năng; Các trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 6.

2. Trách nhiệm

a. Đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải ở vị trí cố định tại điều 1 của hợp đồng, tránh để rơi vãi trong quá trình chuyển chất thải từ các thùng lên phương tiện vận chuyển.

b. Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải theo lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo lịch bên A đã báo cho bên B trước tối thiểu 1 ngày.

c. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện dịch vụ.

d. Ký xác nhận số lượng thực hiện vào sổ của bên A để làm cơ sở thanh toán trong tháng (nếu bên A có nhu cầu).

Điều 4. Đơn giá và phương thức thanh toán

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:

- **Thùng 240L: 220.000 đồng/thùng** *(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ngàn đồng)*
- **Thùng 660L: 375.000 đồng/thùng** *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. **Khối lượng tiếp nhận tối thiểu/tháng là: 02 thùng 660 lít/tháng.**
3. **Trong thời gian 01 tháng** *(từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng liền kề):* Nếu bên A **không phát sinh khối lượng hoặc phát sinh khối lượng nhưng ít hơn khối lượng tiếp nhận tối thiểu,** bên A vẫn phải thanh toán cho bên B theo khối lượng tối thiểu tương ứng với số tiền là**: 750.000 đồng.**
4. Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trong trường hợp thay đổi giá, bên B sẽ thông báo cho bên A biết trước **15 ngày** và hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Trường hợp 02 bên không thỏa thuận được thì sẽ thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
5. Hàng tháng, bên B sẽ tổng hợp biên bản giao nhận chất thải (nếu có) trong tháng giữa hai bên để làm cơ sở xuất hóa đơn thanh toán giá trị dịch vụ. Thời gian chốt khối lượng là ngày 20 hàng tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng này).
6. Phương thức thanh toán: *Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.*
   Bên A phải thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện trong tháng, trước **ngày 16 của tháng liền kề** (phí chuyển khoản do bên A chi trả).
7. Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên A phải nộp phạt cho bên B theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (**tính từ ngày 16 của tháng liền kề đến** ngày bên A thanh toán chi phí dịch vụ cho bên B) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
8. Nếu sau thời gian **60 ngày** kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Bên A phải thanh toán cho bên B các chi phí mà bên B đã thực hiện trước đó.

Điều 5. Các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp bên A thay đổi thành phần chất thải, tuần suất thu gom, thời gian thu gom, khối lượng, ... mà hai bên đã thống nhất trước đó thì bên A phải thông báo cho bên B biết trước 03 ngày để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.
2. Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất, bên B phải thông báo cho bên A biết để hai bên thỏa thuận biện pháp giải quyết.
3. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày thu gom chất thải gần nhất, nếu bên A không giao chất thải cho bên B mà không có lý do

chính đáng bằng văn bản, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Đồng thời bên A phải hoàn trả nguyên vẹn thùng rác và thanh toán đầy đủ chi phí mà bên B đã thực hiện cho bên A.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên A có ca bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Nhà nước, bên A phải chủ động thông báo cho bên B để tiến hành các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định hiện hành. Trường hợp bên A không cung cấp thông tin đầy đủ cho bên B dẫn đến việc lây nhiễm trong cộng đồng thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
5. Đối với các cơ sở của bên A có quyết định cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng; sau thời gian cách ly, phong tỏa, bên A có nhu cầu thu gom chất thải trở lại tại cơ sở trên phải cung cấp cho bên B văn bản xác nhận hết thời gian cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng. Đồng thời, bên A phải gửi văn bản cam kết không bỏ lẫn chất thải lây nhiễm vào khối lượng chất thải giao cho bên B. Sau khi nhận được văn bản bên A cung cấp, bên B sẽ tiến hành thu gom trở lại.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

1. Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác, sự thay đổi các chính sách của Nhà nước, …
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
3. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

1. Thời gian hiệu lực hợp đồng: **Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.**
2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
3. Trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực mà bên A vẫn tiếp tục sử dụng sdịch vụ của bên B, thì bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị dịch vụ mà bên B đã thực hiện trong thời gian chờ tái ký hợp đồng.
4. Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.

5. Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và **bên B đã thu hồi thùng rác đã lắp đặt cho bên A trước đó**, thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.
2. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.
3. Hai bên cam kết bảo mật thông tin các điều khoản của hợp đồng này. Trường hợp có nhu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của bên kia.
4. Bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
KIM DONG SUK General Director	**Quách Ngọc Bửu**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 17 tháng *(month)* 07 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1C24TLT**

Số *(No.)*: 2392

Mã của CQT: 00B35D7CF4F63748219F8173D0620F1EBA

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 6 4 9 5 3 9**

Địa chỉ *(Address)*: Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No)*: 5990 201006 193 tại *(at)* Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Đồng Nai

Điện thoại *(Tel)*: 0251.3514494 -96 Fax: 0251. 3514499

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 8 5 7 2 6 4**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí sử dụng nước từ ngày 10/06/2024 đến 10/07/2024	M3	1.575	11.500	18.112.500

Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	18.112.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% — Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	905.625
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	19.018.125

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười chín triệu không trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
Ký ngày: 17/07/2024

Mã tra cứu: **W7TYYX** Website tra cứu: http://www.hoadon.szl.com.vn
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice,ThaiSon Co.,ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 15 tháng *(month)* 08 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1C24TLT**

Số *(No.)*: 2689

Mã của CQT: 00D1DC85C8CE92400593D3CB51ACCB47F2

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 6 4 9 5 3 9**

Địa chỉ *(Address)*: Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No)*: 5990 201006 193 tại *(at)* Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Đồng Nai

Điện thoại *(Tel)*: 0251.3514494 -96 Fax: 0251. 3514499

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 8 5 7 2 6 4**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí sử dụng nước từ ngày 10/07/2024 đến 09/08/2024	M3	1.423	11.500	16.364.500

Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	16.364.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% — Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	818.225
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	17.182.725

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
Ký ngày: 15/08/2024

Mã tra cứu: **C7KCC4** Website tra cứu: http://www.hoadon.szl.com.vn
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice,ThaiSon Co.,ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 17 tháng *(month)* 09 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1C24TLT**

Số *(No.)*: 2990

Mã của CQT: 0019D581B7645440B3BF997E80705E9FB2

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 6 4 9 5 3 9**

Địa chỉ *(Address)*: Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No)*: 5990 201006 193 tại *(at)* Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Đồng Nai

Điện thoại *(Tel)*: 0251.3514494 -96 Fax: 0251. 3514499

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 8 5 7 2 6 4**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí sử dụng nước từ ngày 09/08/2024 đến 10/09/2024	M3	1.347	11.500	15.490.500

Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	15.490.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5% — Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	774.525
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	16.265.025

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm hai mươi lăm đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
Ký ngày: 17/09/2024

Mã tra cứu: **N6JBPV** Website tra cứu: http://www.hoadon.szl.com.vn
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice,ThaiSon Co.,ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 17 tháng *(month)* 07 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1C24TLT**

Số *(No.)*: 2533

Mã của CQT: 0048D6AC6F7EF8485484E4E74C4C3BC32A

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 6 4 9 5 3 9**

Địa chỉ *(Address)*: Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No)*: 5990 201006 193 tại *(at)* Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Đồng Nai

Điện thoại *(Tel)*: 0251.3514494 -96 Fax: 0251. 3514499

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 8 5 7 2 6 4**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí xử lý nước thải từ ngày 10/06/2024 đến 10/07/2024	M3	1.260	7.705,6	9.709.056

Cộng tiền hàng *(Sub total)*: 9.709.056

Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: 776.724

Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: 10.485.780

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Mười triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
Ký ngày: 17/07/2024

Mã tra cứu: **S8XEZ6** Website tra cứu: http://www.hoadon.szl.com.vn
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice,ThaiSon Co.,ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 15 tháng *(month)* 08 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1C24TLT**

Số *(No.)*: 2831

Mã của CQT: 00C61C27FD74734D3E9A2545D47643E120

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 6 4 9 5 3 9**

Địa chỉ *(Address)*: Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No)*: 5990 201006 193 tại *(at)* Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Đồng Nai

Điện thoại *(Tel)*: 0251.3514494 -96 Fax: 0251. 3514499

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 8 5 7 2 6 4**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí xử lý nước thải từ ngày 10/07/2024 đến 09/08/2024	M3	1.138	7.705,6	8.768.973

Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	8.768.973
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% — Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	701.518
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	9.470.491

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
Ký ngày: 15/08/2024

Mã tra cứu: **G8S6XU** Website tra cứu: http://www.hoadon.szl.com.vn
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice,ThaiSon Co.,ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)* 17 tháng *(month)* 09 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1C24TLT**

Số *(No.)*: 3134

Mã của CQT: 00BD6147D7EF874C7CA106D5EE7027CD6D

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 6 4 9 5 3 9**

Địa chỉ *(Address)*: Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No)*: 5990 201006 193 tại *(at)* Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Đồng Nai

Điện thoại *(Tel)*: 0251.3514494 -96 Fax: 0251. 3514499

Họ tên người mua hàng *(Customer's name)*:

Tên đơn vị *(Company)*: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POLYCOM**

Mã số thuế *(Tax code)*: **3 6 0 0 8 5 7 2 6 4**

Địa chỉ *(Address)*: **Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phí xử lý nước thải từ ngày 09/08/2024 đến 10/09/2024	M3	1.078	7.705,6	8.306.637

Cộng tiền hàng *(Sub total)*:	8.306.637
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	664.531
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	8.971.168

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: Tám triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi tám đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
Ký ngày: 17/09/2024

Mã tra cứu: **ILDYNZ** Website tra cứu: http://www.hoadon.szl.com.vn
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice,ThaiSon Co.,ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
230.449.212 đồng

Hạn thanh toán
18/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 7/2024 (10 ngày từ 01/07/2024 đến 10/07/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.682,4	2.615	67.400
Khung giờ cao điểm	1.000	899,1	876,4	22.700
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.184	1.155,7	28.300
				Tổng: 118.400

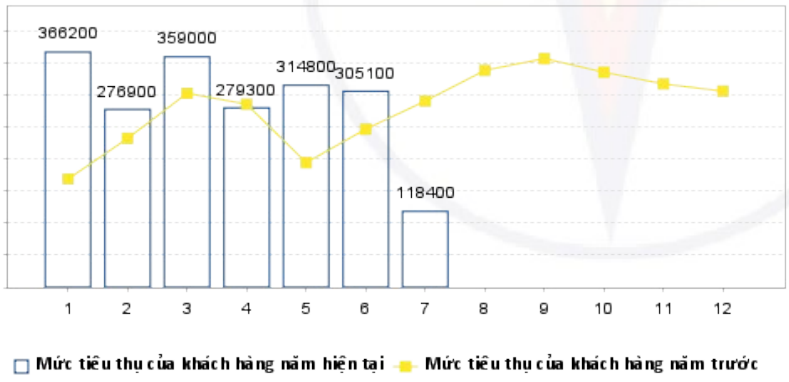

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	67.400	112.490.600
Khung giờ cao điểm	3.093	22.700	70.211.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	28.300	30.677.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**118.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**213.378.900**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**17.070.312**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**230.449.212**

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm mười hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/07/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
116.333.820 đồng

Hạn thanh toán
18/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 7/2024 (10 ngày từ 01/07/2024 đến 10/07/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.034,7	2.001,4	33.300
Khung giờ cao điểm	1.000	685,4	673,8	11.600
Khung giờ thấp điểm	1.000	901,8	886,8	15.000
				Tổng: 59.900

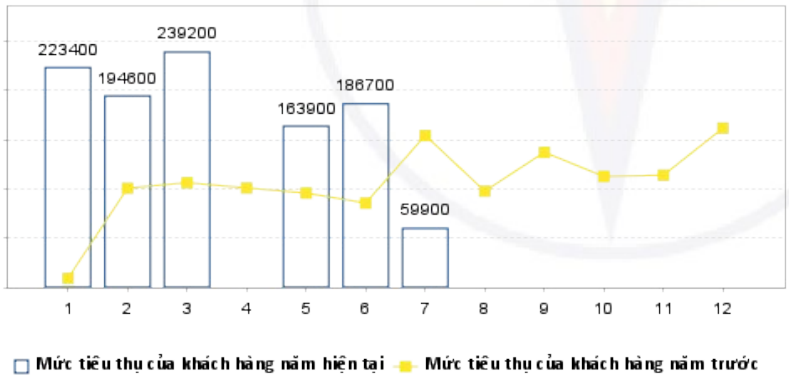

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	33.300	55.577.700
Khung giờ cao điểm	3.093	11.600	35.878.800
Khung giờ thấp điểm	1.084	15.000	16.260.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**59.900**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**107.716.500**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**8.617.320**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**116.333.820**

Bằng chữ: Một trăm mười sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/07/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
195.084.072 đồng

Hạn thanh toán
28/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 7/2024 (10 ngày từ 11/07/2024 đến 20/07/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.735,9	2.682,4	53.500
Khung giờ cao điểm	1.000	919,8	899,1	20.700
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.209,2	1.184	25.200
				Tổng: 99.400

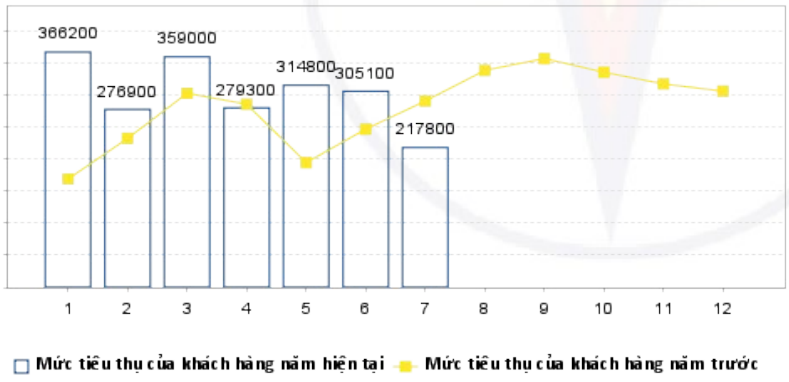

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	53.500	89.291.500
Khung giờ cao điểm	3.093	20.700	64.025.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	25.200	27.316.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**99.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**180.633.400**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**14.450.672**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**195.084.072**

Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 21/07/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
71.071.992 đồng

Hạn thanh toán
28/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 7/2024 (10 ngày từ 11/07/2024 đến 20/07/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.054,7	2.034,7	20.000
Khung giờ cao điểm	1.000	692,8	685,4	7.400
Khung giờ thấp điểm	1.000	910,6	901,8	8.800
				Tổng: 36.200

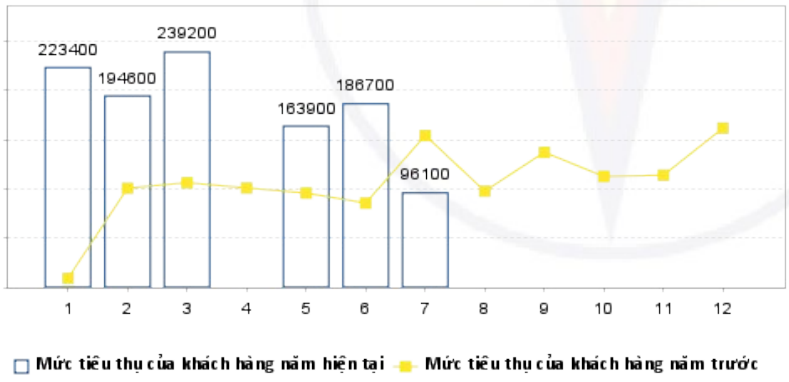

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	20.000	33.380.000
Khung giờ cao điểm	3.093	7.400	22.888.200
Khung giờ thấp điểm	1.084	8.800	9.539.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**36.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**65.807.400**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**5.264.592**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**71.071.992**

Bằng chữ: Bảy mươi mốt triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 21/07/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
194.605.092 đồng

Hạn thanh toán
08/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 7/2024 (11 ngày từ 21/07/2024 đến 31/07/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.788,8	2.735,9	52.900
Khung giờ cao điểm	1.000	940,4	919,8	20.600
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.235,2	1.209,2	26.000
				Tổng: 99.500

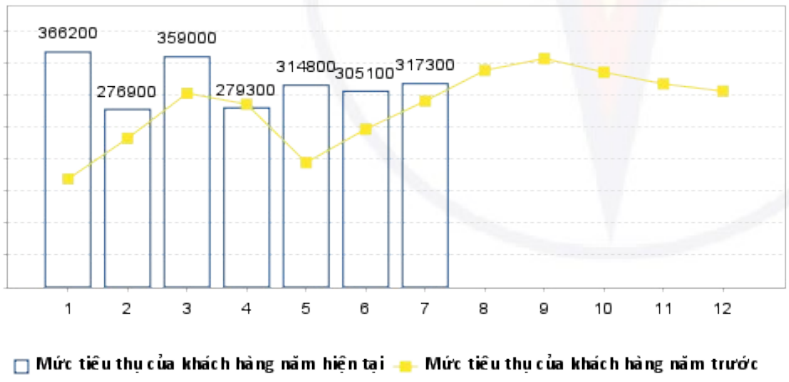

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	52.900	88.290.100
Khung giờ cao điểm	3.093	20.600	63.715.800
Khung giờ thấp điểm	1.084	26.000	28.184.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**99.500**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**180.189.900**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**14.415.192**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**194.605.092**

Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm linh năm nghìn không trăm chín mươi hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 01/08/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
90.821.736 đồng

Hạn thanh toán
08/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 7/2024 (11 ngày từ 21/07/2024 đến 31/07/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.079,4	2.054,7	24.700
Khung giờ cao điểm	1.000	702,7	692,8	9.900
Khung giờ thấp điểm	1.000	921,9	910,6	11.300
				Tổng: 45.900

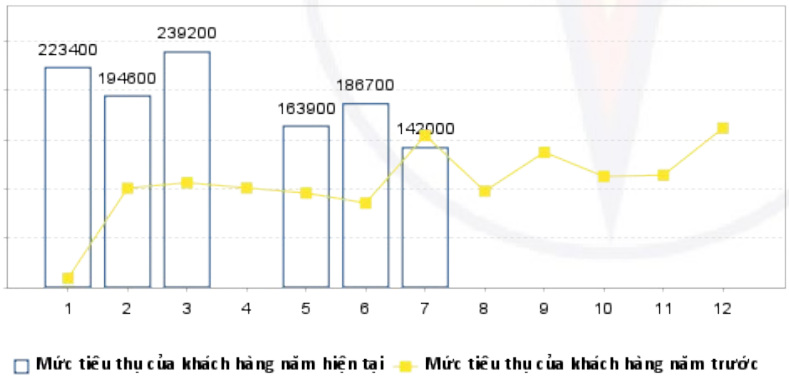

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	24.700	41.224.300
Khung giờ cao điểm	3.093	9.900	30.620.700
Khung giờ thấp điểm	1.084	11.300	12.249.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**45.900**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**84.094.200**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**6.727.536**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**90.821.736**

Bằng chữ: Chín mươi triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 01/08/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
200.946.312 đồng

Hạn thanh toán
18/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 8/2024 (10 ngày từ 01/08/2024 đến 10/08/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.844,1	2.788,8	55.300
Khung giờ cao điểm	1.000	962,9	940,4	22.500
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.257,5	1.235,2	22.300
				Tổng: 100.100

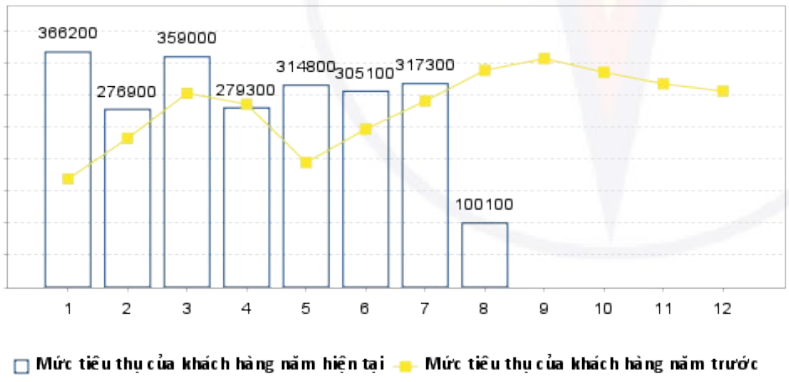

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	55.300	92.295.700
Khung giờ cao điểm	3.093	22.500	69.592.500
Khung giờ thấp điểm	1.084	22.300	24.173.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**100.100**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**186.061.400**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**14.884.912**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**200.946.312**

Bằng chữ: Hai trăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/08/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
90.344.160 đồng

Hạn thanh toán
18/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 8/2024 (10 ngày từ 01/08/2024 đến 10/08/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.103,9	2.079,4	24.500
Khung giờ cao điểm	1.000	712,6	702,7	9.900
Khung giờ thấp điểm	1.000	933,1	921,9	11.200
				Tổng: 45.600

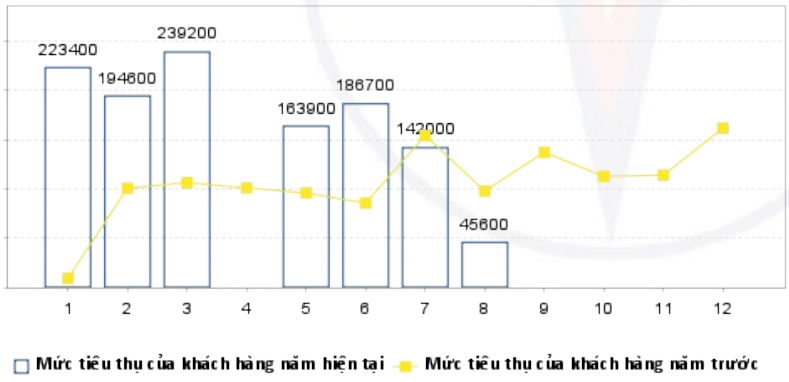

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	24.500	40.890.500
Khung giờ cao điểm	3.093	9.900	30.620.700
Khung giờ thấp điểm	1.084	11.200	12.140.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**45.600**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**83.652.000**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**6.692.160**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**90.344.160**

Bằng chữ: Chín mươi triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/08/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
169.550.496 đồng

Hạn thanh toán
28/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 8/2024 (10 ngày từ 11/08/2024 đến 20/08/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.890,1	2.844,1	46.000
Khung giờ cao điểm	1.000	981,3	962,9	18.400
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.279	1.257,5	21.500
				Tổng: 85.900

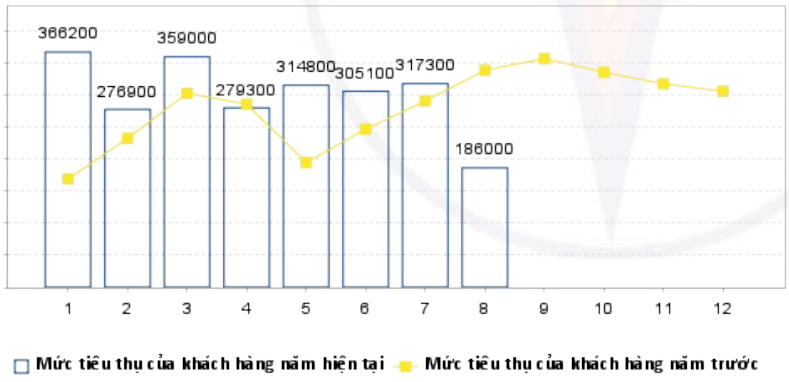

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	46.000	76.774.000
Khung giờ cao điểm	3.093	18.400	56.911.200
Khung giờ thấp điểm	1.084	21.500	23.306.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**85.900**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**156.991.200**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**12.559.296**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**169.550.496**

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 21/08/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
32.082.804 đồng

Hạn thanh toán
28/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 8/2024 (10 ngày từ 11/08/2024 đến 20/08/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.112,8	2.103,9	8.900
Khung giờ cao điểm	1.000	716	712,6	3.400
Khung giờ thấp điểm	1.000	937,1	933,1	4.000
				Tổng: 16.300

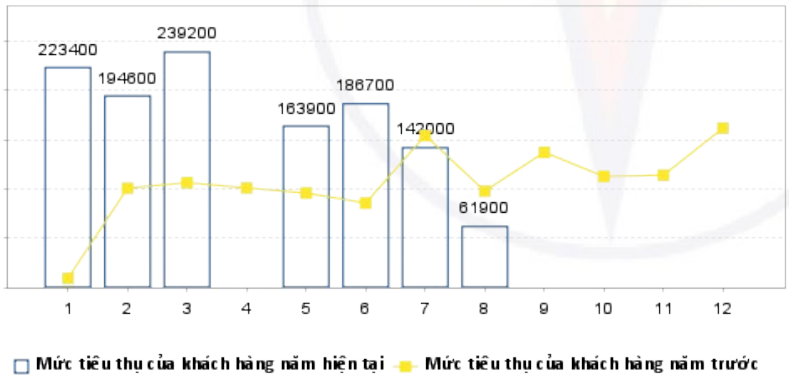

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	8.900	14.854.100
Khung giờ cao điểm	3.093	3.400	10.516.200
Khung giờ thấp điểm	1.084	4.000	4.336.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**16.300**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**29.706.300**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**2.376.504**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**32.082.804**

Bằng chữ: Ba mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn tám trăm linh bốn đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 21/08/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
226.544.364 đồng

Hạn thanh toán
09/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 8/2024 (11 ngày từ 21/08/2024 đến 31/08/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.951,7	2.890,1	61.600
Khung giờ cao điểm	1.000	1.005,4	981,3	24.100
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.308,9	1.279	29.900
				Tổng: 115.600

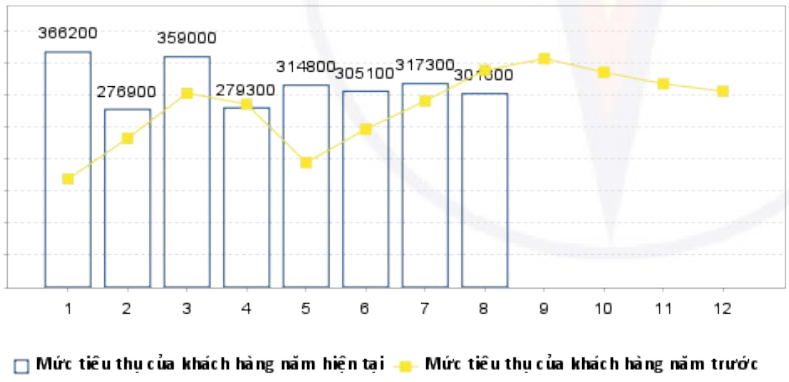

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	61.600	102.810.400
Khung giờ cao điểm	3.093	24.100	74.541.300
Khung giờ thấp điểm	1.084	29.900	32.411.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**115.600**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**209.763.300**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**16.781.064**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**226.544.364**

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 02/09/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
41.100.264 đồng

Hạn thanh toán
09/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 8/2024 (11 ngày từ 21/08/2024 đến 31/08/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.124,2	2.112,8	11.400
Khung giờ cao điểm	1.000	720,4	716	4.400
Khung giờ thấp điểm	1.000	942,1	937,1	5.000
				Tổng: 20.800

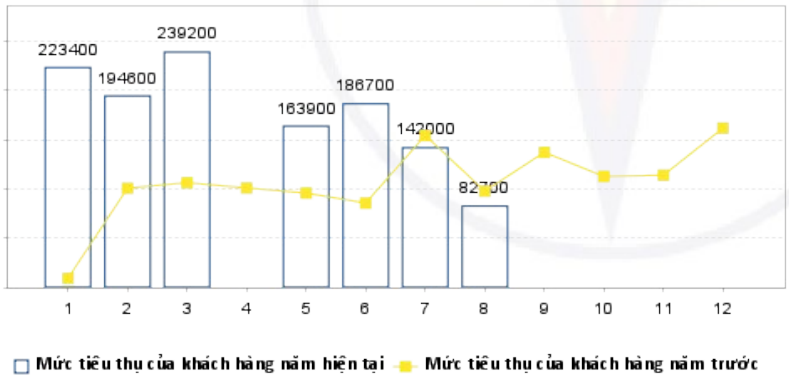

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	11.400	19.026.600
Khung giờ cao điểm	3.093	4.400	13.609.200
Khung giờ thấp điểm	1.084	5.000	5.420.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**20.800**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**38.055.800**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**3.044.464**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**41.100.264**

Bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu một trăm nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 02/09/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
144.063.360 đồng

Hạn thanh toán
18/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 9/2024 (10 ngày từ 01/09/2024 đến 10/09/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	2.993,3	2.951,7	41.600
Khung giờ cao điểm	1.000	1.019	1.005,4	13.600
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.329,1	1.308,9	20.200
				Tổng: 75.400

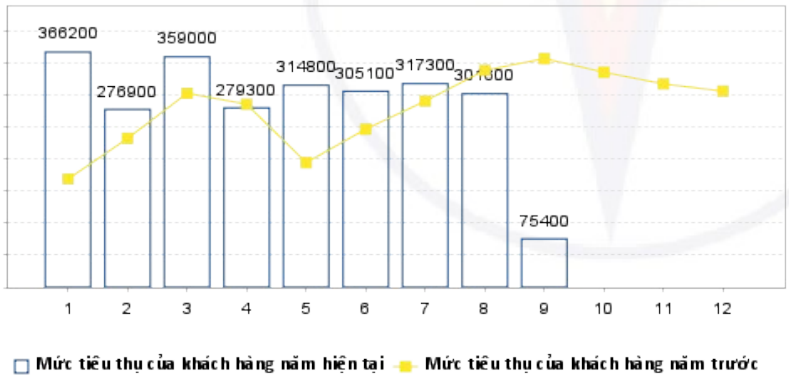

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	41.600	69.430.400
Khung giờ cao điểm	3.093	13.600	42.064.800
Khung giờ thấp điểm	1.084	20.200	21.896.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**75.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**133.392.000**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**10.671.360**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**144.063.360**

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/09/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
29.213.028 đồng

Hạn thanh toán
18/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 9/2024 (10 ngày từ 01/09/2024 đến 10/09/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.133	2.124,2	8.800
Khung giờ cao điểm	1.000	723,1	720,4	2.700
Khung giờ thấp điểm	1.000	945,8	942,1	3.700
				Tổng: 15.200

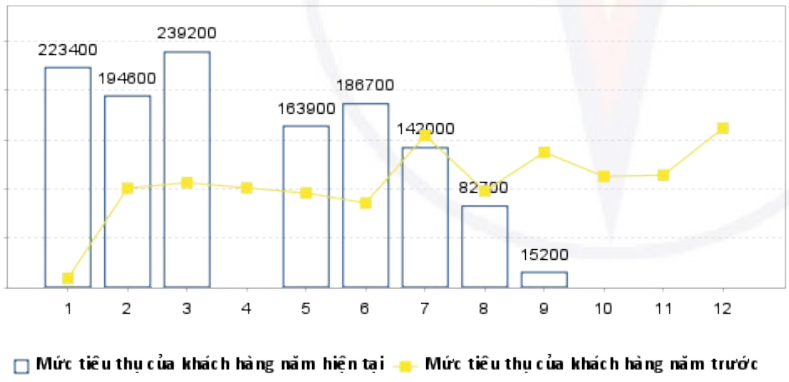

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	8.800	14.687.200
Khung giờ cao điểm	3.093	2.700	8.351.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	3.700	4.010.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**15.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**27.049.100**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**2.163.928**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**29.213.028**

Bằng chữ: Hai mươi chín triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm hai mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/09/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
229.747.536 đồng

Hạn thanh toán
28/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 9/2024 (10 ngày từ 11/09/2024 đến 20/09/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	3.060,8	2.993,3	67.500
Khung giờ cao điểm	1.000	1.040,7	1.019	21.700
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.359,5	1.329,1	30.400
				Tổng: 119.600

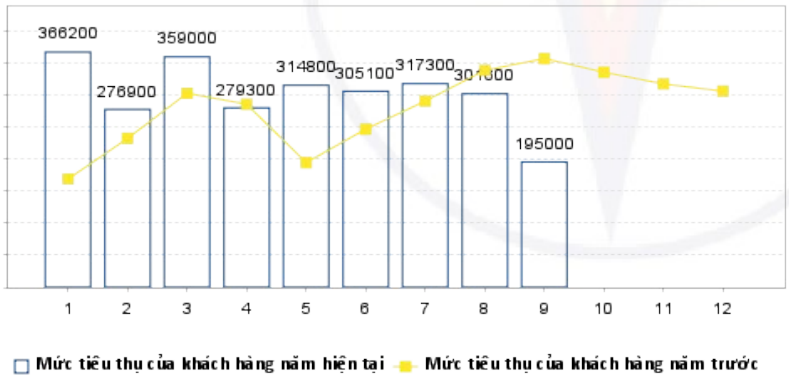

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	67.500	112.657.500
Khung giờ cao điểm	3.093	21.700	67.118.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	30.400	32.953.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**119.600**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**212.729.200**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**17.018.336**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**229.747.536**

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 21/09/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
32.767.092 đồng

Hạn thanh toán
28/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 9/2024 (10 ngày từ 11/09/2024 đến 20/09/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.142,4	2.133	9.400
Khung giờ cao điểm	1.000	726,4	723,1	3.300
Khung giờ thấp điểm	1.000	949,9	945,8	4.100
				Tổng: 16.800

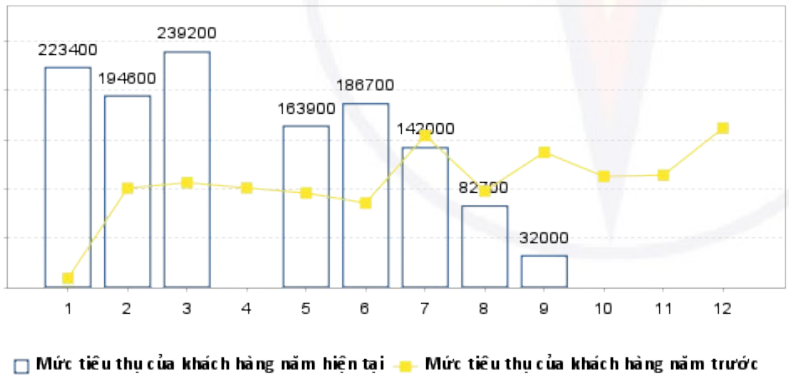

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	9.400	15.688.600
Khung giờ cao điểm	3.093	3.300	10.206.900
Khung giờ thấp điểm	1.084	4.100	4.444.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**16.800**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**30.339.900**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**2.427.192**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**32.767.092**

Bằng chữ: Ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm chín mươi hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 21/09/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0937531389**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã Tam An**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000157645

Số tiền thanh toán
163.439.424 đồng

Hạn thanh toán
08/10/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 9/2024 (10 ngày từ 21/09/2024 đến 30/09/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051312767				
Khung giờ bình thường	1.000	3.108,7	3.060,8	47.900
Khung giờ cao điểm	1.000	1.056	1.040,7	15.300
Khung giờ thấp điểm	1.000	1.381,7	1.359,5	22.200
				Tổng: 85.400

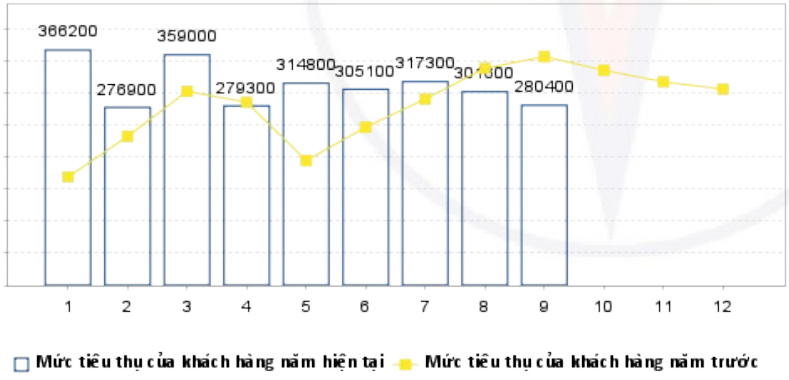

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	47.900	79.945.100
Khung giờ cao điểm	3.093	15.300	47.322.900
Khung giờ thấp điểm	1.084	22.200	24.064.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**85.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**151.332.800**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**12.106.624**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**163.439.424**

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 01/10/2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Điện Lực Long Thành

Số 9, Lê Duẩn, tổ 8, khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
MST: 3600432744-009
Số tài khoản: 0081002165007 - Ngân hàng TMCP An Bình

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng	**CÔNG TY TNHH POLYCOM**
Địa chỉ	**Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
Điện thoại	**0974937933**
Email	**mrluyen@gmail.com**
Mã số thuế	**3600857264**
Địa chỉ sử dụng điện	**KCNLT**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Mã khách hàng
PK07000076790

Số tiền thanh toán
77.243.760 đồng

Hạn thanh toán
08/10/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 9/2024 (10 ngày từ 21/09/2024 đến 30/09/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
000051102969				
Khung giờ bình thường	1.000	2.165,1	2.142,4	22.700
Khung giờ cao điểm	1.000	733,7	726,4	7.300
Khung giờ thấp điểm	1.000	960,1	949,9	10.200
				Tổng: 40.200

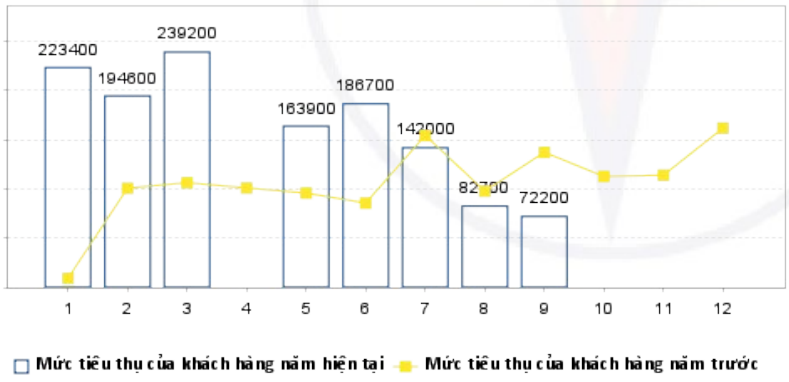

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	22.700	37.886.300
Khung giờ cao điểm	3.093	7.300	22.578.900
Khung giờ thấp điểm	1.084	10.200	11.056.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**40.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**71.522.000**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**5.721.760**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**77.243.760**

Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 01/10/2024

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

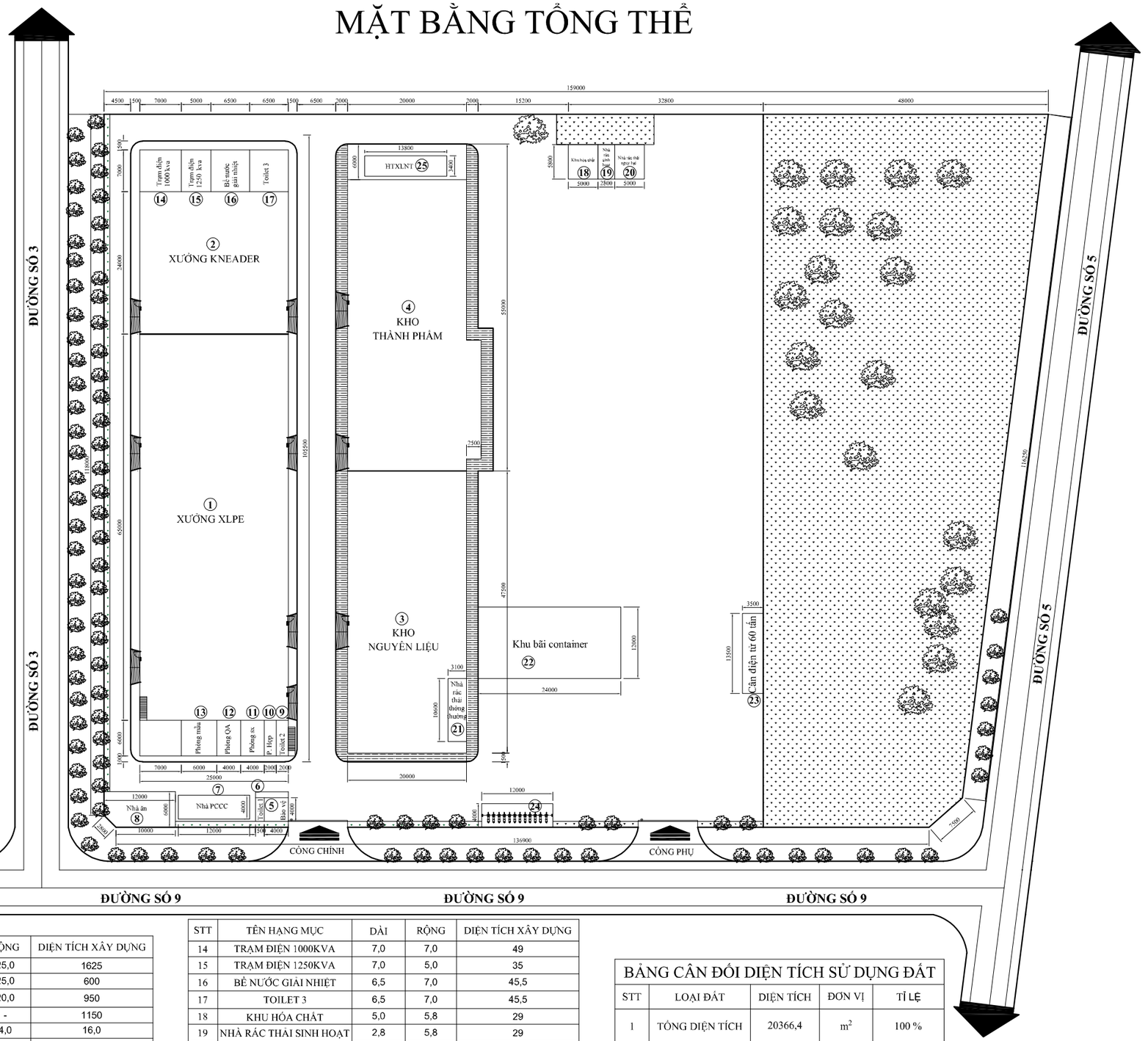

STT	TÊN HẠNG MỤC	DÀI	RỘNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG
1	XƯỞNG XLPE	65,0	25,0	1625
2	XƯỞNG KNEADER	24,0	25,0	600
3	KHO NGUYÊN LIỆU	47,5	20,0	950
4	KHO THÀNH PHẨM	-	-	1150
5	PHÒNG BẢO VỆ	4,0	4,0	16,0
6	TOILET 1	4,0	1,5	6
7	NHÀ PCCC	12,0	4,0	48
8	NHÀ ĂN	-	-	70
9	TOILET 2	6,0	2,0	12
10	PHÒNG HỌP	6,0	2,0	12
11	PHÒNG SẢN XUẤT	6,0	4,0	24
12	PHÒNG QA	6,0	4,0	24
13	PHÒNG MẪU	6,0	6,0	36

STT	TÊN HẠNG MỤC	DÀI	RỘNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG
14	TRẠM ĐIỆN 1000KVA	7,0	7,0	49
15	TRẠM ĐIỆN 1250KVA	7,0	5,0	35
16	BỂ NƯỚC GIẢI NHIỆT	6,5	7,0	45,5
17	TOILET 3	6,5	7,0	45,5
18	KHU HÓA CHẤT	5,0	5,8	29
19	NHÀ RÁC THẢI SINH HOẠT	2,8	5,8	29
20	NHÀ RÁC THẢI NGUY HẠI	5,0	5,8	16,24
21	NHÀ RÁC THẢI THÔNG THƯỜNG	10,6	3,1	32,86
22	KHU BÃI CONTAINER	24	12	288
23	CÂN ĐIỆN TỬ 60 TẤN	13,5	3,5	47,25
24	BÃI ĐỖ XE	12,0	4,0	48
25	HTXLNT	13,8	4,0	55,2

BẢNG CÂN ĐỐI DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH	ĐƠN VỊ	TỈ LỆ
1	TỔNG DIỆN TÍCH	20366,4	m^2	100 %
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	5293,55	m^2	25,99%
3	DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ	10853,5	m^2	53,29 %
4	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH	4219,4	m^2	20,72 %

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

ĐỊA ĐIỂM: Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. ĐOÀN VĂN CÔNG	
Kiểm tra: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	09/2024
BẢN VẼ:	BẢN VẼ TỔNG THỂ
KÝ HIỆU:	BV TT -01

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

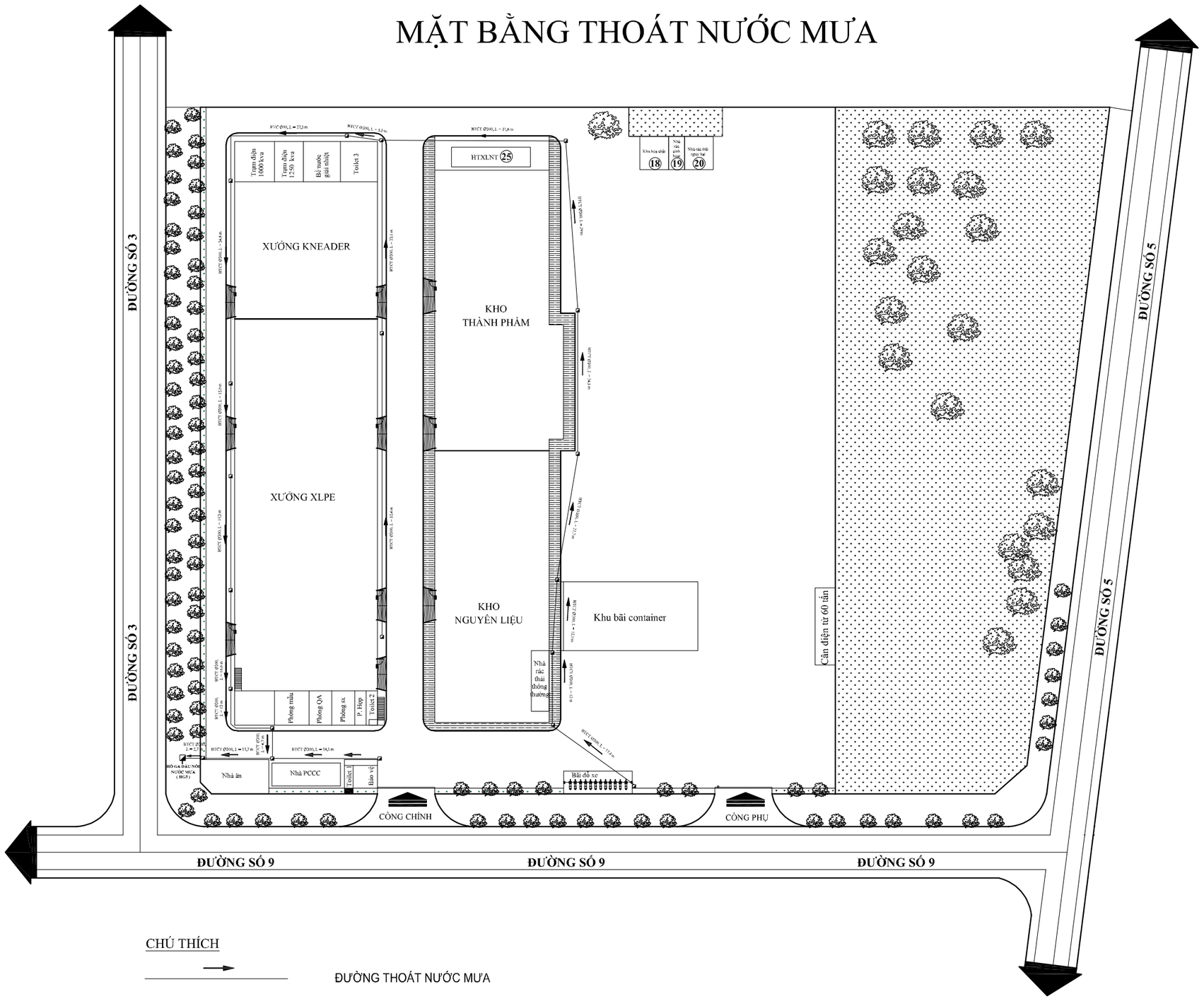

CHÚ THÍCH

ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC MƯA

HỐ GA NƯỚC MƯA

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

ĐỊA ĐIỂM: Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. ĐOÀN VĂN CÔNG	
Kiểm tra: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	09/2024
BẢN VẼ:	BẢN VẼ TỔNG THỂ
KÝ HIỆU:	BV TT -02

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

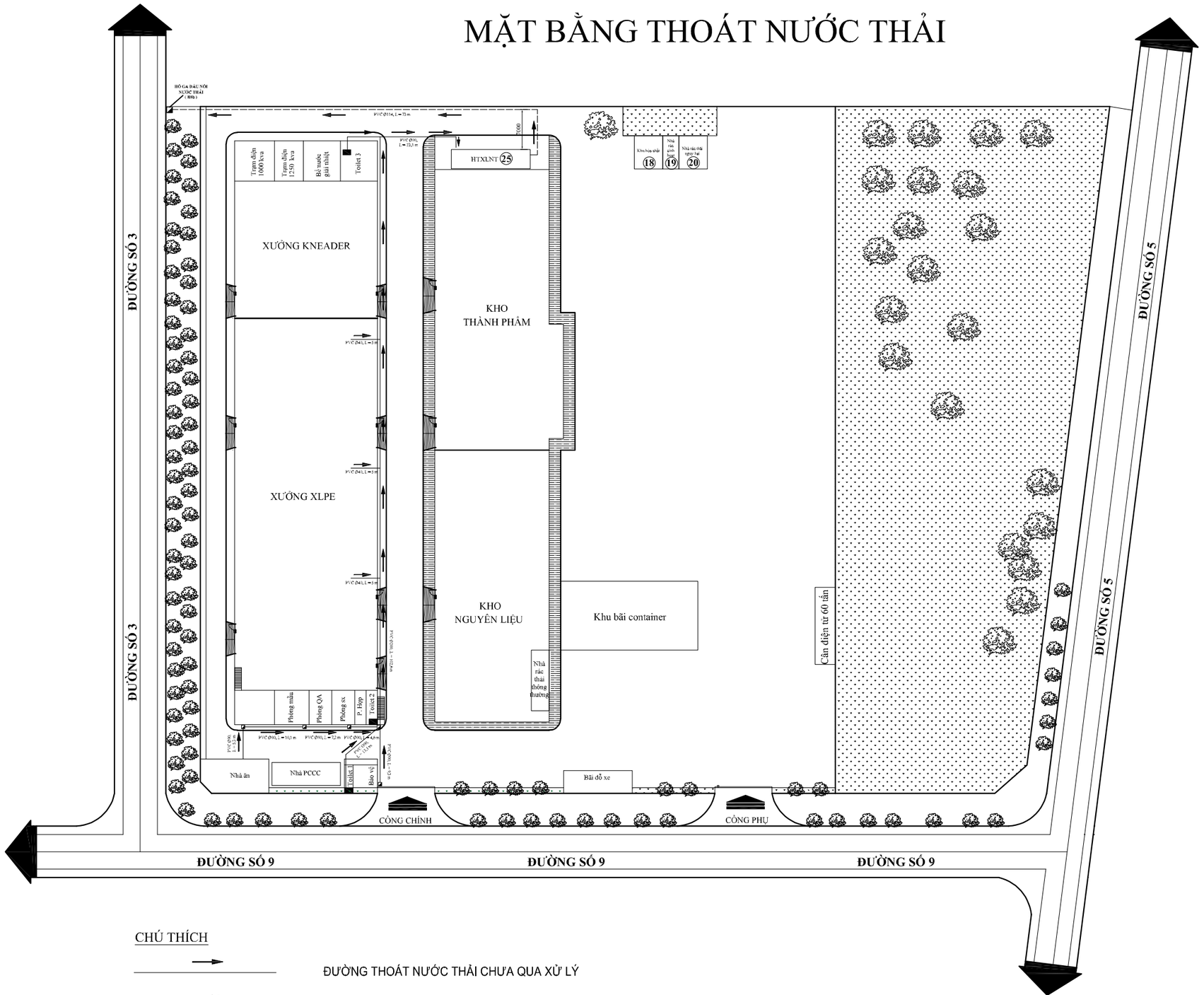

CHÚ THÍCH

- ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI CHƯA QUA XỬ LÝ
- ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI ĐÃ QUA XỬ LÝ
- HỐ GA NƯỚC THẢI
- HẦM TỰ HOẠI

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM: Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. ĐOÀN VĂN CÔNG	
Kiểm tra: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	*09/2024*
BẢN VẼ:	*BẢN VẼ TỔNG THỂ*
KÝ HIỆU:	*BV TT -03*

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ

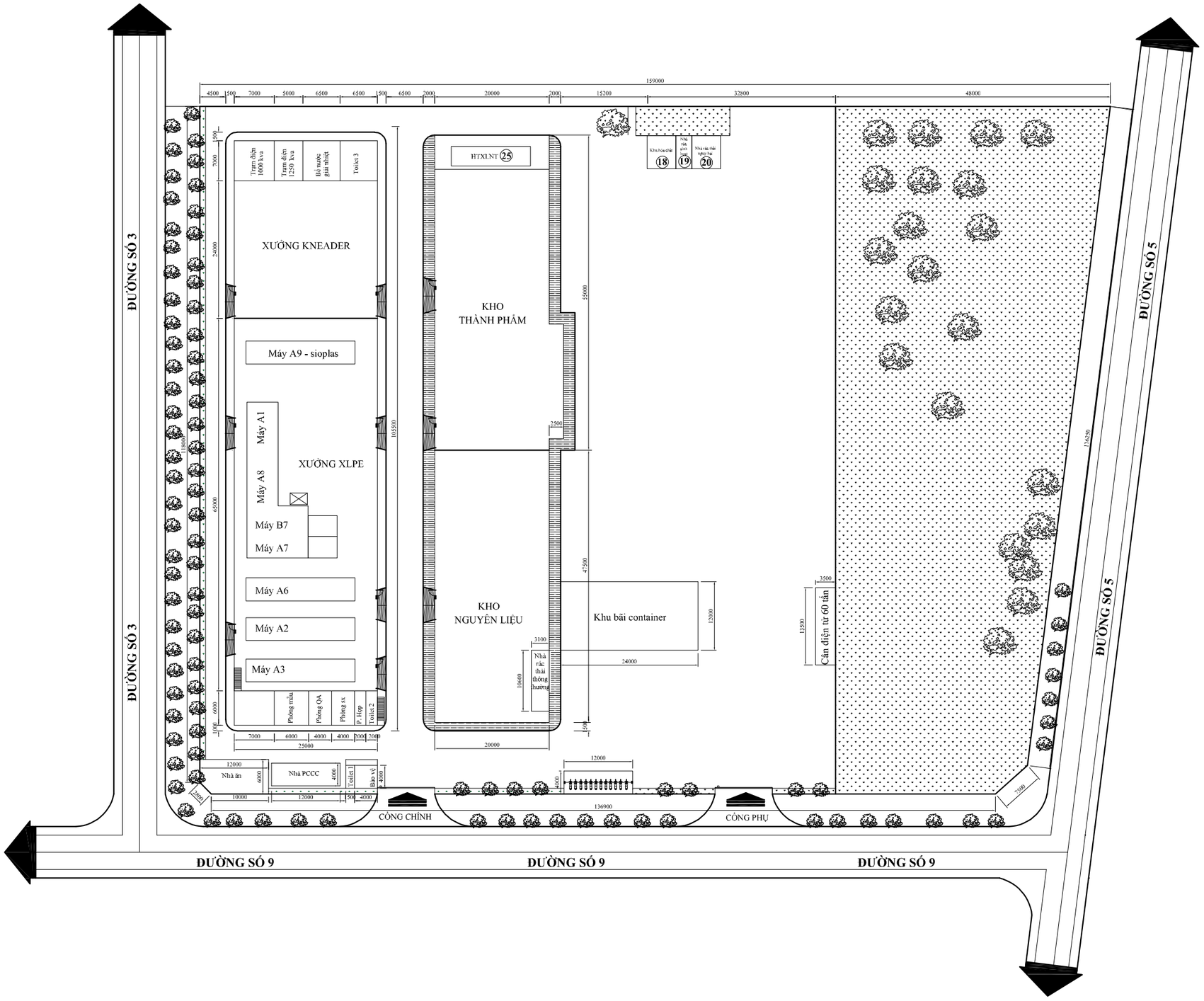

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

MẶT BẰNG
BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ

ĐỊA ĐIỂM: Lô C.II.I-1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG
BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. ĐOÀN VĂN CÔNG	
Kiểm tra: KS. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	*09/2024*
BẢN VẼ:	*BẢN VẼ TỔNG THỂ*
KÝ HIỆU:	*BV TT -04*

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 50M³/Ng.đêm

SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ - TL: 1/50

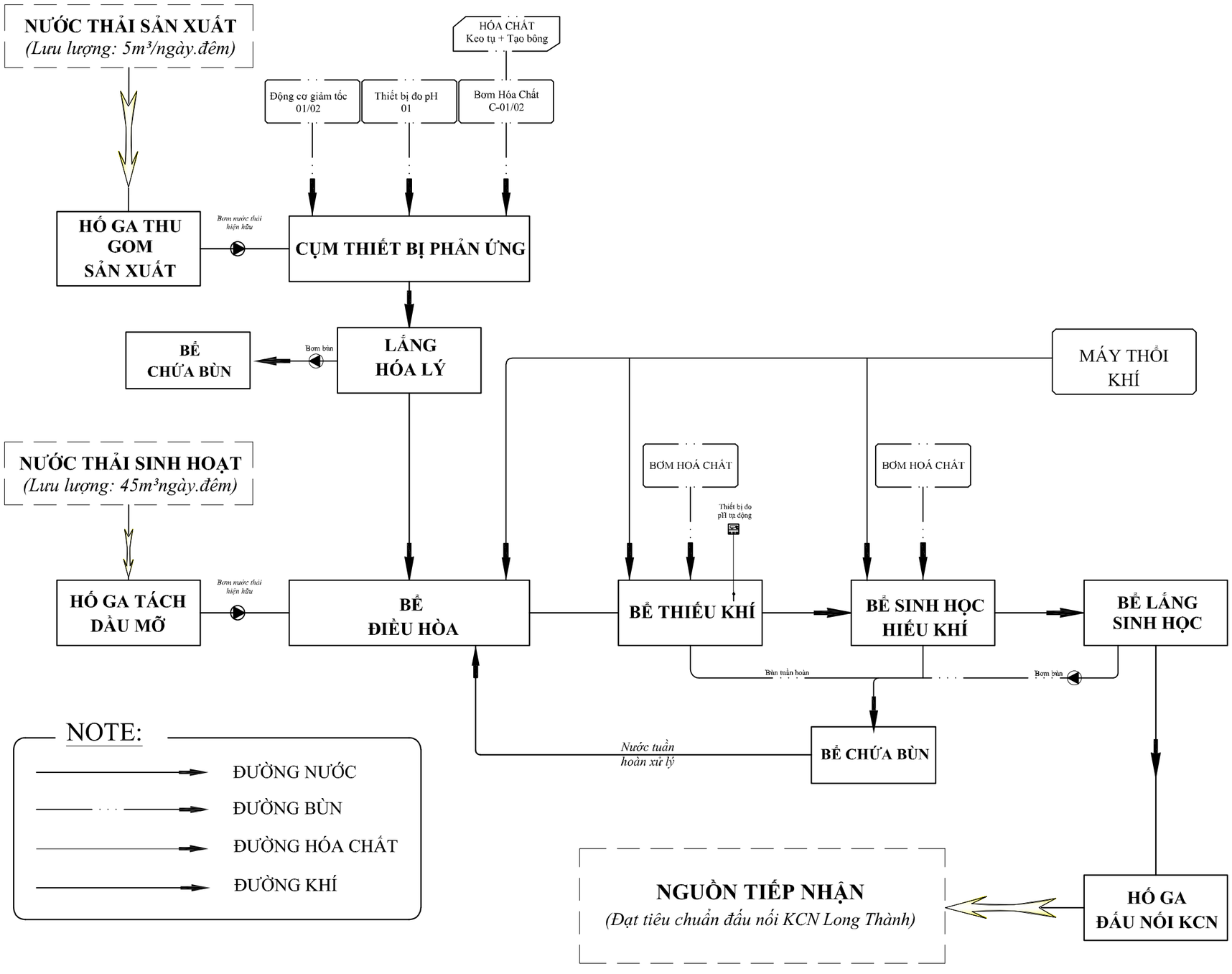

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Công Suất:50m³/ngđ

Địa chỉ:
Đường số 9, KCN Long Thành, H.Long Thành, T.Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: GĐ.NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. LÊ VĂN HẠNH	
Kiểm tra: GĐ.NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	02/2025
BẢN VẼ:	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ
KÝ HIỆU:	TXCN - 01

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY ĐÊM

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ

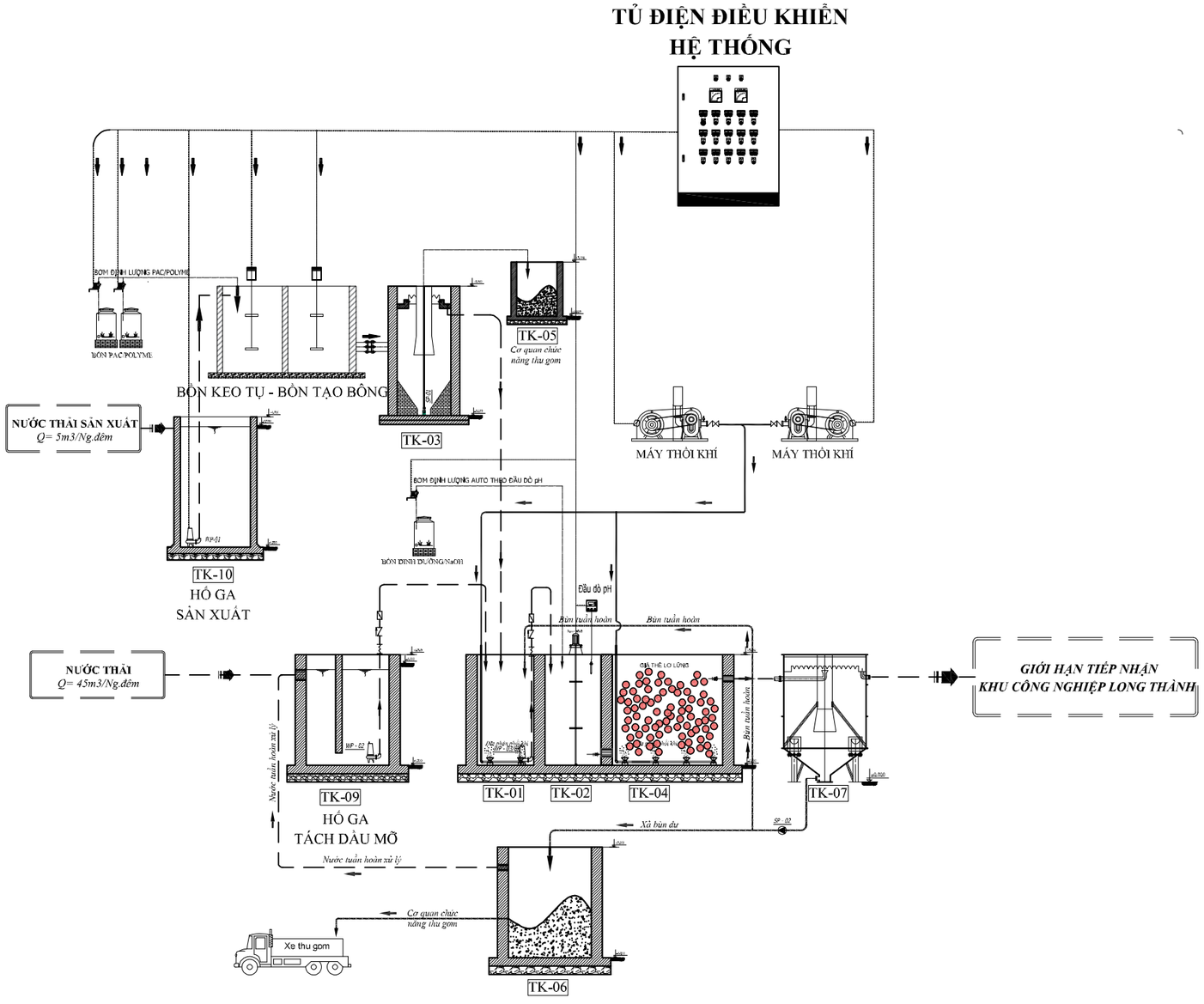

CHÚ THÍCH

- ĐƯỜNG NƯỚC
- ĐƯỜNG BÙN
- ĐƯỜNG HÓA CHẤT
- ĐƯỜNG KHÍ
- ĐƯỜNG ĐIỆN

STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU	STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU
TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA	3,0x 2,0 x 3,0	THÉP	TK-06	BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP
TK-02	BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ-ANOXIC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-07	BỂ LẮNG SINH HỌC	DxH:2,2 x 3,0	THÉP
TK-03	BỂ LẮNG HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-08	NHÀ ĐIỀU HÀNH	3,0 x 2,5 x 3,0	PANEL-TOLE
TK-04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ-AEROTANK	3,0x 2,5 x 3,0	THÉP	TK-09	HỐ GA TÁCH DẦU MỠ	1,4 x 3,6 x 2,0	BTCT-GẠCH
TK-05	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-10	HỐ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	1,2 x 1,2 x 2,0	BTCT-GẠCH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Công Suất:50m³/ngđ

Địa chỉ:
Đường số 9, KCN Long Thành, H.Long Thành, T.Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT
CÔNG NGHỆ

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: GĐ.NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. LÊ VĂN HẠNH	
Kiểm tra: GĐ.NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	02/2025
BẢN VẼ:	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ
KÝ HIỆU:	TXCN - 02

THI CÔNG XÂY DỰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT Q =50M3/NG.ĐÊM

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TL: 1/50

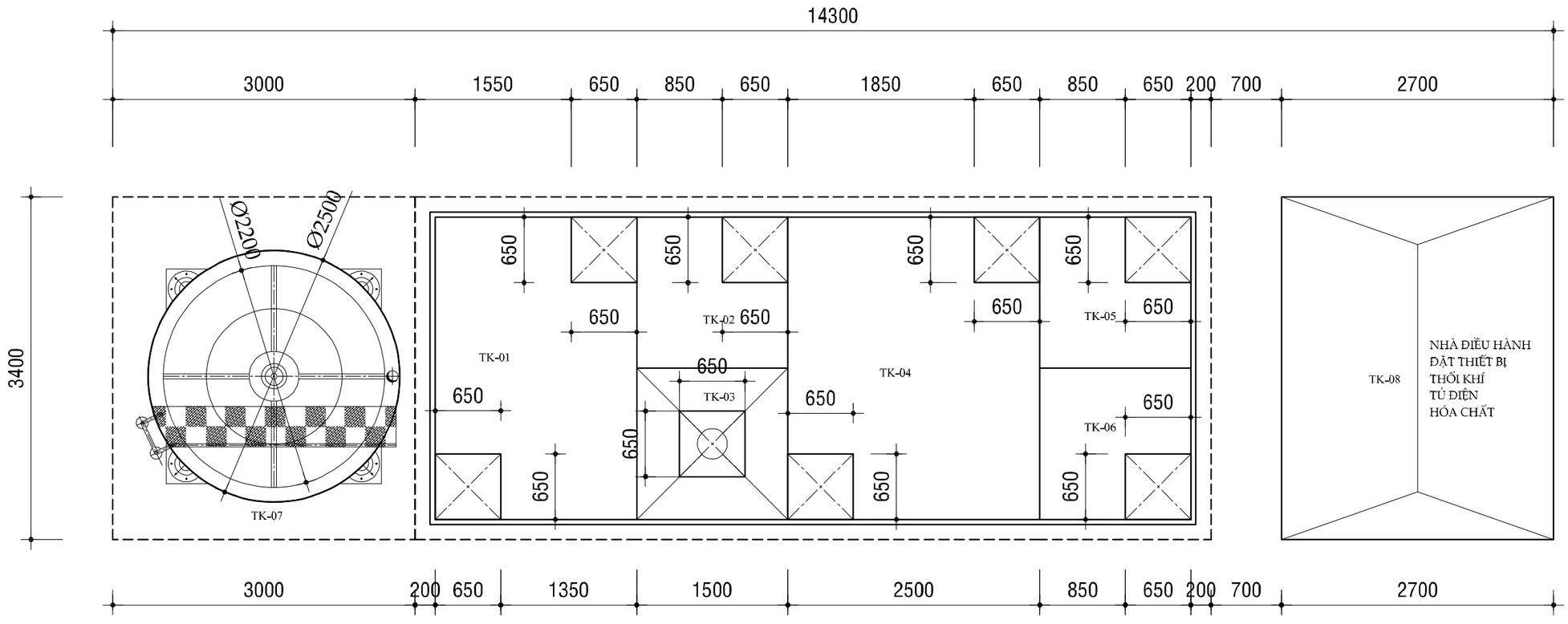

-->NẮP THĂM VẬN HÀNH

STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU	STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU
TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA	3,0x 2,0 x 3,0	THÉP	TK-06	BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP
TK-02	BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ-ANOXIC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-07	BỂ LẮNG SINH HỌC	DxH:2,2 x 3,0	THÉP
TK-03	BỂ LẮNG HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-08	NHÀ ĐIỀU HÀNH	3,0 x 2,5 x 3,0	PANEL-TOLE
TK-04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ-AEROTANK	3,0x 2,5 x 3,0	THÉP	TK-09	HỐ GA TÁCH DẦU MỠ	1,4 x 4,1 x 2,0	BTCT-GẠCH
TK-05	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-10	HỐ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	1,2 x 1,2 x 2,0	BTCT-GẠCH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Công Suất:50m³/ngđ

Địa chỉ:
Đường số 9, KCN Long Thành, H.Long Thành, T.Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3898915 Fax: (84) (0251) 3898910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: GĐ. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. LÊ VĂN HẠNH	
Kiểm tra: GĐ. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	02/2025
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CÔNG NGHỆ
KÝ HIỆU:	BVCN-03

THI CÔNG XÂY DỰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT Q =50M3/NG.ĐÊM

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CHÍNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TL: 1/50

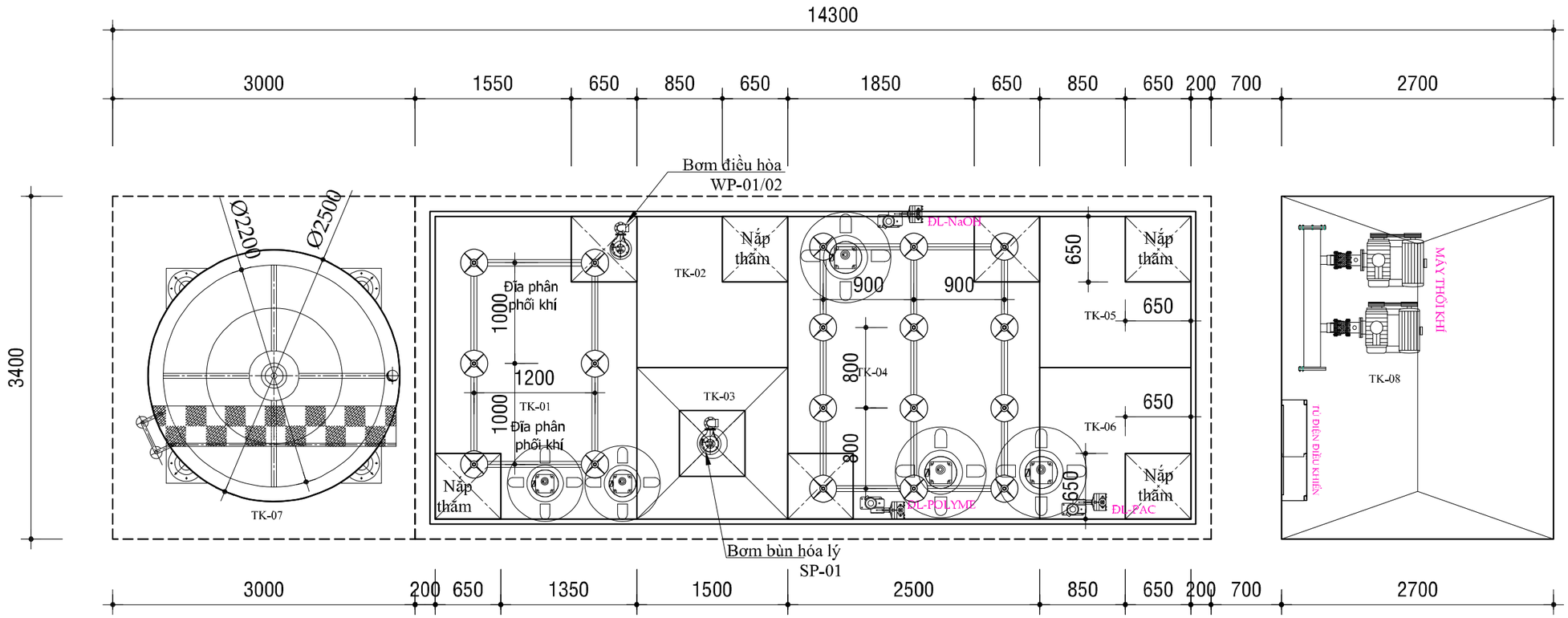

--->NẮP THĂM VẬN HÀNH

STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU	STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU
TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA	3,0x 2,0 x 3,0	THÉP	TK-06	BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP
TK-02	BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ-ANOXIC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-07	BỂ LẮNG SINH HỌC	DxH:2,2 x 3,0	THÉP
TK-03	BỂ LẮNG HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-08	NHÀ ĐIỀU HÀNH	3,0 x 2,5 x 3,0	PANEL-TOLE
TK-04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ-AEROTANK	3,0x 2,5 x 3,0	THÉP	TK-09	HỐ GA TÁCH DẦU MỠ	1,4 x 4,1 x 2,0	BTCT-GẠCH
TK-05	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-10	HỐ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	1,2 x 1,2 x 2,0	BTCT-GẠCH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Công Suất:50m³/ngđ

Địa chỉ:
Đường số 9, KCN Long Thành, H.Long Thành, T.Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP,Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THIẾT BỊ CHÍNH

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: GĐ. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. LÊ VĂN HẠNH	
Kiểm tra: GĐ. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	02/2025
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CÔNG NGHỆ
KÝ HIỆU:	BVCN-04

THI CÔNG XÂY DỰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT Q =50M3/NG.ĐÊM

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ
TL: 1/50

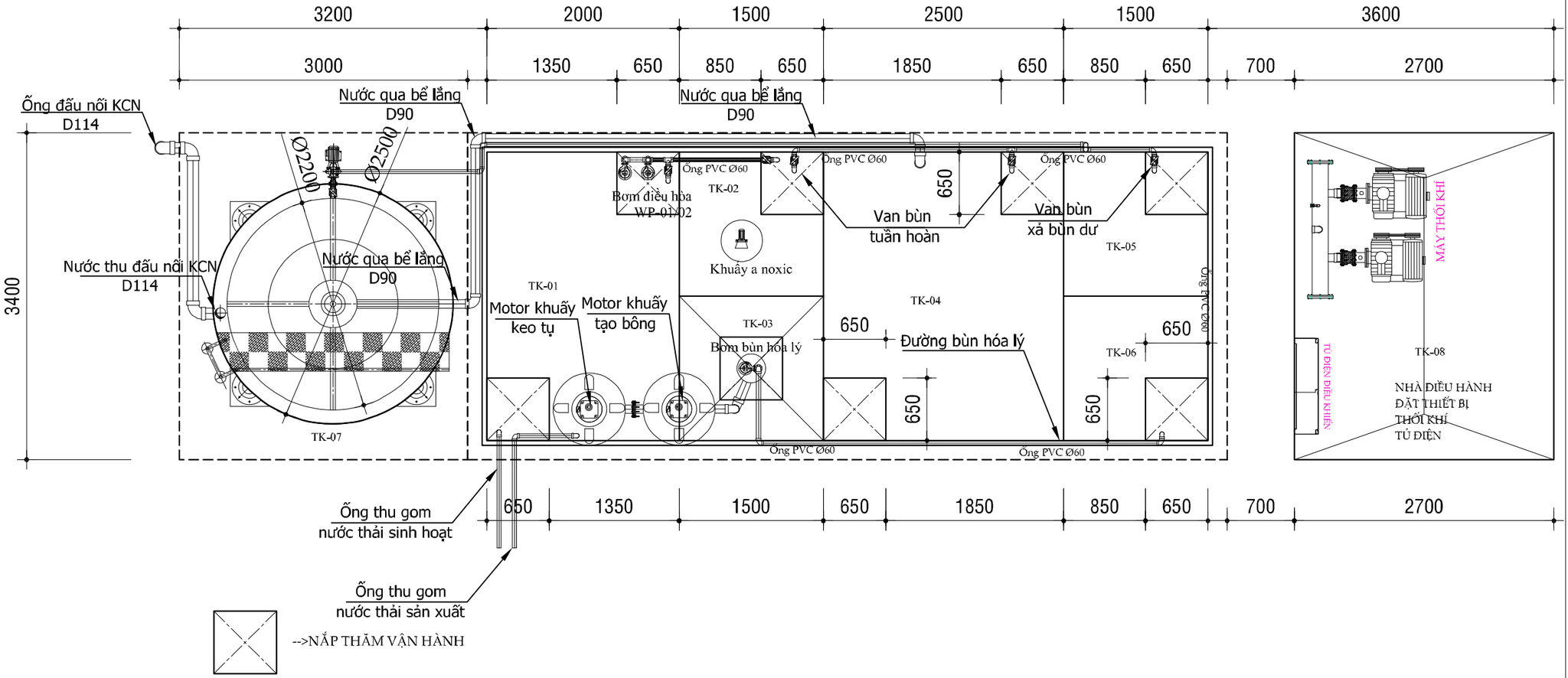

STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU	STT	HẠNG MỤC ĐƠN VỊ CÔNG TRÌNH	KÍCH THƯỚC XÂY DỰNG LỌT LÒNG (M)	VẬT LIỆU
TK-01	BỂ ĐIỀU HÒA	3,0x 2,0 x 3,0	THÉP	TK-06	BỂ CHỨA BÙN SINH HỌC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP
TK-02	BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ-ANOXIC	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-07	BỂ LẮNG SINH HỌC	DxH:2,2 x 3,0	THÉP
TK-03	BỂ LẮNG HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-08	NHÀ ĐIỀU HÀNH	3,0 x 2,5 x 3,0	PANEL-TOLE
TK-04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ-AEROTANK	3,0x 2,5 x 3,0	THÉP	TK-09	HỐ GA TÁCH DẦU MỠ	1,4 x 4,1 x 2,0	BTCT-GẠCH
TK-05	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ	1,5 x 1,5 x 3,0	THÉP	TK-10	HỐ THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	1,2 x 1,2 x 2,0	BTCT-GẠCH

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH POLYCOM

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Công Suất:50m³/ngđ

Địa chỉ:
Đường số 9, KCN Long Thành, H.Long Thành, T.Đồng Nai

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH

222 Đồng Khởi, KP1, Trảng Dài, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: (84) (0251) 3896915 Fax: (84) (0251) 3896910
Email: dothixanh777@gmail.com

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUỐC ĐẠT

Chủ trì: GĐ. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
Thiết kế vẽ: KS. LÊ VĂN HẠNH	
Kiểm tra: GĐ. NGUYỄN QUỐC ĐẠT	
NGÀY HOÀN THÀNH:	02/2025
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CÔNG NGHỆ
KÝ HIỆU:	BVCN-06

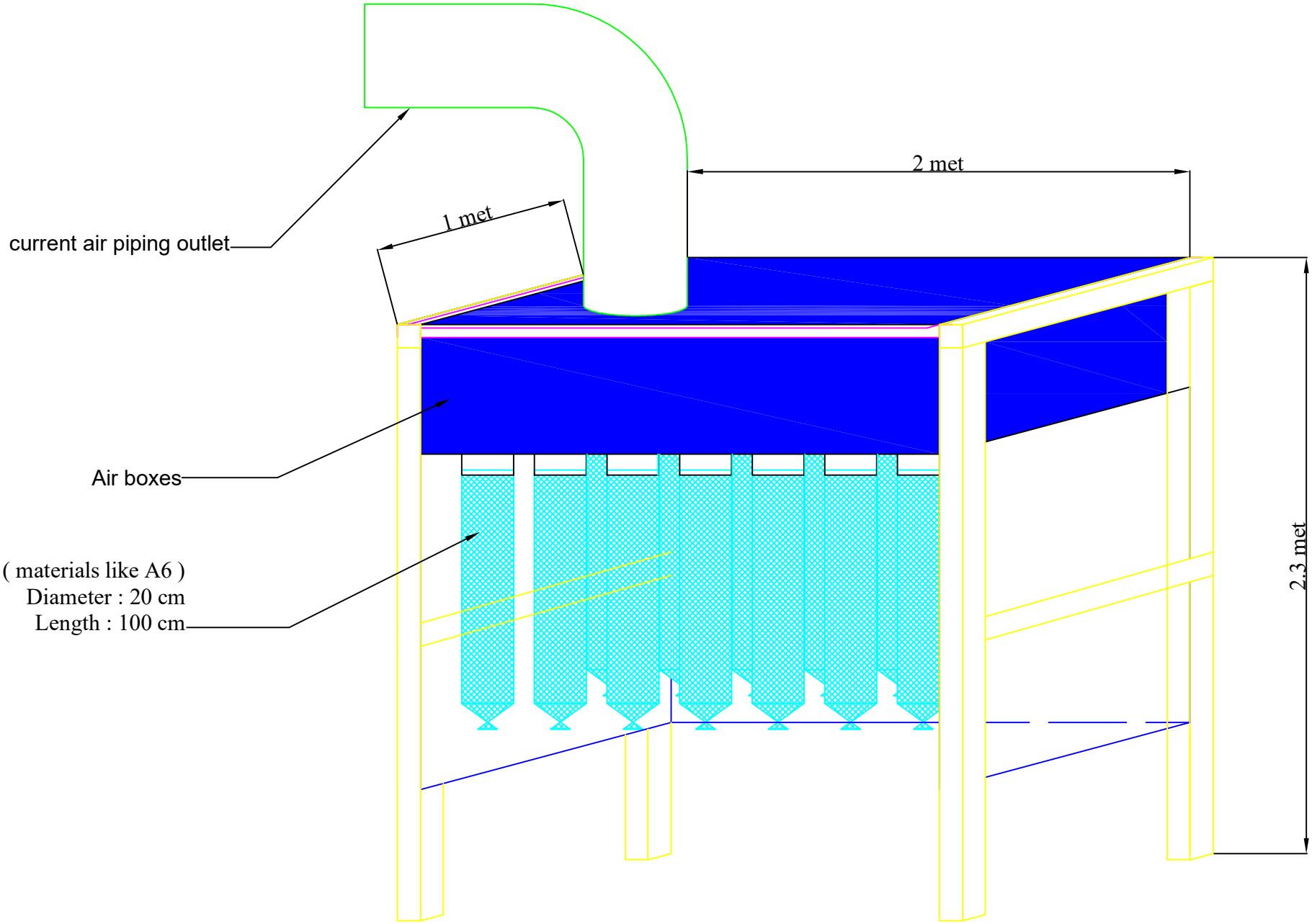

Left & right & behind slide cover for prevention rain
All by steel materials with painting 2 layer

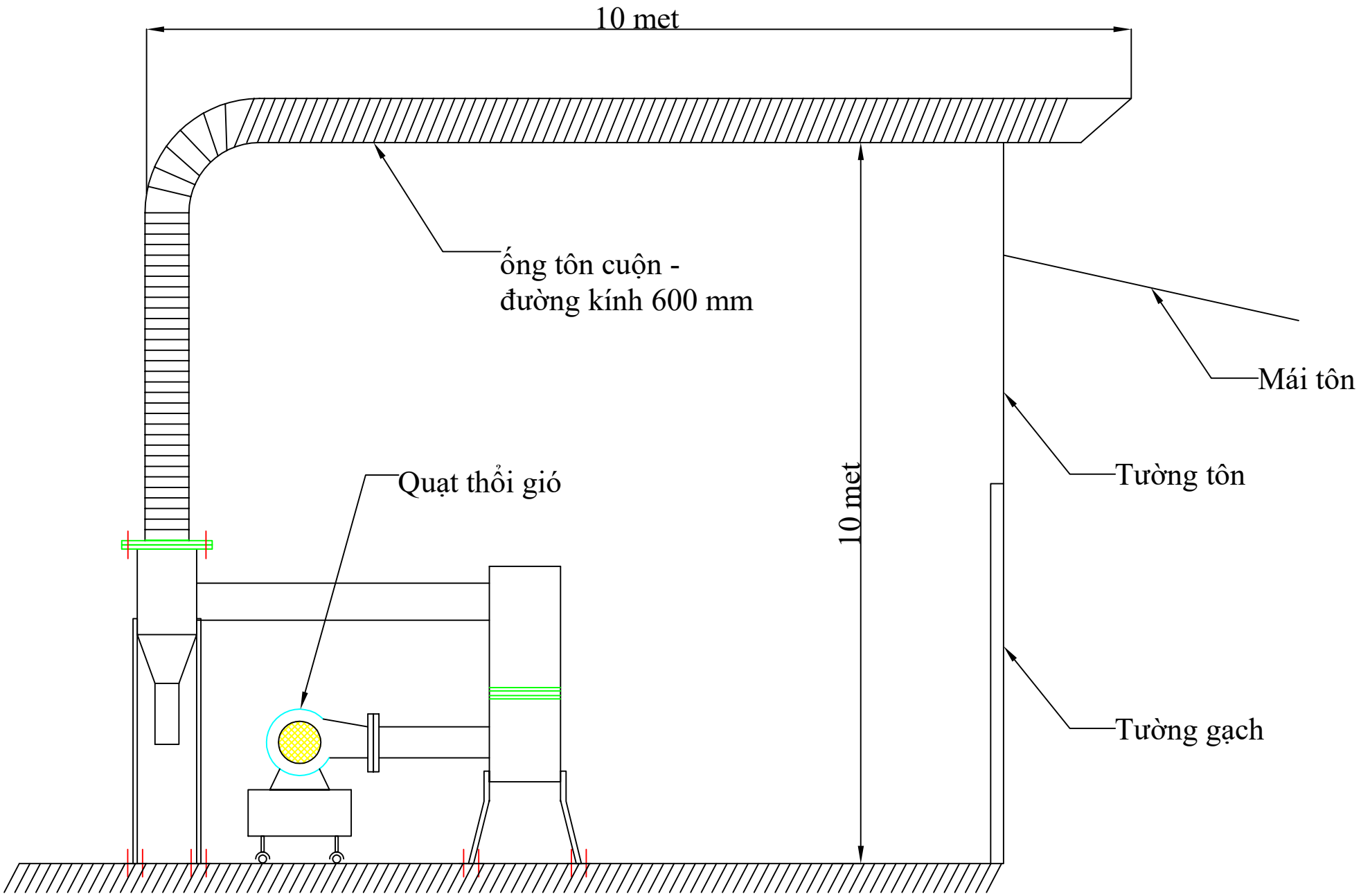
10 met
ống tôn cuộn -
đường kính 600 mm
Mái tôn
Quạt thổi gió
10 met
Tường tôn
Tường gạch

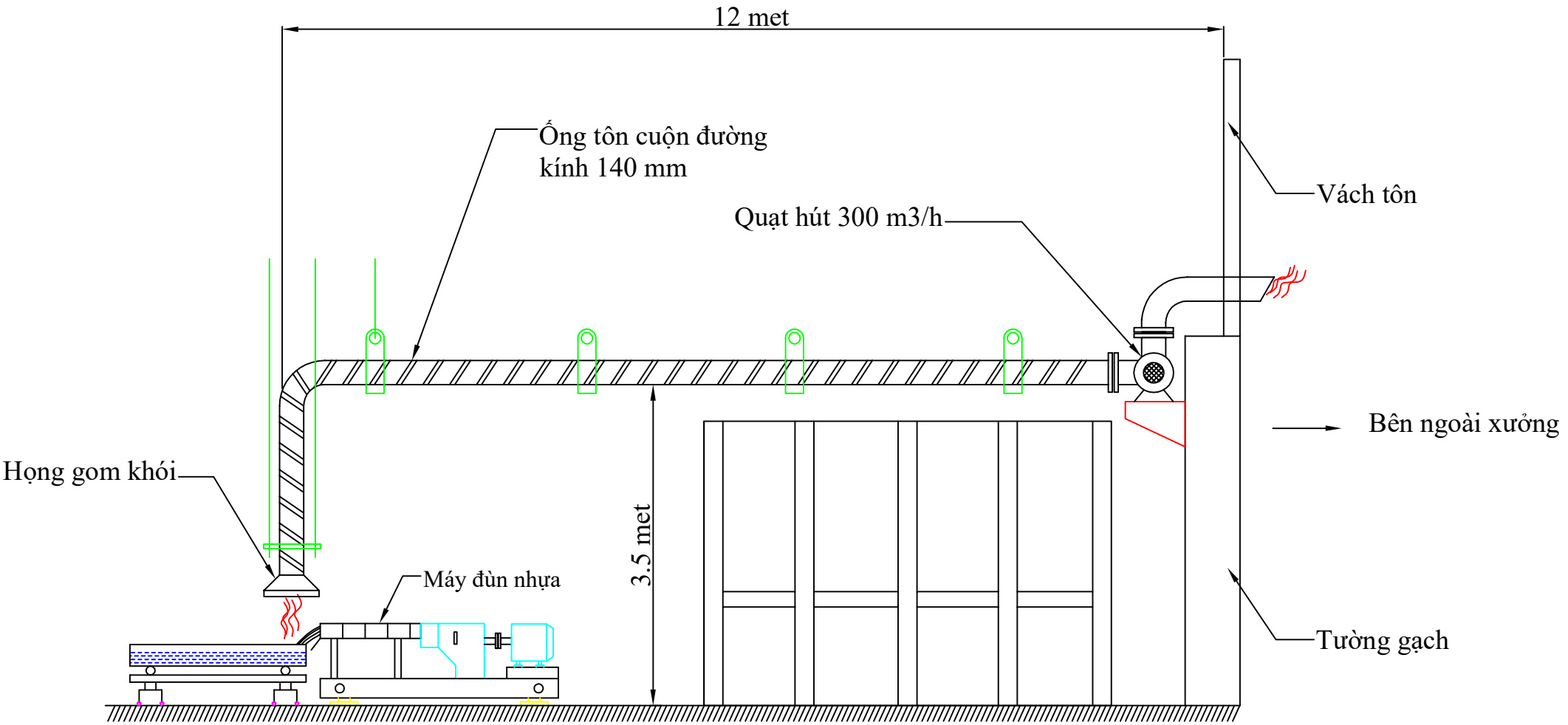
12 met
Ống tôn cuộn đường
kính 140 mm
Quạt hút 300 m3/h
Vách tôn
Bên ngoài xưởng
Họng gom khói
Máy đùn nhựa
3.5 met
Tường gạch

Shinhan Bank Vietnam

Phiếu Hạch Toán Điện Tử

(Dành cho khách hàng)

Ngày giao dịch (Giờ) : 27/02/2025(16:56:36)

Số phiếu : 8029-21607575-250227-0000090 **Ngày tra cứu :** 27/02/2025 17:07:21

Số tham khảo	719221068001		
Tên khách hàng	CTY TNHH POLYCOM		
Tổng số tiền giao dịch			VND 410,000,000
Số tiền chuyển đổi	0.00	Tra cứu Tỷ giá	1.00
Loại dịch vụ	Chuyển tiền trong nước		
Thông tin tham khảo	Transfer Amount : VND 410,000,000 Commission : VND 45,100 (FEE : 41,000 V.A.T : 4,100) [Applicant] [After Cut-off] Beneficiary Name : SO TAI CHINH DONG NAI (Account : 711121046159) Beneficiary Bank (InDirect) : NH TMCP Dau tu va Phat trien CN Dong Nai (75202001) By order of : CTY TNHH POLYCOM (Debited Account : 238-073-09943) Ordering Address : LO C.II.I-1 KCN LONG THANH, H.LONG THANH,DONG NAI Total Amount : VND 410,045,100 Product name [DEMAND DEPOSIT-VND] NOSTRO Amount : VND 410,000,000 [8061VND77], Value Date [20250227] Purpose Code[17] Transfer Instruction : MST: 3600857264, DVH: KBNN TINH DONG NAI, SQD: 485/QD-XPHC, NGAY 20/02/2025, CTY POLYCOM-NOP PHAT VI PHAM HANH CHINH , ST: 410,000,000D, MACHUONG: 405, MA TIEU MUC: 4261		

※ Giấy xác nhận giao dịch chỉ được sử dụng với mục đích tham khảo, không phải là chứng từ pháp lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 485/QĐ-XPHC	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC do ông Nguyễn Thành Trung - Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai - lập hồi 15 giờ 15 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với Công ty TNHH Polycom;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tại Tờ trình số 14/TTr-KCNĐN ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Polycom tại Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Công ty TNHH Polycom.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 3600857264.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3600857264 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ lần thứ 5 ngày 19 tháng 12 năm 2024; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Người đại diện theo pháp luật: Kim Dong Suk; Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

a) Hành vi 1: Không thực hiện nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể: Công ty TNHH Polycom không thực hiện Điều 5 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 64/QĐ-KCNĐN ngày 04 tháng 9 năm 2009 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp.

b) Hành vi 2: Không có Giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể: Công ty TNHH Polycom đã đưa dự án đi vào hoạt động chính thức nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

3. Quy định tại:

a) Hành vi 1: Khoản 2 Điều 6 và điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

b) Hành vi 2: Khoản 2 Điều 6 và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền **410.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu đồng*). Cụ thể: Hành vi 1: 45.000.000 đồng x 2 = 90.000.000 đồng. Hành vi 2: 160.000.000 đồng x 2 = 320.000.000 đồng.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có Giấy phép môi trường của cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với lý do: Công ty đã chủ động lập hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Công ty đang hoạt động ổn định tại Khu công nghiệp Long Thành và các cơ quan, đơn vị liên quan chưa ghi nhận phản ánh, khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi tường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với lý do: Vị trí Chi nhánh của Công ty nằm trong Khu công nghiệp Long Thành, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất công nghiệp và đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Kim Dong Suk là đại diện pháp luật cho tổ chức vi phạm có nêu tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Polycom không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Polycom phải nộp số tiền phạt quy định tại Điều 1 Quyết định này vào tài khoản số 7111.2.1046.159, chương 405, tiểu mục 4261 của Sở Tài chính tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai trong vòng 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

Sau khi thực hiện, Công ty TNHH Polycom có báo cáo kèm chứng từ nộp tiền gửi về Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (*Địa chỉ: Số 26, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) để theo dõi và Sở Tài chính để quản lý

b) Công ty TNHH Polycom có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai (*để thu tiền phạt*).

3. Gửi cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Polycom và theo dõi việc chấp hành của Công ty.

Trường hợp Công ty TNHH Polycom không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan lập thủ tục liên quan đến việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

4. Gửi cho Sở Tài chính để biết và phối hợp thực hiện.

5. Gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCD, KTNS, KTN, Tan.

<D:\2025\Long Thành\VPHC MT\>

CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Quyết định đã giao trực tiếp cho Ông....K.O....SEOKHYUN..... là người đại diện của Công ty TNHH Polycom bị xử phạt vào hồi 14. giờ 00 phút ngày 11. tháng .02 năm 2025./.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ko Seokhyun.

Mẫu biên bản số 01

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
về lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hôm nay, hồi 15 giờ 15 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (Địa chỉ: Số 26, đường 2A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Lý do lập biên bản tại Trụ sở Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai: Rà soát các dấu hiệu vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Polycom tại Lô C.II.I-1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cứ: Biên bản kiểm tra ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai; Văn bản số 2024.11/1/POLYCOM đề ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Polycom; Biên bản làm việc ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các hồ sơ, tài liệu liên quan.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

- Họ và tên: Nguyễn Thành Trung Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường;

Cơ quan: Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

- Họ và tên: Tô Thị Tuyết Chức vụ: Chuyên viên, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan: Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

2. Với sự chứng kiến của:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Trúc Giang Chức vụ: Chuyên viên.

Cơ quan: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành.

- Họ và tên: Huỳnh Minh Hùng Nghề nghiệp: Phụ trách môi trường.

Cơ quan: Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

3. Người phiên dịch: Nguyễn Đình Sơn Giới tính: Nam

Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính-Nhân sự, kiêm phiên dịch.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1.Tên của tổ chức: CÔNG TY TNHH POLYCOM.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô C.II.I-1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 3600857264.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3600857264 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 12 năm 2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp.

Người đại diện theo pháp luật: KIM DONG SUK Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:

- Hành vi 1: "Không thực hiện nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định".

Cụ thể: Công ty không thực hiện Điều 5 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 64/QĐ-KCNĐN ngày 04/9/2009 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp.

- Hành vi 2: "Không có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

Cụ thể: Công ty TNHH Polycom đã đưa dự án đi vào hoạt động chính thức nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

3. Quy định tại:

- Điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Hành vi 1).

- Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Hành vi 2).

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không.

5. Ý kiến trình bày của người đại diện của tổ chức vi phạm:

- Thống nhất với các hành vi vi phạm nêu trên.

Trong quá trình hoạt động, do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 và có thay đổi nhân sự, không nắm đầy đủ quy định nên Công ty chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo Quyết định số 64/QĐ-KCNĐN ngày 04/9/2009 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp (Cụ thể: Chưa tiến hành lập hồ sơ báo cáo việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức; Chưa báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và cập nhật thủ tục theo quy định). Công ty thành thật

nhận lỗi đối với các nội dung nêu trên. Công ty đã tiến hành lập, nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp phép môi trường. Công ty sẽ thực hiện phân công nhân sự rà soát và thực hiện khắc phục ngay các nội dung nêu trong biên bản làm việc hôm nay.

Rất mong các quý cơ quan xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho phép Công ty tiếp tục duy trì hoạt động để tạo công ăn việc làm cho hơn 100 công nhân viên của Công ty, đồng thời góp phần giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn kinh tế như hiện nay.

6. Ý kiến trình bày của đại diện chính quyền, người chứng kiến (nếu có):

6.1. Ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành:

- Thống nhất với nội dung các vi phạm tại biên bản đã nêu, đồng thời đề nghị Công ty sớm hoàn thiện thủ tục pháp lý về môi trường để được cấp giấy phép môi trường và tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

6.2. Ý kiến của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành: Trong quá trình hoạt động tại khu công nghiệp Long Thành, Công ty TNHH Polycom chấp hành tương đối tốt các quy định về xử lý nước thải và chưa ghi nhận phản ánh của các doanh nghiệp lân cận liên quan đến hoạt động của Công ty.

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không có.

8. Chúng tôi đã yêu cầu tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: Không.

10. Quyền và thời hạn giải trình: Trong thời hạn 02 ngày làm việc (Trường hợp giải trình trực tiếp)/05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này (Trường hợp giải trình bằng văn bản), ông Kim Dong Suk người đại diện của tổ chức vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai để thực hiện quyền giải trình.

11. Yêu cầu người đại diện của tổ chức vi phạm có mặt vào hồi.... giờ.... phút, ngày …./…./….. tại…… để giải quyết vụ việc.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 20 phút ngày 13/02/2025, gồm 04 tờ, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho giao cho ông Kim Dong Suk là người đại diện của tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

Trường hợp cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính

Lý do người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản:……

Trường hợp người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã không ký xác nhận việc cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính

Lý do người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã không ký xác nhận:.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CỦA TỔ CHỨC VI PHẠM

Kim Dong Suk

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Nguyễn Thành Trung

CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CỦA TỔ CHỨC BỊ THIỆT HẠI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Đình Sơn

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

Phòng Tài nguyên và Môi trường
huyện Long Thành

Nguyễn Thị Trúc Giang

Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành

Huỳnh Minh Hùng